

NGUYỄN VIỆT CHƯỚC
(Hồng Hà)

LUYỆN SỬ

BÁO - CHÍ VIỆT - NAM

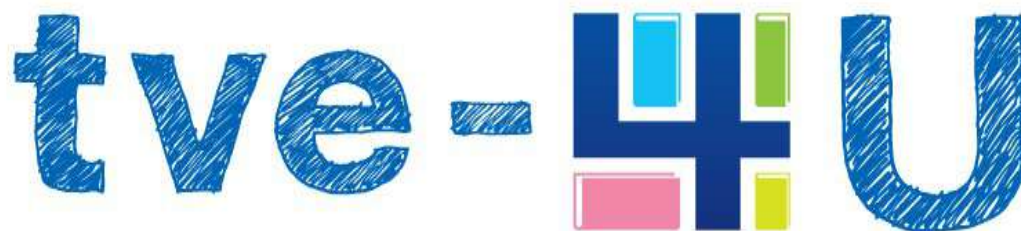
Soạn theo chương trình của Bộ Giáo Dục
để áp dụng vào việc giảng dạy
môn Quốc Văn Lớp 12
và dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên
các Phân Khoa Truyền Thông Báo Chí



1974
IN LẦN THỨ NHẤT

nam - son

36, Nguyễn an Ninh Saigon — Đ.T : 21.026
(cửa Tây chợ Bến Thành)



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LƯỢC SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM

Tác giả : NGUYỄN VIỆT CHƯỚC

Nhà xuất bản : NAM-SƠN

Năm xuất bản : IN LẦN THỨ NHỨT 1974

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : ElvisRey, Nhi Nguyễn, Daibig,
Nhok_kira, tu051290, nonliving, meyeusoi,
phaithatmanhme19, Đình Giao, tranhoaibaotn,
ptt1106, blacktulip161

Kiểm tra chính tả : Trần Trung Hiếu,
Vũ Minh Anh, Thư Võ

Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 25/09/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả NGUYỄN VIỆT CHƯỚC và nhà xuất bản NAM-SƠN
đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I : PHÂN CHIA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

2. PHẢI CHỌN NHỮNG TIÊU CHUẨN NÀO ĐỂ PHÂN CHIA CÁC GIAI ĐOẠN

- a) Tiêu chuẩn hoạt động của báo chí
- b) Tiêu chuẩn ý thức chính trị
- c) Tiêu chuẩn các biến cố thời sự (chính trị, xã hội, văn hóa và phát triển báo chí)
- d) Tiêu chuẩn lịch sử
- e) Tiêu chuẩn văn hóa và kỹ thuật
- f) Tiêu chuẩn độc giả
- g) Tiêu chuẩn thế hệ

3. NHẬN XÉT

4. KẾT LUẬN

CHƯƠNG 2 : NHỮNG GÌ ĐÃ XẢY RA TRONG TIẾN TRÌNH 100 NĂM CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

- a) Cảnh lệ thuộc của báo chí
- b) Những tờ báo mới xuất hiện
 - Gia Định Báo (1865-1897)
 - Đông Dương Tạp Chí (1913-1916)
 - Nam Phong Tạp Chí (1917-1934)
 - Các tờ báo khác (xuất bản trong thời gian từ 1865 tới 1917)

2. THỜI KỲ BÁO CHÍ ĐI VÀO Ý THỨC QUỐC GIA (1918-1929)

- Báo Đông Tây (1929 tới 1932)

- Phụ nữ Tân Văn (1929-1934)

3. MỘT MÙA TRĂM HOA ĐUA NỞ (1930-1945)

- Phong Hóa và Ngày Nay (1932-1940)

4. BÁO CHÍ KHÁNG CHIẾN (1945-1954) VÀ THỜI KỲ THƯƠNG MẠI HÓA CỦA BÁO CHÍ (1945-1965)

5. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU GENÈVE (1954-1963)

6. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU CÁCH MẠNG

CHƯƠNG 3 : ẢNH HƯỞNG LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI CÁC SINH HOẠT BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

2. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ THỜI KỲ PHÁP THUỘC ĐẾN 1-7-1949

3. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-7-1949 ĐẾN NGÀY CÁO CHUNG ĐỆ I CỘNG HÒA 1-11-1963

4. LUẬT PHÁP HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-11-1963 ĐẾN NAY

5. NHỮNG NÉT CHÍNH CỦA SẮC LUẬT 007

a) Tóm lược sắc luật

b) Đặc điểm của Sắc luật

c) Ảnh hưởng của Sắc luật 007/TT/SLU

CHƯƠNG 4 : NHỮNG KHUÔN MẶT LỚN CỦA LÀNG BÁO

TỔNG QUÁT

TRƯƠNG VĨNH KÝ

HUYỀN TỊNH CỦA

NGUYỄN VĂN VĨNH

PHAN KẾ BÌNH

PHẠM QUỲNH

NGUYỄN BÁ HỌC

PHAN KHÔI

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

NGUYỄN VĂN TỐ

NGUYỄN AN NINH

BÙI QUANG CHIÊU

HOÀNG TÍCH CHU

SƯƠNG NGUYỆT ANH

ĐÀO TRINH NHẤT

NHẤT LINH (1906-1963)

KHÁI HƯNG (1896-1947)

NGUYỄN TUÂN

THẾ LỮ

HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)

PHI VÂN

TẢN ĐÀ (1888-1939)

NAM CAO (1914-1951)

BÌNH NGUYỄN LỘC

MỘNG SƠN

THU VÂN

CHƯƠNG 5 : BÁO CHÍ HÔM NAY

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ BẢN SƠ ĐỒ : CÁC GIAI ĐOẠN TRONG TIẾN TRÌNH BÁO
CHÍ V.N.

NGUYỄN VIỆT CHƯỚC (Hồng Hà)
LƯỢC SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM

Soạn theo chương trình của Bộ Giáo Dục
để áp dụng vào việc giảng dạy
môn Quốc Văn Lớp 12
và dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên
các Phân Khoa Truyền Thông Báo Chí

IN LẦN THỨ NHỨT

1974

NHÀ XUẤT BẢN NAM-SƠN

36, Nguyễn an Ninh Saigon – Đ.T : 21.026
(cửa Tây chợ Bến Thành)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC
và **THANH NIÊN**

Nghị-Định số 1445/VHGDĐT/KHPC/HV
ngày 29 tháng 6 năm 1974 ấn định chương
trình Quốc-Văn giảng dạy lớp Mười hai kể
từ niên khóa 1974-1975.

TỔNG-TRƯỞNG VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

Chiếu Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01-04-1967.

*Chiếu Sắc-Lệnh số 394-TT/SL ngày 01-09-1968 và các văn kiện kế tiếp
ấn định thành phần Chánh-Phủ.*

*Chiếu Sắc-Lệnh số 33-GD ngày 19-09-1949 ấn định chức chương của
Bộ Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.*

*Chiếu Nghị-Định số 193-NĐ/GD ngày 14-10-1953 ban hành chương
trình Trung-Học trên toàn quốc và các nghị-định bổ túc và sửa đổi kế tiếp.*

*Chiếu Nghị-Định số 1152A-GD/KHPC/HV/NĐ ngày 26-06-1970 hợp
thức hóa chương trình đã được cập nhật hóa.*

*Chiếu Nghị-Định số 1867-GD/KHPC/HV/NĐ ngày 04-10-1971 ban
hành chương trình cập nhật hóa áp dụng từ niên-khóa 1971-1972.*

Chiếu đề nghị của Nha Trung Học.

NGHỊ-ĐỊNH

ĐIỀU I. – *Nay bổ túc Nghị Định số 1867-GD/KHPC/NĐ ngày 04-10-
1971 ban hành chương trình cập nhật hóa áp dụng từ niên khóa 1971-1972
bằng các điều khoản sau đây.*

ĐIỀU II. – *Môn Quốc Văn được giảng dạy tại lớp Mười Hai kể từ niên
khóa 1974-1975 với số giờ hàng tuần được ấn định trong bảng phân phối
giờ đính hậu.*

ĐIỀU III. – Các môn Sử-Địa, Triết, Sinh-Ngữ II, Cổ-Ngữ và Toán được tu chính ứng với số giờ hàng tuần được ấn định lại trong bản phân phối giờ.

ĐIỀU IV. – Tổng số giờ hàng tuần các môn ở lớp Mười Hai ghi trong Nghị-định số 1867-GD/KHPC/HV/NĐ ngày 04-10-1971 vẫn không thay đổi.

ĐIỀU V. – Tất cả các điều khoản trái với nghị định bổ túc này đều bãi bỏ.

ĐIỀU VI. – Thứ-trưởng, các Phụ-Tá, Đông-Lý văn phòng, Tổng Thư Ký, các Giám-Đốc chiếu nhiệm vụ thi hành nghị-định này.

SAIGON, ngày 29 tháng 06 năm 1974
TỔNG-TRƯỞNG VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ TN
NGÔ-KHẮC-TỈNH

ĐẦY ĐỦ CHI TIẾT : CHƯƠNG TRÌNH QUỐC VĂN Ở LỚP 12

SAIGON 1-7. – Theo nghị định số 1445 do Tổng Trưởng Giáo Dục ký vừa phổ biến đến báo chí, kể từ niên khóa 74-75, môn Quốc Văn sẽ được giảng dạy tại lớp 12, mỗi tuần ban C-D sẽ có 3 giờ và các ban A-B sẽ có 2 giờ Quốc Văn.

Học thêm môn Quốc văn, các môn Sử Địa, Triết, Sinh ngữ II, Cổ ngữ và Toán được tu chính lại để các ban C-D học 28 giờ một tuần và A-D học 30 giờ một tuần.

Chương trình quốc văn lớp 12 C-D gồm có hai phần : lý thuyết và thực hành.

I. PHẦN LÝ THUYẾT SẼ HỌC

A. Các tư tưởng lớn trong văn chương Việt Nam : **1.** Tư tưởng thuần túy dân tộc trong văn chương bình dân. **2.** Tư tưởng bắt nguồn từ Đông phương (ảnh hưởng Nho giáo, ảnh hưởng Phật giáo, ảnh hưởng Lão giáo). **3.** Tư tưởng bắt nguồn từ Tây phương (ảnh hưởng của tư tưởng lãng mạn, ảnh hưởng của tư tưởng tự do dân chủ, ảnh hưởng của Thiên chúa giáo).

B. Lược sử vài bộ môn văn học : **1.** Lược sử thi ca VN. **2.** Lược sử báo chí VN. **3.** Lược sử tiểu thuyết VN.

II. PHẦN THỰC HÀNH

A. Luận văn : **1.** Phương pháp nghị luận văn học liên quan đến các vấn đề nêu trong lý thuyết. **2.** Hướng dẫn học sinh nghiên cứu một vấn đề văn học và viết bài tiểu luận về vấn đề này.

B. Trần thuật : **1.** Chọn một số tác phẩm để trần thuật. **2.** Chương trình này cũng áp dụng cho cả 2 ban A và B, nhưng học khái quát hơn.

CHƯƠNG I : PHÂN CHIA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

Báo chí Việt Nam trong tiến trình 100 năm kể từ 1865 tới 1965, đã trải qua nhiều giai đoạn khác nhau với nhiều sắc thái tương phản. Lý do của sự tương phản này là do các biến cố bên ngoài cũng có mà do sự chuyển mình của báo chí cũng có. Chính vì thế, cuộc hành trình của báo chí Việt Nam kể từ lúc phôi thai tới những năm gần đây đã được nhiều người phân chia thành nhiều chặng đường để mô tả những thay đổi quan trọng đánh dấu những bước tiến của nó.

Báo chí, cũng như mọi ngành hoạt động văn hóa xã hội khác, luôn luôn thu nhận tầm ảnh hưởng của các biến cố ngoại cảnh để tự tìm đường tiến hóa cho thích hợp. Nói như vậy có nghĩa là báo chí không phải là một sinh hoạt đứng riêng rẽ trong xã hội. Trái hẳn lại báo chí bị ảnh hưởng bởi lịch sử chính trị, các biến chuyển xã hội, các cuộc chiến, cũng như mọi biến cố thời sự có tầm vóc lớn không bị thu hẹp vào một địa phương. Nhờ đó mà báo chí tiến qua các giai đoạn mà cải tiến mà lớn mạnh.

Nhưng khi nhìn vào tiến trình 100 năm của báo chí Việt Nam, mỗi người nghiên cứu bước đi của nó theo một cái nhìn khác nhau. Từ cái nhìn khác nhau đó, các học giả tiền phong trong vấn đề này mới đưa ra những quan niệm khác nhau trong việc phân chia các thời kỳ lịch sử báo chí Việt Nam. Người thì phân chia lịch sử đó theo tiêu chuẩn lịch sử đất nước. Người thì phân chia căn cứ vào các hoạt động của chính báo chí. Người thì phân chia các giai đoạn theo các tiêu chuẩn văn hóa. Và cuối cùng, có người đã tổng hợp tất cả những tiêu chuẩn này để hệ thống hóa tiến trình của báo chí. Dĩ nhiên chúng ta không thể khẳng định ưu và khuyết điểm của mỗi quan niệm vì quan niệm nào cũng có phần chính xác và vững chắc. Ở đây chúng ta chỉ phân tách các sự kiện trong tiến trình của báo chí và thử tìm xem có

một đường lối nào khác, hữu hiệu hơn, để phân chia các thời kỳ mà báo chí Việt Nam đã trải qua hay không.

2. PHẢI CHỌN NHỮNG TIÊU CHUẨN NÀO ĐỂ PHÂN CHIA CÁC GIAI ĐOẠN

a) Tiêu chuẩn hoạt động của báo chí

Người đã căn cứ vào tiêu chuẩn các hoạt động của báo chí để phân chia các giai đoạn trong tiến trình báo chí là nhà văn Thê Húc. Dưới con mắt ông, báo chí Việt Nam, kể từ ngày khai sinh vào 1865 đã chuyển mình qua bốn giai đoạn để đi tới hiện trạng của nó ngày nay. Theo ông, mỗi giai đoạn này được đánh dấu bằng những hoạt động của chính nó, và hoạt động đó đã được bộc lộ qua nội dung cũng như hình thức. Sự phân chia của Thê Húc được trình bày như sau :

- 1. Giai đoạn dự bị 1865-1913**
- 2. Giai đoạn thành lập 1913-1930**
- 3. Giai đoạn phát triển 1930-1940**
- 4. Giai đoạn phân hóa 1940-1946**

Đây là quan niệm đầu tiên về lịch sử tiến hóa của báo chí vì Thê Húc là người đầu tiên phân chia con đường tiến hóa báo chí Việt Nam ra từng giai đoạn rõ rệt. Theo ông, những giai đoạn này đều được giới hạn với những thời điểm và hoạt động rõ rệt, bắt đầu từ sự khai sinh của Gia Định Báo, tới sự ra đời của Đông Dương Tạp Chí, đến Đông Tây, Tia Sáng v.v... Mỗi giai đoạn nằm trong hai cái mốc có thể là sự xuất hiện của một tờ báo mà cũng có thể là sự tạ từ của một tờ báo khác đóng cửa. Theo sự phân chia như vậy, giai đoạn 1 (dự bị) của làng báo Việt Nam cho người ta thấy những hoạt động phôi thai, rời rạc của một hai tờ báo đầu tiên ra mắt trên xứ sở chúng ta. Giai đoạn 2 (thành lập) cũng không sôi động lắm, vì báo chí lúc đó như một kẻ chập chững vào đời, các hoạt động còn rời rạc, và nhất là thời kỳ đó, báo chí nước ta còn ở trong tay người Pháp. Phải đợi cho tới giai đoạn 3 (phát triển), cái không khí làm báo mới từng bừng. Báo ngày, tạp chí nổi gót

nhau ra phụng sự dư luận. Nhưng rồi trong giai đoạn 4 (phân hóa), các khuynh hướng khác nhau của người làm báo đã đưa báo chí vào một thời kỳ lắng đọng, chấm dứt những ngày « trăm hoa đua nở » mới qua.

b) Tiêu chuẩn ý thức chính trị

Người thứ hai có công theo dõi tiến trình của báo chí Việt Nam là nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc. Trong bài nói chuyện về chủ đề « Lịch trình tiến triển của báo chí nước nhà qua các giai đoạn 1862-1956 », ông đã phân tách các chặng đường mà báo chí đã đi qua. Nhưng trong bài nói chuyện trên, ông chỉ đề cập tới báo chí miền Nam và chỉ nhắc sơ tới báo chí miền Bắc như là để dẫn chứng mà thôi. Trái với Thê Húc, Trần Tấn Quốc không phân chia các giai đoạn theo báo chí mà lấy ý thức chính trị ra làm căn bản để phân biệt. Dưới con mắt của ông, báo chí Việt Nam trong suốt tiến trình 100 năm chỉ được phân chia thành hai giai đoạn như dưới đây :

1. Giai đoạn vô ý thức của báo chí thuở ban đầu 1862-1925.

2. Giai đoạn ý thức quốc gia, xã hội từ lúc Phan Bội Châu bị bắt, Phan Châu Trinh chết, từ 1926 trở đi.

Sự phân chia của Trần Tấn Quốc có cái lý do của nó. Trên con đường dài 100 năm, ông cắm một mốc ở gần khoảng 2/3 chặng đường đó, nghĩa là vào năm 1926 để chia ra làm hai. Đó là năm xảy ra hai biến cố chính trị đặc biệt làm rung động dư luận : Biến cố thứ nhất là vụ cụ Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải giải về Hà Nội và bị đem ra xử như một tên phiến loạn vào cuối năm 1925 để rồi tạo nên một không khí công phẫn trong quần chúng vào năm 1926. Biến cố thứ hai là cái chết và đám táng cụ Phan Châu Trinh tại Saigon khoảng tháng 4, 1926. Báo chí lúc đó đã ý thức được tinh thần quốc gia và phản ảnh đúng lòng dân. Không khí làng báo qua hai biến cố lịch sử này thật vô cùng sôi nổi.

Quan niệm của Trần Tấn Quốc cho thấy rằng báo chí Việt Nam kể từ lúc phôi thai cho tới 1925 hoàn toàn ở vào tình trạng « vô ý thức ». Nó hoạt động như một con người, hay sinh vật nào đó sống mà không có trí giác, không biết mình làm gì, cũng chẳng có liên hệ đến đất nước mình đang

sống. Nhưng những biến cố năm 1926 đã làm làng báo chột tinh vùng ra khỏi cơn mê để lãnh lấy trách nhiệm đối với quốc gia. Từ « vô ý thức » đến « ý thức », báo chí Việt Nam dưới con mắt Trần Tấn Quốc đột nhiên vùng dậy để nhận biết chính mình và gánh lấy nhiệm vụ, chỉ nhờ hai biến cố chính trị xảy ra trên lộ trình báo chí.

c) Tiêu chuẩn các biến cố thời sự (chính trị, xã hội, văn hóa và phát triển báo chí)

Quan niệm thứ ba về sự phân chia các giai đoạn báo chí là quan niệm tổng hợp của nhà văn Nguyễn Ngu Ý. Con mắt của Nguyễn Ngu Ý nhìn vào tiến trình của làng báo Việt Nam với nhiều khía cạnh hơn con mắt của hai học giả đi trước là Thê Húc và Trần Tấn Quốc. Với quan niệm tổng hợp đó, Nguyễn Ngu Ý đưa ra một cách phân chia khác, với 4 giai đoạn trong đó những cái mốc phần ranh giới có thể là biến cố chính trị, văn hóa mà cũng có thể là các biến cố xã hội hay của chính làng báo xứ sở. Tiến trình của báo chí Việt Nam dưới con mắt của Nguyễn Ngu Ý có 4 chặng dưới đây :

1. Giai đoạn lệ thuộc (báo chí do người Pháp chủ trương) 1865-1917.
2. Giai đoạn độc lập (báo chí do người Việt chủ trương) và đấu tranh chính trị 1918-1929.
3. Giai đoạn phát triển 1930-1945.
4. Giai đoạn thương mại hóa (Báo chí được khai thác như những cơ sở doanh thương và kinh tế) 1946-1965.

Khi phân chia như trên, chính Nguyễn Ngu Ý cũng cho là dễ dễ trình bày tiến trình của báo chí chứ không có gì khẳng định. Nhưng nhìn vào sự phân chia đó ai cũng thấy cái mốc đầu tiên mà ông cắm vào cuối giai đoạn một là sự giải thoát báo chí ra khỏi tay người Pháp. Sự thay đổi đó chính là một biến cố của báo chí có pha lẫn màu sắc chính trị. Cái mốc thứ hai, đặt ở năm 1918 là cái mốc văn hóa và xã hội, được cắm vào cuối giai đoạn hai để đánh dấu ngày Thế chiến thứ hai chấm dứt. Ta thấy nó mang tính chất chính trị, khi báo chí Việt Nam đóng vai trò đấu tranh chính trị giữa tầng lớp sĩ

phụ nước ta với nhà cầm quyền thuộc địa. Cái mốc thứ ba thì hoàn toàn mang tính chất văn hóa, còn cái mốc chót lại giống như cái mốc thứ nhất, nghĩa là chỉ ghi dấu một biến cố của riêng báo chí mà thôi.

Như vậy, tiến trình 100 năm của báo chí Việt Nam do Nguyễn Ngũ Ý vạch ra cho mọi người thấy rõ ràng từ khi xuất hiện, báo chí nước ta đã chuyển mình theo hai điều kiện : điều kiện thứ nhất là chính vì hoạt động của nó (giai đoạn 1 và 4). Và điều kiện thứ hai là vì ảnh hưởng của các biến cố ngoại cảnh (giai đoạn 2 và 3). Nhưng cũng theo ông, những ranh giới phân chia không phải hoàn toàn cứng nhắc vì trong bất cứ giai đoạn nào, người quan sát cũng vẫn tìm thấy những hoạt động dị biệt với ý nghĩa chung của giai đoạn đó.

d) Tiêu chuẩn lịch sử

Ngoài những tiêu chuẩn phân chia đã nêu trên, người quan sát báo chí Việt Nam có thể phân chia các tiến trình của báo chí theo tiêu chuẩn nào khác hay không ? Câu trả lời nằm ngay nơi tiêu đề của phần này, đó là tiêu chuẩn lịch sử. Nếu căn cứ vào tiêu chuẩn lịch sử mà phân chia các giai đoạn trong tiến trình của báo chí, chúng ta sẽ tìm ra được một quan niệm khác biệt với các nhà học giả tiền phong như Thê Húc, Trần Tấn Quốc, Nguyễn Ngũ Ý. Cái khía cạnh đúng hay sai xin để tùy người đọc quyết định, ở đây, người viết chỉ đề nghị việc phân chia các giai đoạn báo chí theo lịch sử đất nước để từ đó chúng ta theo dõi bước đi của làng báo xứ nhà.

Căn cứ vào tiêu chuẩn lịch sử, chúng ta phân chia báo chí như thế nào ? Dĩ nhiên ngày khai sinh của báo chí vẫn phải là theo các quan niệm cũ (1865). Sau thời kỳ phôi thai, báo chí Việt Nam đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi một biến cố lịch sử vĩ đại có liên quan đến vận mệnh toàn thể dân tộc. Đó là Hòa ước 1884 hay còn gọi là Hòa ước Patenôtre qui định việc đặt Việt Nam dưới sự bảo hộ của người Pháp. Theo các tài liệu được sưu khảo, báo chí xứ ta bước một bước lớn nhờ biến cố vĩ đại này. Hòa Ước 1884 đã đem lại sự phần nộ cho Triều Đình Huế cũng như các nhà ái quốc Việt Nam. Và chính sự phần nộ đó đã được biểu lộ một cách kín đáo trên báo chí, đến nỗi nhà

cầm quyền Pháp phải dành những tờ báo của họ để đánh lạc hướng niềm công phần nói trên. Theo lịch sử đất nước, ta có thể nói rằng chính biến cố 1884 đã ghi cái mốc đầu trong tiến trình « bán ý thức » của báo chí.

Cái mốc thứ hai trên tiến trình này là cuộc Thế chiến Thứ Nhất 1914. Từ tình trạng « bán ý thức » báo chí tiến qua tình trạng « ý thức » với sự mạng của mình. Thật vậy, khi tiếng súng của cuộc Thế Chiến bùng nổ bên kia đại dương, dân ta đã nhìn nhận thấy sự liên hệ giữa Việt Nam và thế giới, trong khi báo chí nhìn thấy trách nhiệm đối với đất nước. Lịch sử Việt Nam cũng bởi cuộc Thế Chiến mà đi vào một khúc quanh và ảnh hưởng của nó xâm nhập vào báo chí. Như vậy, ta có thể nói rằng thời kỳ từ Hòa Ước 1884 tới ngày bùng nổ Thế Chiến thứ nhất chính là giai đoạn thứ hai của báo chí Việt Nam.

Từ khúc quanh 1884, lịch sử Việt Nam trở nên cực kỳ sôi động. Ý thức quốc gia và trách nhiệm không còn là một cái gì quá xa lạ đối với những người làm báo. Và suốt từ đó cho tới ngày khai hỏa cuộc Thế Chiến thứ hai, dư luận báo chí đã đi vào giai đoạn « ý thức cao độ » đối với lịch sử. Trong giai đoạn này, người ta đã làm báo vì lý tưởng dùng báo chí làm phương tiện đấu tranh. Dẫn chứng cho lập luận này là tờ La Cloche fêlée của Nguyễn An Ninh cũng như bao nhiêu tờ báo khác xả thân đòi thực hiện những tư tưởng dân chủ cấp tiến.

Nhưng ngày kết liễu Thế chiến thứ hai, báo chí lại đi vào một giai đoạn mới cùng với bước chân của lịch sử đất nước. 1945 là cái mốc lớn đánh dấu bước đi này, và báo chí từ đó xoay sang giai đoạn thương mại hóa. Mặc dầu thế, nó vẫn không phải là hoàn toàn xao lãng trách nhiệm của mình, cho nên báo chí vẫn được gắn liền với tiến trình lịch sử và vẫn đấu tranh quyết liệt trong những cơn nguy biến. Nhưng với đà tiến hóa của kỹ thuật, làng báo đã được coi như một ngành khai thác tân tiến nặng tính chất thương mại, có lẽ một phần cũng vì đà sống cơ khí tiến bộ du nhập vào xứ sở ta từ Âu châu.

Tới đây, có thể tạm chia các thời kỳ báo chí Việt Nam theo tiêu chuẩn lịch sử như dưới đây :

1. Giai đoạn phôi thai 1865-1884.
2. Giai đoạn bán ý thức 1884-1914.
3. Giai đoạn ý thức 1914-1945.
4. Giai đoạn thương mại hóa mặc dầu vẫn có ý thức cao độ 1945-1965.

e) Tiêu chuẩn văn hóa và kỹ thuật

Có lẽ không ai có thể hoàn toàn hài lòng với sự phân chia tiến trình báo chí theo các tiêu chuẩn trên đây. Người quan sát báo chí vẫn còn khao khát một tiêu chuẩn nào khác để hình dung một tiến trình hợp lý hơn và xác thực hơn. Thưa đó là cách phân chia các giai đoạn lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn văn hóa và kỹ thuật.

Sở dĩ chúng ta cần phối hợp cả hai yếu tố văn hóa và kỹ thuật thành một tiêu chuẩn bởi vì những biến chuyển trong tiến trình của báo chí đòi hỏi cả hai yếu tố này.

Theo tiêu chuẩn trên, cái mốc đầu tiên xin được đặt ở năm 1915. 40 năm sau khi báo chí Việt Nam xuất đầu lộ diện. Tại sao vậy? Lý do là vì trong 40 năm đó mặc dầu báo chí có biến chuyển theo các sự kiện lịch sử hay chính trị, nhưng chẳng thay đổi là bao về mặt văn hóa và kỹ thuật. Suốt trong 40 năm, nội dung tờ báo có khác nhau nhưng về phương diện văn hóa, phải đợi mãi tới 1915 mới xuất hiện một biến cố đặc biệt. Đó là sự chuyển hướng của báo chí từ chính trị vào đời sống văn hóa, với sự góp mặt đầu tiên của những cây viết tên tuổi mới cùng với những chủ đề mới. Các chủ đề này đưa người đọc vào vấn đề phát triển học thuật Đông, Tây, phổ biến tư tưởng triết học, đồng thời đề cao văn hóa quốc gia. Đây là thời kỳ báo chí nhận thức được rằng nhiệm vụ của mình không hẳn chỉ ở trong lãnh vực chính trị mà còn ở cả trong lãnh vực văn hóa nữa.

Nhưng giai đoạn đó chưa phải là giai đoạn nhảy vọt. Cái mốc của bước tiến nhảy vọt về văn hóa phải là năm 1930, khi cả làng báo nối gót nhau chuyển mình theo chiều hướng mới. Đây là năm những tờ báo phụ nữ đầu tiên xuất hiện trên văn đàn. Cùng với những tờ báo đó, báo chí Việt Nam ột loạt xác, xuất hiện với những bộ mặt khác lạ hơn và nội dung phong phú

chứa đựng toàn những món ăn tinh thần mới như thơ văn trào phúng, tin tức thể thao, kịch trường, tiểu thuyết dài, tranh hí họa. Như một cơn gió mát, báo chí đã được dân chúng đón nhận niềm nở. Nhờ sự niềm nở đó, báo chí bước xa hơn trong việc cải tiến xã hội, chỉ trích các bất công, hướng dẫn dư luận trong cách sống, đóng góp vào việc phục hưng và kiện toàn văn hóa. Chúng ta có thể coi giai đoạn này như một cách mạng báo chí, so với thời gian trước.

Nhưng thời gian nhảy vọt không kéo dài lâu. Biến cố năm 1946 đã lại lôi kéo báo chí về với sử mạng lịch sử. Với cuộc cách mạng mùa thu 1945, báo chí lại trở thành lơ là với văn hóa và đặt nặng vai trò chính trị. Cùng với chiều hướng đó, báo chí còn dẫn thân phục vụ độc giả theo chiều hướng thương mại. Cho nên giai đoạn sau 1945 có thể chỉ coi là giai đoạn « tất cả cho độc giả », báo chí trở thành những cơ sở giao dịch và phát triển kinh tế.

Để kết luận phần này, ta có thể phân chia các thời kỳ báo chí theo tiêu chuẩn văn hóa như dưới đây :

1. Giai đoạn phôi thai 1865-1915.
2. Giai đoạn phát triển văn hóa 1915-1930.
3. Giai đoạn cách mạng báo chí 1930-1945.
4. Giai đoạn phát triển kinh tế 1945-1965.

f) Tiêu chuẩn độc giả

Trong số những người phân chia các giai đoạn lịch sử báo chí, có người chỉ nhìn vào con số độc giả để dùng nó như một thước đo bước tiến của báo chí. Cái nhìn này tuy có phần hạn hẹp, nhưng vô cùng chính xác, mặc dù rằng nó không phản ánh được nhiều khía cạnh liên quan đến báo chí.

Với cái nhìn đó, ông ta đưa tầm mắt vào con số độc giả cũng như hình thức của tờ báo để dựng những cái mốc phân chia, nhưng không đặt tên các giai đoạn trong tiến trình của báo chí. Cái mốc đầu tiên được đặt vào năm 1865, với Gia Định Báo, nghĩa là ngày báo chí phát sinh tại nước ta. Mốc thứ hai được đặt ở năm 1924, với Trung Lập Báo, tờ báo đầu tiên của Việt Nam làm theo quan niệm Tây phương với các bài nói về đời sống dân

chúng, và các bản kẽm in hình sinh hoạt người dân lên trang nhất, tạo được một số độc giả lớn.

Năm 1929, năm sanh của tờ Thần Chung, được dùng làm cái mốc thứ ba vì tính chất sôi động về mặt chính trị của nó. Tuy Thần Chung không cải tiến hơn Trung Lập Báo nhưng đã thu hút được con số độc giả kỷ lục. Cuối cùng, cái mốc chốt được đặt vào cuối năm 1929 khi Phụ Nữ Tân Văn ra mắt. Mang tiếng là báo phụ nữ, Phụ Nữ Tân Văn lại bao gồm cả những mục dành cho nhiều loại độc giả khác nhau, lại đẹp về hình thức nên thành công mỹ mãn.

Xin đưa quan niệm phân chia lịch sử báo chí dưới cái nhìn vào con số độc giả như dưới đây :

1. Giai đoạn 1 : 1865-1924 (không có tên)
2. Giai đoạn 2 : 1924-1929
3. Giai đoạn 3 : đầu 1929 (Thần Chung)
4. Giai đoạn 4 : cuối 1929 (Phụ Nữ Tân Văn)

g) Tiêu chuẩn thế hệ

Người chốt đưa ra nỗ lực phân chia các giai đoạn lịch sử báo chí Việt Nam được đề cập tới trong cuốn sách này là Linh Mục Thanh Lãng, một người đã từng đóng góp rất nhiều cho các công trình khảo sát báo chí. Trong nhiều tác phẩm, đặc biệt là trên tờ Văn Bút, dưới tựa đề « Báo chí Việt Nam và 100 năm xây dựng văn hóa », LM Thanh Lãng đã phân tích lịch sử sinh hoạt của báo chí qua 100 năm mà ông chia ra làm bảy thế hệ. Đây là một quan điểm vô cùng độc đáo và xác thực, khác hẳn với lối phân chia của các nhà khảo sát báo chí từng được mô tả trong các đoạn trên.

- **Thế Hệ « Bình Tây Sát Tả » 1862-1900** : Thế hệ này, thời gian mở đầu của báo chí Việt Nam, là thế hệ người Việt nổi lên chống Pháp và chống sự truyền giảng Công Giáo. Bối cảnh lịch sử lúc đó khá sôi động, với nhiều biến cố nhằm vào việc đấu tranh chống ngoại xâm. Nhưng có điều lạ là báo chí trong thế hệ này lại đứng ngoài cuộc đấu tranh đó, không tham dự vào thời cuộc. Với 5 tờ báo có mặt, 4 ở Sài Gòn và 1 ở Hà Nội (Đại Nam Đồng

Văn Nhật Báo), những người làm báo chỉ đặt nặng công cuộc truyền bá văn minh Pháp kèm theo việc phổ biến đôi chút cổ văn Việt Nam.

- **Thế Hệ « Hóa Dân Cường Quốc » 1900-1913** : Báo chí Việt Nam trong thế hệ này chưa thoát được sự kềm tỏa của thực dân Pháp, và tất cả chỉ có 6 tờ báo ở cả hai miền. Khá hơn thế hệ trước, báo chí tuy vậy cũng tương kế tựu kế, tạm đóng vai trò phục vụ việc giáo hóa quần chúng và mở đường cho cuộc cách mạng bằng cách chuyển hướng vào văn hóa. Sự đóng góp của báo chí cho đất nước trong thế hệ này cũng khá quan trọng, do những tờ báo có uy tín thực hiện, như tờ Nông Cổ Mín Đàm, Lục Tỉnh Tân Văn, và Đăng Cổ Tùng Báo là tờ báo hướng vào đối tượng chính là giới trí thức đang âm thầm thực hiện cuộc cách mạng xã hội hoặc mở đường cho phong trào Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục sau này.

- **Thế Hệ « Dung Hòa Đông Tây » 1913-1932** : năm 1913, Đông Dương Tạp Chí ra đời, rồi tới Trung Bắc Tân Văn, mở một kỷ nguyên mới cho báo chí xứ này. Sinh hoạt báo chí trỗi lên ồ ạt, với tổng số 97 tờ, và người làm báo đã nhận thức được thiên chức của mình, đó là dung hòa văn hóa Đông Phương và văn minh Tây Phương để phục vụ quốc gia, dân tộc. Làng báo Việt Nam trong thế hệ này được sự góp mặt quý giá của những nhân vật lớn như Phan Kế Bính, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Đỗ Mục v.v...

- **Thế Hệ « Đoàn Tuyệt Đông Phương » 1932-1945** : Hô hào phong trào Âu hóa 100 phần trăm, báo chí cố võ cho việc thoát khỏi mọi ràng buộc của truyền thống Đông Phương từng ăn sâu trong tinh thần người Việt. Biến cố nổi bật nhất trong thế hệ này là sự khai sinh Tự Lực Văn Đoàn vào năm 1932 cùng với tờ Phong Hóa. Tổng số báo trong thế hệ này lên tới 432 tờ đủ mọi loại, và tất cả đều chủ trương Âu hóa.

- **Thế Hệ « Kháng Pháp dành Độc Lập » 1945-1954** : Làng báo Việt Nam trải qua rất nhiều thử thách để trưởng thành, nhưng gặp hai tai họa lớn trong thế hệ này là nạn độc tài và chiến tranh ác liệt. Chế độ kiểm duyệt cũng ràng buộc và làm chậm bước tiến của sinh hoạt báo chí, tuy vậy báo chí vẫn làm tròn được thiên chức của mình, với 196 tờ báo góp mặt. Con số này đã sút giảm so với số báo trong thế hệ trước, nhưng bước chân của báo

chí Việt Nam đã chứng tỏ sự tiến-triển vững chãi và già dặn. Sự già dặn đó chính là nhờ ở sự tôi luyện của hoàn cảnh khó khăn kéo dài theo cuộc chiến, giúp cho báo chí vượt qua được mọi khó khăn và rút tủa được nhiều kinh nghiệm mới.

- **Thế Hệ « Cộng Hòa I » 1954-1963** : Làng báo Việt Nam dồn mọi nỗ lực cho việc xây dựng chế độ Cộng Hòa Nhân Vị, bỏ quên các mục tiêu khác. Tổng số báo trong thế hệ này lên tới 212 tờ.

- **Thế Hệ « Cách Mạng » 1963-1972** : Thế hệ này là giai đoạn thác loạn của báo chí nước ta, một cơn lốc khủng khiếp. Vào cuối năm 1963, tổng số báo tất cả có 25 tờ, đến đầu năm 1964, số này tăng lên 91, để rồi tụt xuống 47 tờ vào năm 1965, Sinh hoạt báo chí tuy có rầm rộ nhưng pha màu hỗn loạn và mục tiêu thì không minh định rõ rệt. Hàng loạt báo mới ra đời và hàng loạt báo cũ đóng cửa. Báo chí thực sự đi vào giai đoạn thương mại hóa và trở thành một kỹ nghệ có tầm vóc lớn như các đại kỹ nghệ sản xuất khác. Nhưng trong tầm vóc đó, báo chí hầu hết làm môi trường cho một thứ văn chương sa đọa tầm thường.

3. NHẬN XÉT

Không ai có thể dễ dàng khẳng định việc phân chia các giai đoạn lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn nào là hợp lý hơn tiêu chuẩn nào, vì mỗi tiêu chuẩn phân chia chỉ phản ánh một khía cạnh của tiến trình báo chí. Tuy nhiên chúng ta có thể nhìn vào những tiêu chuẩn đó để đưa ra một vài nhận xét tổng quát về quan niệm của người đã làm công việc phân chia tiến trình báo chí.

Người đầu tiên, Thê Húc, cho chúng ta thấy ông có cái nhìn tường tận về báo chí, nhưng cái nhìn đó chỉ giới hạn vào cái nhìn của người làm báo mà thôi. Sự phân chia của ông hoàn toàn căn cứ vào những sinh hoạt nội bộ làng báo, nghĩa là mọi ranh giới phân chia đều phản ánh những biến cố liên quan đến hoạt động của báo chí. Báo ra mắt, báo đóng cửa, báo do người Pháp chủ trương, báo do người Việt chủ trương, báo phát triển, báo phân hóa

v.v... Tất cả mọi biến đổi của báo chí được Thê Húc sưu tầm, đánh giá, nghiên cứu để rồi lựa ra những biến đổi quan trọng làm cái mốc cho các thời kỳ của tiến trình báo chí.

Vậy sự phân chia theo tiêu chuẩn hoạt động của báo chí, như Thê Húc đã làm, mang những tính chất gì ? Câu trả lời có thể là sự phân chia đó chính xác, đầy đủ, nhưng... phiến diện. Chính xác vì nó đã căn cứ vào những sự kiện có thực. Đầy đủ vì nó đã căn cứ vào hết mọi biến đổi đáng kể trong tiến trình báo chí 100 năm qua. Nhưng phiến diện vì nó chỉ phản ánh những sinh hoạt của riêng báo chí mà thôi, trong khi báo chí không phải là một sinh hoạt riêng rẽ trong xã hội. Nó là một phần tử trong một cộng đồng, nó phân phối ảnh hưởng của nó ra ngoài, đồng thời tiếp nhận ảnh hưởng của các sinh hoạt khác vào trong. Như vậy việc phân chia các thời kỳ lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn của Thê Húc rất cần được bổ khuyết cho được thêm hoàn hảo.

Người bổ khuyết cho Thê Húc có thể là Trần Tấn Quốc. Ông vốn là một nhà báo, nghĩa là làm báo, viết báo và sống bằng nghề báo. Nhưng khi phân chia các giai đoạn lịch sử báo chí, ông không đóng vai người làm báo mà lại đóng vai chính khách, nhìn vào các biến cố chính trị để cắt đoạn con đường mà báo chí đã đi qua. Thật vậy, T.T. Quốc, khi đi tìm ranh giới cho các giai đoạn, không để ý tới việc báo ra mắt, báo đóng cửa, báo phát triển như Thê Húc. Ông chỉ để ý tới việc báo chí có ý thức được nhiệm vụ chính trị của mình không mà thôi. Cũng chính vì quan niệm đó mà T.T. Quốc chỉ chia tiến trình báo chí ra làm hai : giai đoạn vô ý thức và giai đoạn ý thức.

Đối với T.T. Quốc, tiến trình báo chí, cả 100 năm dài, chỉ mang duy nhất một cái mốc giữa đường là năm 1926, năm mà nhà cách mạng Phan Châu Trinh về nước và chết. Đây là biến cố chính trị, hoàn toàn bắt nguồn từ lịch sử chính trị và chỉ ảnh hưởng tới báo chí chứ không phải là một biến cố của báo chí.

Như vậy, cái nhìn của T.T. Quốc đối với báo chí, đối với một người làm chính trị có thể là đầy đủ, nhưng đối với người làm báo thì quả là thiếu sót. Cái nhìn đó không cho chúng ta một hình ảnh đầy đủ về các giai đoạn lịch

sử báo chí, và cũng không cho thấy gì ngoài một cái mốc duy nhất, hơi bé nhỏ, trên con đường quá dài và đầy rẫy biến cố.

Trên con đường dài và đầy rẫy biến cố đó, Nguyễn Ngu Ý đã đứng ra cầm bốn cái mốc, căn cứ vào những tiêu chuẩn khác nhau và cho chúng ta một quan niệm tổng hợp về các giai đoạn trong tiến trình của báo chí. Trong cái nhìn của Nguyễn Ngu Ý, ta thấy có tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn văn hóa, và cả tiêu chuẩn phát triển báo chí. Nguyễn Ngu Ý có cái nhìn của một nhân vật vừa là chính khách, vừa là người làm báo, vừa là người làm văn hóa. Đủ bằng đó tiêu chuẩn được thu gọn vào tầm mắt của Nguyễn Ngu Ý khiến chúng ta thấy quan niệm của ông có phần đầy đủ hơn những quan niệm trước, và vẫn chính xác như vậy.

Nhưng nếu đứng trên một vị trí khác, đi tìm sự hoàn hảo trong sự phân chia các giai đoạn báo chí, thì cái nhìn của Nguyễn Ngu Ý vẫn chưa thể được chấp nhận. Lý do là vì trong khi dùng một quan niệm tổng hợp để phân chia, Nguyễn Ngu Ý không tận dụng được mọi biến cố lớn nằm ở mỗi khía cạnh. Nói một cách giản dị hơn, đã tổng hợp thì không nói được chi tiết, và ngược lại, đã nói tới chi tiết thì không thể tổng hợp được nhiều tiêu chuẩn. Chắc hẳn chính Nguyễn Ngu Ý cũng đã nhận thức được điều này nên khi làm cuộc phân đoạn, ông đã nói là « xin tạm phân chia cho dễ trình bày chứ sự phân chia của ông không có gì là khẳng định ».

Ngoài những quan niệm của các học giả tiền phong, người phân chia lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn lịch sử quốc gia có lẽ cũng không thể nào đưa ra một hình ảnh đầy đủ và hoàn hảo. Lịch sử chỉ ảnh hưởng tới báo chí trên một khía cạnh nào đó, không hoàn toàn làm cho báo chí lộn xộn hay nhảy vọt được. Chúng ta có thể tưởng tượng báo chí như một con tàu, ảnh hưởng của biển cả, của thời tiết, của giông tố có thể khiến cho nó chuyển hướng vào một thời gian nào đó chứ không thể làm cho con tàu này biến thành một con tàu khác.

Như vậy người phân chia lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn lịch sử cũng không tránh khỏi cái phiến diện của người phân chia theo tiêu chuẩn chính trị. Tuy nhiên, tiêu chuẩn lịch sử cho chúng ta một hình ảnh rõ rệt hơn, với

ba cái mốc trên con đường 100 năm của báo chí. Mỗi cái mốc đó giới thiệu một thời kỳ mà báo chí chuyển hướng, nhất là về phương diện ý thức trách nhiệm và tranh đấu. Cái nhìn của người phân chia báo chí theo tiêu chuẩn này có vẻ liên quan đến người viết sử nhiều hơn là một người làm báo hay chính khách. Nhưng dầu sao tiêu chuẩn này cũng có thể dùng để bổ khuyết cho việc phân chia lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn chính trị vì sự liên hệ hỗ tương giữa chính trị và lịch sử.

Riêng về tiêu chuẩn văn hóa, nó có phải là cái thước chính xác nhất để đo bước tiến của báo chí hay không. Câu trả lời có lẽ cũng không ai khẳng định được. Lý do là vì nó cũng phản ánh những biến đổi của làng báo Việt Nam qua tiến trình một trăm năm, nhưng chỉ cho thấy một mặt của những biến đổi đó, trong khi tiến trình của báo chí thì rất « đa diện ». Phân biệt các giai đoạn báo chí theo tiêu chuẩn văn hóa, cũng như theo các tiêu chuẩn riêng rẽ khác, không thể cho chúng ta một cái nhìn toàn diện và đầy đủ. Tiêu chuẩn văn hóa chỉ thích hợp cho người làm văn hóa và người viết báo vì sự hỗ tương giữa hai giới này.

Nếu có nói rộng ra thêm nữa thì tiêu chuẩn văn hóa có thể có ích cho những ai nghiên cứu về báo chí trên phương diện xã hội mà thôi.

Nói như vậy, người viết có ý muốn nhấn mạnh rằng chỉ một tiêu chuẩn văn hóa mà thôi không thể cho chúng ta một cái nhìn thích hợp cho đủ các giới như giới chính trị, giới sử gia, giới kinh tế. Với quan niệm đó, ta có thể thấy ngay rằng đo bước tiến của báo chí bằng cái thước văn hào thì cũng chẳng khác gì đo bằng cái thước lịch sử, cái thước chính trị riêng rẽ. Kết quả đo được cũng sẽ mang tính chất phiến diện mặc dù nó đầy đủ trên một khía cạnh nào đó nằm trong tầm ảnh hưởng của tiêu chuẩn đó.

Trong khi đó, việc phân chia giai đoạn báo chí bằng tiêu chuẩn độc giả mang nhiều tính chất thống kê hơn là phân tách. Việc phân chia như vậy cho người đọc một ý niệm về sự lớn mạnh của báo chí như một vật hữu hình chứ không phải một sinh hoạt xã hội và kỹ thuật. Con số độc giả tăng chắc chắn phản ánh sự phát triển của báo chí, nhưng trên một bình diện khác, có ai

chắc chắn rằng giá trị của báo chí là tùy thuộc vào sự gia tăng con số độc giả.

Nói đúng ra, tiêu chuẩn độc giả trong việc phân chia giai đoạn báo chí cho chúng ta một kết quả nằm trong lãnh vực kinh tế, với mỗi lực báo chí tính bằng con số. Tiêu chuẩn này chỉ có giá trị khi được dùng để bổ khuyết cho các tiêu chuẩn phân chia khác quan trọng hơn để người nghiên cứu tìm được một ý niệm đầy đủ về tiến trình của báo chí.

Như thế, cái nhìn vào con số độc giả gia tăng là cái nhìn của một nhà kinh tế đi tìm một con đường gia tăng mỗi lực, hay một nhà thống kê muốn ghi lại những biến đổi mang tính chất thương mại của báo chí. Cái nhìn đó chẳng ảnh hưởng bao nhiêu đối với nhà chính trị, nhà viết sử hay nghiên cứu xã hội. Tuy nhiên nó không phải là không cần thiết cho chúng ta trong khi phân chia tiến trình báo chí Việt Nam trên mọi khía cạnh.

Cuối cùng, việc phân chia lịch sử báo chí theo tiêu chuẩn thể hệ tuy có đầy đủ và khá xác thực nhưng cũng chỉ nhằm khảo sát tiến trình của báo chí về phương diện ý thức mà thôi. Phương pháp phân chia này nhấn mạnh vào các biến cố lịch sử và bỏ sót một số yếu tố khác đánh dấu bước tiến của làng báo Việt Nam suốt quá trình 100 năm sinh hoạt.

4. KẾT LUẬN

Báo chí là một sinh hoạt gắn liền với các ngành sinh hoạt khác trong xã hội. Ảnh hưởng giữa nó đối với xã hội là một ảnh hưởng hỗ tương, nghĩa là nó chi phối các sinh hoạt xã hội trong khi tiếp nhận sự chi phối từ bên ngoài vào nội bộ của mình.

Vì lý do đó, báo chí không bao giờ đứng riêng rẽ trong không gian và thời gian. Nó không phải là sản phẩm độc lập. Mọi biến đổi xã hội, chính trị, lịch sử, kinh tế, đều có tầm ảnh hưởng đến báo chí, lúc đầu tạo cơ hội cho báo chí phát sinh và sau đó giúp báo chí phát triển. Nhưng chính trong khi báo chí phát triển, nó tạo nên những biến đổi, dù xa dù gần, đối với các ngành sinh hoạt khác.

Như vậy chúng ta làm sao phân tách được báo chí một cách đầy đủ và chính xác. Làm sao chúng ta có thể nói báo chí Việt Nam bước đi từ một giai đoạn này tới một giai đoạn khác ? Mọi tiêu chuẩn phân chia, như chúng ta thấy trong phần trước, đều chỉ có giá trị trên một phương diện nào đó chứ không thể dùng để đo báo chí trên mọi mặt. Có tiêu chuẩn chỉ thích hợp cho người làm báo. Có tiêu chuẩn chỉ thích hợp cho người làm chính trị. Và cũng có tiêu chuẩn khác chỉ thích hợp đối với một số người khác không ở trong hai ngành sinh hoạt nói trên.

Cái khó là ở chỗ đó. Khi nghiên cứu và phân tích báo chí, chúng ta không thể chỉ để mắt nhìn vào một khía cạnh mà thôi. Cái nhìn như thế sẽ hạn hẹp, thiếu sót, và chẳng đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của người phân tích. Thí dụ một tiêu chuẩn chính trị của Trần Tấn Quốc không thể cho một người nghiên cứu báo chí về phương diện kinh tế một hình ảnh nào về con đường kinh tế mà báo chí đã đi qua. Ngược lại, chỉ riêng tiêu chuẩn kinh tế, căn cứ vào con số độc giả mua báo, cũng chẳng có giá trị là bao đối với người nghiên cứu báo chí về phương diện văn hóa.

Để tìm ra một cái thước đo vừa chính xác, vừa đầy đủ, vừa thích hợp cho mọi quan niệm khác nhau, có lẽ chúng ta không còn cách nào hơn là tổng hợp tất cả các tiêu chuẩn đã nói ở trên để phân tích tiến trình của báo chí. Dĩ nhiên, một cuộc phân tách căn cứ vào tất cả các tiêu chuẩn đó rất chính xác, nhưng cũng vô cùng phức tạp và khó khăn.

Nói chung, khi phân chia các giai đoạn trong tiến trình của báo chí, tiêu chuẩn nào cũng là cần thiết và không thể bỏ sót. Làm được như vậy thì cái nhìn của chúng ta mới đủ các góc cạnh phản ánh mọi tiến triển của làng báo Việt Nam.

CHƯƠNG 2 : NHỮNG GÌ ĐÃ XẢY RA TRONG TIẾN TRÌNH 100 NĂM CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

Trong tiến trình 100 năm của báo chí Việt Nam, những biến cố quan trọng xảy ra khi đơn lẻ, khi dồn dập chi phối một cách trực tiếp sự trưởng thành của ngành báo chí. Nhìn về quá khứ, bất cứ người quan sát nào cũng có thể thấy được những biến cố này, qua các tài liệu được ghi nhận, nhưng tiếc rằng chưa ai mô tả được hết mọi biến cố này một cách đầy đủ.

Lý do chính gây nên sự thiếu sót là vì trong thời kỳ phôi thai xa xưa, việc ghi nhận và lưu trữ các dữ kiện chưa được hoàn hảo khiến cho các nhà nghiên cứu và quan sát gặp nhiều khó khăn sao lục, tìm tòi cũng như lượng giá. Các thời điểm liên quan tới các hoạt động của ngành báo chí thường không được chính xác, gây nên nhiều mâu thuẫn và làm cho người quan sát trong nhiều trường hợp bị lạc đường. Dường như một khuyết điểm lớn của những người đi trước là không căn cứ vào những bút tích, tài liệu hay chứng từ mà lại chỉ dựa vào trí nhớ khiến cho những kẻ đi sau chìm vào nhiều mối nghi ngờ không giải tỏa nổi. Rồi từ chính khuyết điểm đó, người quan sát sau không có cách nào phối kiểm lại các sự kiện đã qua đành phải dựa vào sự hồi tưởng của các bậc đàn anh mà ghi lại được một phần nào những giai đoạn và diễn tiến của báo chí, với hy vọng rằng góp nhặt được nhiều chùng nào hay chùng đó.

Tuy vậy, kết quả ghi nhận được cũng không đến nỗi quá nghèo nàn. Công lao lớn về điểm này là nhờ một tập tài liệu quý giá tưởng bị thất lạc đã lâu : đó là những trang giấy cũ đăng bài « Thử tìm long mạch của tờ báo ta » do Đào Trinh Nhất viết trên tờ « Trung Bắc Chủ Nhật » số 101 ra ngày 9-3-1942. Bằng một công trình tỉ mỉ và đầy thiện chí, Đào Trinh Nhất đã hồi tưởng lại quá khứ để tìm xuất xứ, nguồn gốc mà từ đó báo chí Việt Nam đã

xuất phát. Tài liệu này được coi như một chìa khóa mở cho những người làm báo sau này nhìn thấy quãng khơi nguồn của long mạch tờ báo Việt Nam, hay một tài liệu nòng cốt giúp cho những người khảo sát báo chí nhận diện được thời gian khai sinh của làng báo tại xứ này.

Một khi đã tìm được « long mạch » rồi, người khảo sát báo chí Việt Nam có thể tiếp tục đi tìm những diễn biến kế tiếp một cách tương đối dễ dàng, nhất là những dữ kiện lịch sử quốc gia từng chi phối sinh hoạt của ngành báo chí. Các tài liệu sử học, cũng như những công cuộc nghiên cứu của nhiều sử gia, được coi là khá đầy đủ, giúp cho những người đi sau có được một kho tàng dồi dào tin tức để chọn lọc và xây dựng những thiên điều tra tỉ mỉ về cuộc hành trình 100 năm của báo chí. Nói cho đúng ra, trong suốt cuộc hành trình đó, chỉ có các biến cố lịch sử là có tầm ảnh hưởng mạnh vào sâu xa nhất đối với báo chí, trong khi các hoạt động của báo chí tự nó không chi phối nó được bao nhiêu. Do đó, kẻ quan sát tiến trình của báo chí Việt Nam đương nhiên phải tự tạo cho mình một quan điểm thiên về sử học.

Một điểm đáng tiếc của những người đã từng thực hiện cuộc khảo sát về báo chí Việt Nam mà công lao còn để lại cho tới ngày nay là chỉ giới hạn cuộc khảo sát của họ vào các sinh hoạt báo chí tại miền Nam, với rất ít ghi nhận liên quan tới báo chí tại miền Bắc kể cả từ lúc phôi thai vào năm 1865 cho tới những giai đoạn sau này.

a) Cảnh lệ thuộc của báo chí

Trong thời kỳ khai sinh, báo chí Việt Nam không mang được sắc thái của chính mình mà phải lệ thuộc gần như hoàn toàn vào chính quyền bảo hộ thời đó. Báo chí Việt Nam trong chặng đường đầu tiên khi xuất hiện chỉ là một công cụ của nhà nước Pháp, trong đó có sự đóng góp nhỏ nhoi của một số người Việt làm việc cho nhà nước bảo hộ.

Những tờ báo đầu ra mắt tại Việt Nam đều là do các chủ nhân ông người Pháp đứng tên. Họ là những nhà cầm quyền da trắng, và dĩ nhiên những chủ nhân ông da trắng này biến báo chí thành cái loa cho họ phổ biến

tin tức theo ý muốn của nhà nước thời đó. Trên mặt báo, đôi khi các chủ nhân ông da trắng vẫn viết những bài có luận điệu làm báo để khai phá trí tuệ dân bản xứ, nhưng trên thực tế, quyền lợi của giới chủ nhân da trắng chính là động lực thúc đẩy họ khai sinh tờ báo đầu tiên tại Việt nam.

Dưới đây, trong một bài viết của viên Chủ Báo người Pháp, trên tờ « Lục Tinh Tân Văn », người Việt nam có thể nhận thấy rõ ràng « lòng tốt » của giới chủ nhân Pháp dưới chiêu bài thương dân bản xứ :

« BIỂN CÁO NAM NHƠN » : « Nay tôi tỏ cùng liệt vị trong lục châu rõ, tuy tôi là người Lang Sa mặc lòng, song qua ở Nam Việt đã lâu, thông thuộc phong tục và thời vụ của người An Nam hết. Cho nên thấy người An Nam có tánh không lo việc ăn học nghề nghiệp cho văn minh tấn bộ mà so sánh cùng các nước, thì tôi đem lòng thương và buồn cho người An Nam lắm. Vì vậy, tôi mới đứng xin nhà nước mà mở nhà nhứt trình này đặt hiệu là Lục Tinh Tân Văn, đặng có kiểu tình người An Nam, lo việc thương mãi, ăn học nghề nghiệp, mà tranh đua quyền lợi cùng Chệt với Chà. Ấy cũng là hữu ích cho liệt vị, xin liệt vị phải biết, chớ khá gọi tôi là tham tiểu lợi ».

Lời « ra mắt » trên đây là đoạn văn tiêu biểu cho khuynh hướng báo chí thời lệ thuộc chính quyền. Chủ nhơn sáng lập báo chí lúc đó là người Pháp, thường là công chức, quan tham biện, thôi giúp việc cho chính phủ Pháp, ra lập một cơ sở ấn loát để làm thương mại. Cũng có trường hợp một chủ báo vẫn là công chức tại vị, đóng vai trò nhà cai trị, và tờ báo của họ trở thành cơ quan ngôn luận của chính quyền đô hộ, tuy rằng trên giấy trắng mực đen, các chủ báo người Pháp vẫn lớn tiếng đề cao chiêu bài giúp đỡ dân ta.

Những người Việt nam cộng tác với người chủ Pháp trong làng báo lúc đó cam tâm làm cái bóng của các chủ nhân da trắng, hoặc nhân thời cơ lợi dụng chức vụ của mình và tờ báo mà phổ biến chữ quốc ngữ, phổ biến tư tưởng Âu Tây cùng khoa học, kỹ thuật và giới thiệu tinh hoa nền cổ học cũng như kho tàng văn chương đất nước. Trong số những người này, hầu hết là những quan lại ngoan ngoãn, muốn an thân cầu vinh, hoặc khá hơn thì cũng chỉ là những học giả ôn hòa muốn xuôi mình theo phong trào tân học và bỏ rơi khuynh hướng bảo cổ. Một vài trường hợp, họ là những nhà Nho thất

bại, yếm thế, chán nản sau khi con đường cách mạng mà họ noi theo chẳng đưa tới kết quả nào. Mặc dầu vậy, nhờ tài năng và công lao của họ, họ đã gây được ít nhiều ảnh hưởng tốt cho chữ quốc ngữ. Nhưng kết quả này không bù lại được những bất lợi mà họ đã vô tình gây nên, khi đóng vai trò những công cụ để thực hiện một chính sách có lợi cho thực dân trong giai đoạn phôi thai của làng báo.

b) Những tờ báo mới xuất hiện

- Gia Định Báo (1865-1897)

Năm 1859, thành Gia Định thất thủ vào tay quân Pháp. Ba năm sau, triều đình Huế không còn cách nào giải tỏa được áp lực của Pháp nên đành phải nhường mất 3 tỉnh miền đông. Tới 1865, tờ báo đầu tiên của nước ta ra đời. Đó là tờ Gia Định Báo, và từ đó tới nay làng báo xứ này đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực và công lao để duy trì được sự tồn tại của mình.

Qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử, những số báo đầu tiên của tờ Gia Định Báo đã thất lạc hết không ai còn lưu trữ được. Tới nay, Thư Viện Quốc Gia chỉ còn giữ được những số báo in vào năm 1880, nghĩa là năm thứ 16 sau ngày ra mắt. Những số báo này về hình thức gồm có 4 trang cỡ 32x25 phân. Mỗi tháng báo được in 4 lần, mỗi lần vào ngày thứ 3 trong tuần.

Vào thời kỳ đó, việc phát hành báo khác hẳn lề lối bây giờ. Ai muốn mua thì tới dinh quan Thượng lại tại Saigon cho người nhà báo biên tên, mua trót cả năm thì trả giá 20 francs, mua 6 tháng giá 10 francs, còn mua 3 tháng thì phải trả 5 francs.

Về nội dung, tờ Gia Định Báo đăng tải khá nhiều tiết mục, chia ra làm hai phần chính : phần công vụ và phần tạp vụ. Trong phần công vụ, tờ báo phổ biến những tin tức liên quan tới hoạt động hành chánh của nhà nước thuộc địa, tin truyền chuyển hay bổ nhiệm các nhà cai trị người Pháp, hoặc những bố cáo của nhà nước. Trong phần tạp vụ, tờ báo phổ biến những lời rao linh tinh liên quan tới đất đai, nhà cửa, án lệ. Ngoài hai phần trên, tờ Gia

Định Báo ngay từ thời đó đã dành riêng một mục quảng cáo nơi trang 4, chứa đựng những lời rao mua, bán, cầm thế đồ đạc.

Muốn tìm hiểu tờ báo đầu tiên của Việt Nam một cách tường tận hơn, chúng ta có thể đọc tập « Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ » do Nguyễn Khánh Đàm xuất bản, trong đó tờ Gia Định Báo được mô tả như sau :

« Người làm tờ báo thứ nhất ở nước ta là một người Pháp, thủy sư Đô Đốc Bonard. Ông này có mang theo một ít chữ, một cái máy in và mấy người thợ in, ông lập nhà in ở Saigon và đã xuất bản tờ báo thứ nhất lấy nhan đề là Bulletin de l'expédition de la Cochinchine để đăng những nghị định và công văn của chánh phủ. Năm 1861, Đô Đốc cho xuất bản tờ báo thứ hai nhan đề là Bulletin des Communes viết bằng chữ Hán. Đó là một cơ quan để hiểu dụ cho dân.

Ngay hồi đó, chánh phủ Nam kỳ cũng dự định xuất bản một tờ báo quốc ngữ, nhưng chữ dấu gửi đúc ở bên Pháp mãi đến tháng giêng năm 1864 vẫn chưa xong, tờ báo quốc văn vì thế mà chậm ra đời mất hai năm. Trong hai năm chờ đợi đó, ông Phó Đô Đốc Roze xuất bản một tờ báo thứ hai đề là Bulletin du Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine mục đích để nghiên cứu về nông nghiệp và công nghệ xứ này và mở rộng công cuộc đấu xảo hàng năm để khuyến khích hai nghề đó.

Tờ báo này xuất bản liên tiếp từ năm 1865 tới 1881, cộng tất cả 21 số. Bởi vì có tờ báo Pháp đó nên ta đã được thấy người Việt Nam viết báo bằng chữ Pháp đầu tiên là Trương Vĩnh Ký.

Mấy năm qua đi, người ta như không để ý đến việc làm báo quốc văn ở Nam kỳ nữa. Mãi tới năm 1867, ông Kerguda đang làm thống đốc Nam Kỳ có mời Trương Vĩnh Ký ra làm quan. Trương Vĩnh Ký từ chối và xin lập một tờ báo quốc văn đề là Gia Định Báo. Gia Định Báo là thủy tổ báo chí quốc ngữ ở xứ ta. Nghị định cho phép báo ra đời được ký ngày 1-4-1865, mà lại ký cho một người Pháp tên là Ernest Potteaux, thông ngôn của chính phủ Nam Kỳ.

Mãi tới 16-9-1869 mới có nghị định của Thủy sư Đô Đốc Ohier giao hẳn tờ báo đó cho Trương Vĩnh Ký. Trương Vĩnh Ký là ông tổ nghề báo quốc văn ở xứ ta ». Từ khi được Trương Vĩnh Ký trông nom, với sự cộng tác của Tôn Thọ Tường, Paulus Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, nội dung tờ báo bớt khô khan và thêm phần phong phú : có bài khảo cứu, nghị luận, có mục sưu tầm tục ngữ ca dao, thi ca và cổ tích ».

Qua phần tài liệu trên đây, chúng ta có thể kết luận rằng tờ báo đầu tiên của xứ ta là do một người Pháp sáng lập, với sự cộng tác chặt chẽ của một số người Việt được nhà nước Pháp tín nhiệm. Riêng về phần độc giả, chúng ta có thể biết ngay được đó là những người giúp việc cho nhà nước bảo hộ. Riêng về phần tài chánh của tờ báo thì cho tới nay chưa ai có được một cuộc điều tra chính xác nào. Trên tờ báo cũng không thấy ghi tên người nắm giữ chức vụ tài chánh của nó, mặc dầu có ghi tên một chức vụ là « Chánh Tổng Tài » nhưng không ai biết rõ chức « Chánh Tổng Tài » có phải là Quản Lý hay không.

- Đông Dương Tạp Chí (1913-1916)

Số báo Đông Dương Tạp Chí đầu tiên ra mắt vào ngày 15-5-1913 tại Bắc Kỳ và vốn là ấn bản đặc biệt của tờ Lục Tỉnh Tân Văn trong Nam. Đông Dương Tạp Chí ra đời giữa một khung cảnh lịch sử khá đặc biệt. Đó là thời gian mà bên Âu Châu, Đức và Pháp đang đi dần vào cuộc xung đột, trong khi ở Việt Nam, các nhà cách mạng cho rằng thời cơ đang tới để tranh đấu giành độc lập cho xứ sở. Những biện pháp mạnh đã được đem ra áp dụng chẳng hạn như những vụ ném bom tại Hà Nội.

Với bối cảnh lịch sử đó, tờ Đông Dương Tạp Chí ra đời với một sứ mạng gần như rõ rệt mà ai cũng có thể nhận ra được : đó là chống lại mọi biện pháp võ trang của phong trào tranh đấu giành độc lập và kêu gọi người Việt hợp tác với nhà nước bảo hộ. Ngay trong những số báo đầu tiên, người ta đã thấy những bài viết đả kích dữ dội các nhà cách mạng Việt Nam chủ trương dùng sắt máu chống lại nhà cầm quyền Pháp. Chẳng những vậy, lại còn có những bài tường thuật các phiên Hội Đồng Hình như với ngụ ý cảnh

cáo những người chủ trương tranh đấu bằng biện pháp mạnh, đồng thời tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc thấp kém nhằm hạ giá các nhà cách mạng Việt Nam.

Ngay trong số báo đầu tiên, Đông Dương Tạp Chí đã biểu lộ phần nào sứ mạng của nó, qua bài viết tựa đề « lời chủ nhân tổng luận » :

« Bỗng đâu giấc mơ màng chợt tỉnh, mở mắt ra đã thấy cuộc bình yên tan nát mất rồi.

Trái phá đầu hai hòn độc địa. Chết một viên Nam quan, chỉ vì tội trung nghĩa với quốc gia. Rồi không dừng lại mất hai Ông Lang Sa, một viên đã kỳ cựu ở đất này, nhiều phen đã yêu mến người bốn quốc.

Than ôi, việc hại nước An Nam ấy lại do tay một người An Nam.

Đây thoạt mới nghe tin, lão gia ruột thâm, gan tím, mở miệng ra cũng phải kêu một tiếng căm thù.

Giờ chắc hẳn ai cũng đã rõ các mục đích hẹp hòi của chúng nó. Không có lý tưởng nào cao xa nên phục. Chử Quê hương, câu Độc lập, chẳng qua bọn nó chỉ dùng làm áo ngoài che lòng nham hiểm. Chủ nghĩa riêng của chúng nó chỉ có việc khôi phục chuyên chế mà đàn áp đồng bào.

Đồ một giun, đồ khỉ trá, đồ vô học. Chúng nó nói vì nghĩa quốc gia mà làm nên việc độc ác. Đến khi hỏi đến thì lại muốn kêu căng, ai ngờ bởi kêu căng mà rơi mất mặt nạ, để ai nấy đi guốc được trên đầu.

...Mấy năm nay, chúng nó vè vè khác chi nặng bên tai, thấy Lãng Sa yên lặng, cứ tuần tự mở mang, nó ngỡ rằng vô ý, không phòng, tưởng châu chấu đá nổi voi. Biết đâu là nhà nước không khi nào rời mắt trông nom cho dân Bảo Hộ, lúc nào nguy biến cũng sẵn sàng che chở cho dân ».

Với đoạn văn trên, chúng ta thấy ngay luận điệu thóa mạ và pha lẫn đe dọa của nhà nước Bảo Hộ phổ biến trên Đông Dương Tạp Chí. Để chống đối lại phong trào cách mạng đang mạnh nha bùng nổ, thực dân Pháp đã tung ra những bài viết nhằm hạ giá những người Việt yêu nước sắp vùng dậy đấu tranh và gọi những người này là nham hiểm, đồ một giun, khỉ trá, hèn hạ

như ruồi nhặng. Đọc qua luận điệu trên đây, ai cũng thấy rõ ngay khuynh hướng của tờ báo, đó là phục vụ cho một giai đoạn chính trị của thực dân và mong tạo dư luận chống lại phong trào đấu tranh dành độc lập.

Đó là về mặt chính trị, còn về mặt văn hóa, tờ Đông Dương Tạp Chí cũng kể là có công lao trong việc truyền bá chữ quốc ngữ để dịch thuật tư tưởng Tây Phương, đăng tải những bài khảo cứu, luận đàm tương đối vững chắc. Công lao của tờ báo này một phần lớn là do Nguyễn Văn Vĩnh tức là người đứng chủ trương. Ông Vĩnh vốn là một công chức của nhà nước Bảo Hộ, năm 1906 đã từng được cử sang dự cuộc đấu xảo của Pháp tại Marseille, Cùng hợp tác với ông Vĩnh là François Henri Schneider, một cựu công chức pháp đứng ra sáng lập tờ báo. Về phía người Việt, Tờ Đông Dương Tạp Chí được sự góp mặt của các ông Phạm Duy Tồn, Nguyễn Văn Tố, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Phan Kế Bính và Nguyễn Đổ Mục. Tuy ở hai phái tân và cựu học khác nhau, những nhân vật này đều có tiếng tăm trong giới văn học.

Đông Dương Tạp Chí là tờ báo xuất bản hàng tuần. Trong giai đoạn đầu, tờ báo thiên hẳn về thời sự, mỗi tuần có một bài « Tổng thuật » các sự việc xảy ra, một bài « Đại luận » về thời sự, các điện báo hoàn cầu và các tin tức thương mại mà tờ báo cho rằng giới doanh thương cần phải biết. Nhưng qua giai đoạn sau, kể từ 1915 trở đi, tờ báo tách dần khỏi tính chất thời sự để tiến vào địa hạt văn hóa. Vì sự chuyển mình này nên tờ báo bỏ hẳn phần thông tin thường tuần, trong khi giới thiệu những mục văn học mới như mục dịch tiểu thuyết Pháp sang quốc ngữ, mục quốc ngữ, mục văn chương, mục luật lệ An Nam, mục dạy về cách trí, mục kinh tế gia tộc, mục giáo khoa, và mục dạy quốc văn cho người Pháp. Chẳng những vậy, tờ báo còn để dành chỗ cho những mục không thường xuyên về triết học, luận lý học.

Tới khoảng cuối năm 1916 thì sự chuyển mình của Đông Dương Tạp Chí được coi là hoàn tất, tờ báo nhắm thẳng vào địa hạt văn hóa chứ không còn liên hệ với thời sự và chính trị. Nhờ sự chuyển mình này mà Đông Dương Tạp Chí thực hiện được nhiều công lao đóng góp vào nền văn hóa quốc ngữ.

- Nam Phong Tạp Chí (1917-1934)

Khác với tờ Đông Dương Tạp Chí là tờ báo mà nhà nước Bảo Hộ muốn dấu kín khuynh hướng và xuất xứ, tờ Nam Phong Tạp Chí ra đời một cách công khai để lộ chủ trương của nhà cầm quyền Pháp. Sáng lập tờ báo này là viên Trưởng Phòng Chính Trị Phủ Toàn Quyền Louis Marly, còn người chủ trương là ông Phạm Quỳnh, một viên chức Trường Viễn Đông Bác Cổ. Ông Phạm Quỳnh tốt nghiệp Trường Thông Ngôn vào năm 1908. Ông vốn có khuynh hướng cổ võ chế độ quân chủ lập hiến nên thường viết bài về khuynh hướng này. Phụ tá của ông là Nguyễn Bá Trác, một vị thâm nho từng xuất ngoại bôn ba và tham gia cuộc tranh đấu chống thực dân.

Nam Phong Tạp Chí xuất bản hàng tháng. Ngay trong tờ báo số 2 ra trong tháng 3-1917, bài viết của Phạm Quỳnh đã giới thiệu rõ khuynh hướng của tờ báo này :

« ...Trong nước ta ngày nay, không những là những người thuần cựu học mà không thích dụng thời thế, những người thuần tân học cũng không ưng thuận với quốc dân. Người nọ thiếu cái gốc mà người kia thiếu cái ngọn cây vậ. Chi bằng ta tiếp ngọn nọ vào cái gốc kia lấy một giống cây riêng cho cái vườn Việt Nam ta ?

Nhà nước Bảo Hộ tất sẵn lòng mà giúp ta gây nên một tư trào mới. Cái thiên chức của nước Đại Pháp xưa nay vẫn là đi dạy cho các dân các nước biết phát triển cái quốc túy của mình khiến cho mỗi dân mỗi nước biết nhìn cái « nhân cách » riêng mà sống theo cái nhân cách ấy, chớ nước Pháp chưa từng bao giờ lấy sự đồng hóa các dân khác theo như mình làm một cái lương hảo chính sách. Hết thầy quốc dân đều một lòng khuynh hướng vào một mục đích chung, thế sao chẳng có ngày đạt được. Biết đâu ? Đến ngày ta có đủ tư cách mà quản trị lấy công việc ta thì nhà nước hẹp gì mà chẳng cho chúng ta quyền tự trị. Cái lượng lớn ấy không phải là trái với chính sách của nhà nước Bảo Hộ, mà thực là hợp với cái lý tưởng, cái lịch sử của nước Đại Pháp.

Nhưng trước hết, ta phải cố công cùng sức mà làm, ăn học hành cho xứng đáng cái lòng hy vọng kia, cái lượng lớn lao ấy.

Bản báo cũng muốn giúp một phần nhỏ trong các công cuộc lớn ấy. Bản báo cũng muốn vun trồng lấy cái gốc học ở trong nước mà đưa cái tư tưởng của quốc dân vào đường chính đáng.

Cái tôn chỉ của bốn báo rất là thiết thực, cái ý hướng của bản báo rất là phân minh. Còn sự thực hành được hay chẳng thì không dám nói được.

Ngay tập thứ nhất mới xuất bản, gọi là có mấy lời phiếm luận để cùng với các bạn đọc báo giải chút lòng si ».

Thực sự ra, sự đóng góp của tờ Nam Phong Tạp Chí đối với nền văn học không phải là nhỏ. Tờ báo này chú tâm vào việc trui luyện quốc văn, sưu tầm vốn văn hóa cũ, phổ biến tư tưởng học thuật Đông Tây và làm giàu tiếng nước ta bằng cách vay mượn các danh từ khoa học, triết học của Trung Hoa.

Trong tác phẩm « Nhà Văn Hiện Đại », Ông Vũ Ngọc Phan đã nhận định về Nam Phong Tạp Chí như sau : « Nhiều người thanh niên trí thức đã có thể căn cứ vào những bài trong Nam Phong Tạp Chí để bồi bổ cho cái học còn khuyết điểm của mình. Thậm chí có người đã lấy Nam Phong làm sách học mà cũng thấu thái được tạm đủ tư tưởng học thuật Đông Tây. Muốn hiểu những vấn đề về đạo giáo, muốn biết văn học sử cùng học thuật tư tưởng nước Tàu, nước Nhật, nước Pháp, muốn đọc thi ca Việt Nam từ đời Lý, Trần cho đến ngày nay, muốn biết thêm lịch sử nước Nam, tiểu sử các danh nhân nước nhà, muốn am tường các vấn đề chính trị, xã hội Âu Tây và cả những học thuyết của mấy nhà hiền triết cổ La-Hy, chỉ đọc kỹ Nam Phong là có thể hiểu biết được. Một người chỉ biết đọc quốc ngữ mà có khiếu thông minh có thể dùng tạp chí Nam Phong để mở mang học thức của mình ».

Hầu hết các nhà khảo sát báo chí về sau cũng phải nhận định như vậy. Nam Phong Tạp Chí có thể được coi như một ngôi trường thu hẹp, luôn luôn mở cửa đón nhận học trò từ mọi nơi, mọi giới, và ở mọi trình độ. Sự đóng

góp của tờ báo này chẳng những hữu ích cho nhiều người vào thời kỳ đó mà còn tỏ ra bổ ích lâu dài như một thứ tài liệu dành cho nhiều năm về sau. Các nhà phê bình văn học cho rằng Nam Phong Tạp Chí đã tiếp tay nhóm Đông Dương Tạp Chí để đưa quốc văn tiến thêm một bước nữa, và văn học sử nước nhà có bốn phận phải ghi công lao của kẻ đã chủ trương tờ báo này.

- Các tờ báo khác (xuất bản trong thời gian từ 1865 tới 1917)

Ngoài 3 tờ chính yếu : Gia Định Báo, Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí, trong thời gian lệ thuộc chính quyền bảo hộ, báo chí nước ta còn có sự góp mặt của một số báo khác nhưng chẳng có tờ nào đặc biệt về hình thức cũng như về nội dung. Tất cả những tờ báo này đều là công cụ của nhà nước bảo hộ, lần lượt xuất hiện và được xếp theo thứ tự mà Nguyễn Ngu Ý đã trình bày trong số Bách Khoa tháng 1 năm 1966 như dưới đây :

1865 : Gia Định Báo (báo tuần, Ernest Potteaux sáng lập)

1868 : Phan Yên Báo (Diệp Văn Cương, một công chức dân Tây biên tập nội dung do Phan Yên Trấn chủ trương)

1883 : Nhật Trình Nam Kỳ (vừa chữ Pháp vừa chữ Việt)

1892 : Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo (ở Bắc, báo chữ Hán do Schneider sáng lập, sau đổi ra Đăng Cổ Tùng Báo).

1901 : Nông Cổ Mín Đàm (tuần báo do Canavaggio sáng lập, Dũ Thúc, Lương Khắc Ninh, Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Đồng Trụ, Lê Văn Trung, Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt thay nhau làm chủ bút)

1905 : Đại Việt Tân Báo (ở Bắc, Ernest Babut sáng lập, Đào Nguyên Phổ chủ bút, chia làm 2 phần, một bên in chữ quốc ngữ và 1 bên in chữ Hán)

1905 : Nhật Báo Tỉnh (Georges Garros sáng lập với mục đích « dạy dỗ loài người An Nam » theo lời tuyên bố trên nhãn báo. Có Thái Chiêu Đình và Nguyễn Phong Quang hợp tác)

1907 : Lục Tỉnh Tân Văn (tuần báo, do Pierre Neantet sáng lập, Trần Nhựt Thăng chủ bút, Nguyễn An Khương làm chủ sự)

1907 : Đăng Cổ Tùng Báo (ở Bắc là Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo đổi ra do Schneider sáng lập, Nguyễn Văn Vĩnh trông nom phần quốc ngữ và Đào Nguyên Phổ trông nom phần Hán Văn).

1909 : Nam Kỳ Địa Phận (tuần báo).

1912 : An Hà Nhật Báo (tờ báo Tỉnh đầu tiên của nước ta do Luật Sư Gallois Monbrun sáng lập, ra hàng tuần ở Cần Thơ, về sau đổi lại tên là An Hà Báo).

1913 : **Đông Dương Tạp Chí**

1913 : Trung Bắc Tân Văn (ở Bắc, Schneider sáng lập, Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương, có Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc và Nguyễn Đỗ Mục cộng tác).

1915 : Công Luận Báo (ra ngày thứ ba và thứ sáu hàng tuần, ấn bản tiếng Việt của tờ L'Opinion, cơ quan bên vực quyền lợi của người Pháp tại Đông Dương).

1917 : Nam Trung Nhật Báo (Schneider sáng lập, có tên Pháp ngữ là Le Courrier de la Cochinchine, chủ nhơn là Renoux và Nguyễn Văn Của, chủ bút là Nguyễn Tử Thức).

1917 : **Nam Phong Tạp Chí.**

2. THỜI KỲ BÁO CHÍ ĐI VÀO Ý THỨC QUỐC GIA (1918-1929)

Năm 1918, đại chiến thứ nhất chấm dứt. Pháp ca khúc khải hoàn sau bốn năm gian khổ vì khói lửa. Trong những năm này, dân các xứ thuộc địa và bảo hộ đã cùng nhau đưa lưng gánh vác cùng « mẫu quốc ».

Chính vì sự gánh vác chung đó mà nhà nước bảo hộ đã phải nhớ lại những lời hứa cùng dân thuộc địa trước đây. Nào là hứa cho tự do ngôn luận, nào là hứa trao quyền độc lập. Tất cả những lời hứa này đã được chính quyền thực dân đưa ra khi kêu gọi lính thuộc địa tòng chinh, hoặc hô hào dân thuộc địa mua quốc trái và giữ gìn an ninh trật tự. Sau khi chiến tranh chấm dứt, nhà nước bảo hộ thấy rằng dân trí các xứ thuộc địa đã mở mang

rất nhiều nên phải nhớ lại lời hứa cũ và cố gắng thực hiện không nhiều thì ít. Và lại, nếu sai lời hứa và cứ tiếp tục bóp nghẹt quá có thể đưa tới tình trạng tức nước vỡ bờ chẳng có lợi gì cho chính quyền bảo hộ.

Nhờ những lời hứa đó mà người Việt Nam được quyền ra làm chủ báo. Làng báo Việt nhân cơ hội này chuyển mình mạnh mẽ. Ở Bắc, Nguyễn Hữu Thụ ra tờ Thực Nghiệp Dân Báo vào năm 1920, trong khi Bạch Thái Bưởi cho xuất bản tờ Khai Hóa Nhật Báo vào năm 1921.

Tại Nam Việt, Nguyễn Kim Đính xuất bản tờ Đông Pháp Thời Báo, ra những ngày thứ hai, thứ tư và thứ sáu mỗi tuần. Tờ báo này sống được 6 năm từ 1923 tới 1929. Cũng trong năm 1923, tờ Khoa Học Tạp Chí ra đời và sống cho tới năm 1926. Trong thời gian này, cả Hội Truyền Giáo cũng cho ra 1 tờ báo lấy tên là Trung Hòa Nhật Báo, xuất bản 1 tuần 2 kỳ. Tới năm 1924, tờ L'Impartial, một cơ quan ngôn luận bình vực quyền lợi người Pháp tại Đông Dương được cho ra chào đời ấn bản tiếng Việt của nó là tờ Trung Lập Báo. Tờ này sống được tới năm 1933 thì đóng cửa.

Về phần tạp chí, người ta không quên được tờ Hữu Thanh, một tờ bán nguyệt san có uy tín khá vững chắc trong nền văn học nghệ thuật và ý thức dân tộc. Chủ trương của tờ báo này là « nương tựa vào nước Pháp mà tiến lên con đường văn minh ». Nhóm chủ trương là Hội Bắc Kỳ Công Thương Đồng Nghiệp gồm nhiều nhân vật có tầm tiếng, nhưng uy tín của tờ báo chỉ dựa vào những bài viết giá trị của nhà thơ lỗi lạc ngày đó là Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và « Ông Nghè » Ngô Đức Kế. Về phần Tản Đà, ông thường sáng tác những bài thơ đầy ý nghĩa yêu nước, kêu gọi mọi người đoàn kết với nhau để đạt mục đích chung là tranh đấu dành độc lập. Trong khi đó, Ngô Đức Kế đưa ra những bài viết hoàn toàn nằm trong phạm vi văn học, chống đối lại chủ trương đề cao truyện Kiều của Phạm Quỳnh.

Khảo sát về báo chí trong giai đoạn này, chúng ta không thể bỏ qua mà không nhìn tới khía cạnh pháp lý ảnh hưởng tới sinh hoạt báo chí. Nhà nước Bảo Hộ tuy giữ đúng lời hứa trước đây là cho phép người Việt ra báo, nhưng lại tìm cách kèm kẹp báo chí Việt bằng những đạo luật khắt khe. Khắt khe nhất trong số này là đạo luật ban hành ngày 29-7-1881, cho phép xuất bản

báo không cần xin phép trước, với điều kiện người chủ trương phải là người... Pháp. Đối với người Pháp, đạo luật này quả thật là dễ dãi, ai muốn ra báo chỉ phải nộp đơn tại biện lý cuộc trước 24 tiếng đồng hồ và không phải chịu chế độ kiểm duyệt. Khổ một điều là đạo luật này không được áp dụng khi người chủ trương tờ báo là người Việt.

Vì không được hưởng sự dễ dãi của đạo luật 1881, các nhà báo Việt Nam đã khôn ngoan chơi đòn « gậy ông đập lưng ông » bằng cách mượn một người Pháp đứng làm quản lý, rồi xuất bản một tờ báo tiếng Pháp, và dùng ngay nó làm phương tiện đấu tranh cùng với các nhà cách mạng. Số báo loại này (do người Việt sáng lập nhưng do người Pháp đứng tên chủ trương) phát triển khá mạnh tại miền Nam.

Trong khi các báo Pháp ngữ sống mạnh, thì các báo Hán Văn kéo dài sự tồn tại của nó một cách lỳ lợm không lấy gì làm vững chãi. Dư luận báo chí chia ra làm hai, một phe chủ trương loại dần các bài viết bằng chữ Hán vì cho rằng Hán Văn không còn đóng được vai trò văn hóa trong giai đoạn đó, còn phe kia vì nặng lòng với cổ nhân, vẫn muốn duy trì các tác phẩm Hán Văn trên báo chí. Nhưng rồi theo đà thời gian, luật đào thải đã đưa tới tình trạng các bài viết bằng chữ Hán thưa dần, rồi lui vào dĩ vãng. Báo Pháp ngữ càng ngày càng thăng thế, lan tràn cả sang địa hạt văn hóa cổ của người Việt. Trong số các báo Pháp ngữ, nổi bật nhất là tờ « La Cloche Félée » của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, người đã dùng ngay báo Pháp để chống lại người Pháp, công kích chế độ thực dân, để giới thiệu và cổ vũ những tư tưởng dân chủ Âu Tây.

Vì có chủ trương, đường lối rõ rệt như vậy, Nguyễn An Ninh phải đón nhận nhiều đòn tấn công của nhà nước bảo hộ. Trong suốt tiến trình báo chí nước ta, không có một tờ báo nào bị khủng bố, đe dọa, áp lực nhiều bằng tờ La Cloche Félée, và mọi nhà nghiên cứu báo chí đều nhận rằng chưa có ai làm báo với nhiều lý tưởng như Nguyễn An Ninh cả. Ông trải qua một thời kỳ vô cùng vất vả, khó khăn và nguy hiểm khi chủ trương và điều hành tờ báo này. Có những trường hợp tờ báo bị nhà cầm quyền Pháp khủng bố đến nỗi không còn ai dám hợp tác, khiến ông chủ báo đành phải tự mình xoay sở

mọi điều, từ viết bài, in báo, xếp báo và bán báo. Nhà in báo cũng không bao giờ được an toàn, phải di động nay đây mai đó, và ngay cả người đọc báo cũng không được yên thân. Thế mà tờ báo sống được mới là chuyện hi hữu.

Nguyễn An Ninh, một người nổi tiếng thông minh xuất chúng ngay từ ngày học tiểu học tại Pháp và đậu cử nhân Luật, khi về nước không chịu đi tìm cuộc sống nhung lụa trong hàng ngũ quan lại mà chỉ thích đi làm báo. Ông thích « dùng báo tiếng Tây để chửi Tây », và vì vậy mà tờ báo của ông nhiều lần bị Tây làm cho khốn đốn, một đôi lần đình bản tạm rồi lại sống lại. Nó sống được vì nó là tờ báo của những người yêu nước, và nhờ nó mà Nguyễn An Ninh trở thành thần tượng của giới trẻ thời đó.

Một điểm khác đáng chú ý về sinh hoạt báo chí trong giai đoạn này là chính những tờ báo Pháp ngữ đã mở đường cho cuộc đấu tranh tư tưởng chống lại người Pháp và để cho các báo Việt ngữ noi theo. Đây là một nghịch lý theo một nhà quan sát, nhưng trên thực tế, báo chí Việt ngữ, đáng lẽ mở màn cuộc chiến chống Pháp bằng ngòi bút thì lại ngồi chờ cho đến khi các báo Pháp ngữ khai chiến đã đời rồi mới tà tà nhập cuộc. Có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng sự dẫn thân của các báo Việt ngữ vào cuộc đấu tranh chống Pháp thực sự không phải do sự dẫn đường của báo chí Pháp ngữ mà chỉ là do những biến cố lịch sử trọng đại kích động dư luận đương thời.

Thực vậy, mọi người Việt trong thời gian này đều mang một tâm tư chung hướng về đất nước, và một khi có biến cố quan trọng xảy ra, mọi người cùng chia sẻ với nhau nỗi buồn vui tập thể hay bất mãn với nhà cầm quyền Pháp. Với một tâm tư như thế, tin Cụ Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải và giải về Hà Nội để đem ra xử tại Hội Đồng Đền Hình vào ngày 23-11-1925 đã làm cho dư luận giao động tột độ. Ngàn người như một người đều phần uất về vụ án này sau đó, lại người như một người cùng đau buồn vì cái tang chung là cụ Phan Chu Trinh vĩnh viễn ra đi vào năm 1926 tại Saigon. Nỗi phần uất và sự buồn đau của cả nước lúc đó đã được báo chí biểu lộ một cách trung thực và sôi nổi trong cả hai biến cố.

Trở lại với sinh hoạt báo chí, sau tờ La Cloche Felée, một tờ báo mới đã xuất hiện mang tên Đông Pháp Thời Báo do hai nhà tân học có tâm huyết

chủ trương là Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá, với sự hợp tác của hai nhà văn miền Bắc là Tản Đà và Ngô Tất Tố. Hai ông Kỳ và Bá trông coi phần thời sự chính trị, còn Tản Đà và Ngô Tất Tố phụ trách các mục văn chương. Tờ báo này cũng chủ trương nuôi dưỡng tinh thần ái quốc chống Pháp nhưng không mấy hữu hiệu.

Cho tới một thời gian sau, vào năm 1929, Tản Đà và Ngô Tất Tố tách rời khỏi tờ Đông Pháp Thời Báo để xuất bản một tờ báo riêng mang tên là Thần Chung, dư luận khắp nước mới thấy rõ cường độ đấu tranh của hai người chủ trương tờ báo. Bài viết nào cũng mang sự nhiệt thành đối với quốc gia dân tộc, và bài nào cũng là một mũi dùi nhắm vào chính quyền thực dân. Chỉ tiếc rằng tờ báo này không thọ được lâu dài, đình bản vào năm 1930, dù có sự góp mặt của nhiều cây viết tên tuổi và ái quốc như Phan Khôi, Phan Văn Hùm, Đào Trinh Nhất và Bùi Thế Ni.

Một tờ báo khác cũng từng được dư luận nhắc nhở tới nhiều là tờ An Nam Tạp Chí xuất bản vào năm 1926 do Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu chủ trương với mục tiêu hun đúc lòng ái quốc và tình đoàn kết trong quần chúng. Song song với tờ An Nam Tạp Chí là tờ Hà Thành Ngọ Báo (1927) của Hoàng Tích Chu. Cùng với sự hợp tác của những khuôn mặt lớn trong làng báo lúc đó là Tạ Đình Bích, Phùng Bảo Thạch và Tam Lang Vũ Đình Chí. Tất cả những nhân vật này hợp lại với nhau thành một « équipe » hoạt động dưới quyền điều khiển của Bùi Xuân Học. Cùng hoạt động với nhau như vậy, mỗi người đóng góp một ít công lao và cải tiến tờ Ngọ Báo rất nhiều, khiến cho tờ này nổi bật hẳn lên về hình thức cũng như về nội dung, với nhiều thay đổi lạ khác hẳn với lề lối thường của những tờ báo ra trước. Nhưng có lẽ vì mới lạ quá trở thành lập dị, tờ báo bị dư luận chỉ trích nặng nề và giảm sút sự hoạt động để rồi phải ngưng hoạt động.

- Báo Đông Tây (1929 tới 1932)

Hoàng Tích Chu, sau ngày thất bại với Hà Thành Ngọ Báo, vẫn cố gắng đeo đuổi nghề làm báo để thực hiện lý tưởng của mình. Hợp với một số các nhà báo tên tuổi trong nhóm cũ như Tạ Đình Bích, Phùng Bảo Thạch,

Tam Lang, và thêm Á Nam Trần Tuấn Khải, Hoàng Tích Chu cho xuất bản tờ Đông Tây và vẫn muốn cải tổ làng báo để thoát ly khuôn mẫu cũ. Ngoài những người đã kể trên, Hoàng Tích Chu còn có sự cộng tác của Nguyễn Nam Sơn, Tô Ngọc Vân, Trần Quang Trân, Lê Phổ và Đỗ Mộng Ngọc. Ê kíp này được coi là hoàn hảo về việc cải tiến cả hai phương diện nội dung và mỹ thuật của tờ báo.

Trong thời gian đầu, Đông Tây xuất bản hàng tuần, nhưng sau đó, nhờ đã tổ chức tương đối quy củ, đổi sang 1 tuần 2 kỳ, và chính tới lúc này mới là lúc mà Hoàng Tích Chu và Đỗ Vân có dịp phô trương tài nghệ làm báo, đưa ra nhiều sáng kiến độc đáo đổi hẳn bộ mặt báo chí. Về hình thức, Đông Tây rất sáng sủa, mang sắc thái một tờ báo ngoại quốc, áp dụng đúng các kỹ thuật trình bày và ấn loát của báo chí Âu Châu. Thêm vào đó, ngay trang ngoài, tờ báo thường xuyên cho đi những tranh hí họa khiến độc giả chú ý và tờ báo có vẻ nhẹ nhàng. Về nội dung, nhóm viết bài đã sử dụng 1 lối hành văn giản dị, trong sáng và không kém xúc tích. Đặc biệt lối văn này thiên về văn nôm, ít chữ Hán, và ít chú trọng tới âm điệu, chỉ cần làm sao cho diễn đạt được ý tưởng một cách chính xác mà thôi. Điều này trái ngược hoàn toàn với nhiều tờ báo do nhóm cựu học chủ trương, văn chương nặng nề, tràn đầy Hán Tự, lại bị gò bó vào những điển tích xa xưa.

Trong khung cảnh sinh hoạt của báo chí thời đó, tờ Đông Tây được coi như thành công vượt bậc. Nó là một luồng gió mới thổi vào căn nhà cổ kính, đưa lại rất nhiều thoải mái cho người đọc. Không phải tự dưng tờ Đông Tây đạt được thành quả đó. Đây là công lao của Hoàng Tích Chu, sau rất nhiều ngày nghiên cứu và qui tụ được một số những cây viết tân học, có óc thực tế, muốn dùng báo chí để mang những kiến thức mới tới cho người đọc chứ không nhằm cố võ sự duy trì nền văn học cũ xuất phát từ « cửa Khổng sân Trình ».

Muốn nhận thấy rõ luồng gió mới mà tờ Đông Tây đã thổi vào làng báo, chúng ta hãy đọc qua bài xã thuyết sau đây do Hoàng Tích Chu viết : « *Làm báo ở nước nhà chưa thể gọi là một nghề được. Vì ta chưa có trường dạy chuyên khoa, lại chỉ coi như một ngón trò chơi. Con cóc nhảy ra, con*

cóc nằm đấy, thơ. Cho ngay đến hồi người làm báo cũng như mọi người lao động khác, ăn lương tháng hay tính tiền dòng, ta vẫn coi như một món phụ trong đời kiếm miếng : bần cùng mới đi viết báo. Viết báo là thế nào ? Cũng như thảo bài luận nhật khắc trong làng Nho ? Cũng như viết bài văn đầu ghế nhà trường. Một số người đều tưởng vậy ».

Ngoài lối văn xã thuyết như bài trên đây, Hoàng Tích Chu còn có biệt tài viết lối văn hài hước châm chọc người đời một cách nhẹ nhàng hoặc ca tụng các nhân vật thời sự một cách tế nhị. Nhờ lối văn này mà tờ Đông Tây lôi cuốn được độc giả và tạo nhiều nguồn dư luận sôi nổi.

Trong khi tại miền Bắc và miền Nam, phong trào báo chí phát triển khá rầm rộ thì tại miền Trung, dư luận vẫn chìm lắng gần như yên lặng. Có lẽ những người viết báo gốc miền Trung đều dồn tới hai miền Bắc và Nam để hoạt động vì chính tại quê họ không tìm được môi trường thích hợp để ra báo. Mãi cho tới khoảng cuối năm 1927, dân miền Trung mới bắt đầu nhập theo hai miền anh em để cho ra tiếng nói đầu tiên của họ là tờ báo Tiếng Dân, xuất bản vào ngày thứ tư và thứ bảy mỗi tuần. Trong lời phi lộ, người chủ trương tờ Tiếng Dân cho thấy khuynh hướng và xuất xứ của tờ báo như sau : « Theo tâm lý chân chính của quốc dân mà phô bày trên mặt giấy, công lý là hướng đường đi, công lợi là nơi qui túc, không thiên vị về đảng phái nào, không cố động về ảnh hưởng trống. Đối với đồng bào, xin làm vị thuốc đắng, đối với chính phủ, xin làm người bạn ngay ».

Tờ Tiếng Dân mang một sắc thái rất độc đáo ; nó không phải là tờ báo của một người, nó cũng không phải là tờ báo của một nhóm chủ trương. Nó là tờ báo của tất cả mọi người, vì nó là một tổ hợp trong đó có rất nhiều cổ phần ai muốn mua cũng được. Dân miền Trung đã tự nguyện đóng góp bằng cách mua các cổ phần này để tài trợ cho các hoạt động của một chí sĩ cách mạng là Huỳnh Thúc Kháng. Ở hai miền Bắc và Nam, nhiều người vẫn lầm tưởng rằng Tiếng Dân là tờ báo của riêng Huỳnh Thúc Kháng. Cũng có người cho rằng đó là tờ báo của « Công Ty » Huỳnh Thúc Kháng. Nhưng thực ra, các phần hùn của dân chúng trong tờ báo này là sự biểu lộ lòng ái quốc cũng như sự ngưỡng mộ đối với nhà cách mạng Huỳnh Thúc Kháng.

Suốt mười mấy năm góp mặt với các đồng nghiệp trong làng báo, tờ Tiếng Dân lúc nào cũng làm cho nhà cầm quyền nể nang, và được dân chúng quý trọng. Nhưng rồi tình thế mỗi ngày một bất lợi, không cho phép nó thực hiện được nhiệm vụ đối với đồng bào mà phải đăng toàn những bài của Phòng Thông Tin Tuyên Truyền và những bài do Tòa kiểm duyệt sửa lại thì tờ báo này đành đóng cửa vào năm 1943. Cùng xuất hiện và cũng cùng chết với tờ Tiếng Dân hồi đó có tờ Thần Kinh Tạp Chí, xuất bản hàng tháng cũng tại miền Trung, chủ trương phổ biến tin tức, có kèm phụ trương bằng tiếng Pháp.

- Phụ nữ Tân Văn (1929-1934)

Tờ Phụ Nữ Tân Văn vừa xuất hiện tại miền Nam đã được độc giả tại cả ba miền đón tiếp niềm nở, vượt xa cả uy tín của tờ Nam Phong Tạp Chí trước đây. Tuy Nam Phong cũng đạt được thành tích khá cao, nhưng tờ này gồm những bài viết quá cao và nặng nề, nó là tờ báo dành cho giới trí thức và bóng thực dân đứng đằng sau lưng nó khiến cho nhiều người đọc cuối cùng mất cảm tình. Đến khi Phụ Nữ Tân Văn xuất hiện, mối cảm tình đó đã được độc giả khắp nơi dành cho nó, vì nó chứa đựng toàn những bài viết giản dị, dễ hiểu, nhẹ nhàng và bổ ích. Nhằm vào đối tượng rộng lớn là giới trung lưu, tờ Phụ Nữ Tân Văn đã vượt khỏi tầm mức địa phương và trở thành tờ báo có tầm vóc quốc gia, lan tràn khắp cả ba miền.

Bài viết của một độc giả dưới đây sẽ cho chúng ta hiểu lý do tại sao tờ Phụ Nữ Tân Văn được tiếp đón nồng hậu tại cả hai xứ bảo hộ Bắc và Trung :

« Danh nghĩa thì vẫn là tờ báo của phụ nữ, nhưng ai đọc nó cũng thấy có cái hấp ý mình và không có một vấn đề thời cuộc nào mà nó không nói đến.

So sánh với những tờ báo trong Nam như Đông Pháp Thời Báo hay Thần Chung thì nó ôn hòa hơn. Nhưng so sánh với những báo ngoài Bắc lúc bấy giờ thì nó lại dám ăn, dám nói nhiều hơn. Bởi thế nên Phụ Nữ Tân Văn có rất nhiều độc giả ở Trung và Bắc.

Hồi đó có cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và vụ xử án những nhà cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng, chính độc giả ngoài Bắc lại trông đứng trông ngòai những số báo Phụ Nữ Tân Văn từ trong Nam gửi ra để được nghe những lời nói can đảm bình vực cho những kẻ đã hi sinh cho giống nòi và đất nước. Những lời nói như thế không thể có được ở báo giới miền Bắc hồi bấy giờ ».

Phụ Nữ Tân Văn xuất hiện vào ngày 2-5-1929, với mục đích ghi ra trên mặt báo là « chuyên khảo cứu những vấn đề quan hệ tới đàn bà, tức là quan hệ tới quốc gia xã hội, nó không đảng phái, chỉ thờ chân lý làm thần minh, tổ quốc làm tôn giáo ». Trên thực tế, tờ báo này bàn đủ các vấn đề, trên từ xã hội, chánh trị, dưới tới những chuyện thường thức, gia đình.

Người làm chủ bút tờ Phụ Nữ Tân Văn là Đào Trinh Nhất, nhưng người làm cho tờ báo nổi bật với uy thế đặc biệt là Phan Khôi, người từng được mệnh danh là « Ông Tú xứ Quảng với một thứ lý luận độc đáo » và đã từng mở nhiều cuộc bút chiến dữ dội đả kích đạo Nho, tấn công trường phái Nho học thời đó vốn gồm nhiều tay cự phách cỡ Phạm Quỳnh.

Phụ Nữ Tân Văn, tuy mang danh nghĩa là « tờ báo của đàn bà » nhưng nặng về chính trị và văn học. Về mặt chính trị, tờ báo đăng nhiều bài viết cũng như tiểu thuyết gợi ý thức dân tộc và nuôi dưỡng tinh thần cách mạng, đặc biệt thiên tiểu thuyết « Mảnh Trăng Thu » do một người tù chính trị từ Côn Đảo bí mật gửi về. Về mặt văn học, tờ báo cổ võ cho thơ mới, tích cực phổ biến lối thơ này trên mặt báo cũng như đề cử một nữ sĩ (thường ký tên là Manh Manh) đi diễn thuyết ở nhiều nơi để châm ngòi cho phong trào thơ mới có cơ hội bùng lên. Chẳng những vậy, tờ Phụ Nữ Tân Văn còn đạt được nhiều thành quả về xã hội chẳng hạn như lập học bổng giúp các học sinh nghèo sang Pháp du học, xướng lập hội Dục Anh, tổ chức các cuộc đấu xảo về nữ công, đặt ra « bữa cơm bình dân » để tài trợ những người thiếu thốn.

Với nhiều kết quả như thế mà cuối cùng tờ Phụ Nữ Tân Văn vẫn phải đình bản vào ngày 20-12-1934, mặc dù người chủ trương tờ báo là Ông Bà Nguyễn Đức Nhuận đã mất rất nhiều công lao khó nhọc, biết kính hiền đãi

sĩ, biết đối xử đẹp đẽ và trả thù lao xứng đáng đối với những người hợp tác, có nhiều sáng kiến, và biết tán thành sáng kiến của người khác.

Cuộc sống của tờ Phụ Nữ Tân Văn tính ra chỉ có 5 năm, nhưng những gì mà tờ báo này đạt được quả thật vượt cao hơn nhiều tờ báo khác sống lâu hơn nó. Và tuy đã đình bản rồi, tờ Phụ Nữ Tân Văn vẫn còn để lại nhiều cảm tình cho độc giả.

*

Làng báo Việt Nam trong thời kỳ phôi thai lệ thuộc vào thực dân Pháp, tính từ Gia Định Báo tới Phụ Nữ Tân Văn, tuy còn non yếu nhưng cũng đã mang nhiều sắc thái độc đáo và hứa hẹn nhiều triển vọng về mọi mặt. Những nhà khảo sát báo chí sau này đều nhận thấy rằng trong giai đoạn khai sinh mà báo chí Việt Nam đã tiến mau với những thành quả như vậy là điều khả quan hơn cả sự ước mong của những người làm báo thời đó.

Về phương diện chính trị, báo chí nước ta trong suốt tiến trình đầu đã thành công trong việc gióng lên những nguồn tư tưởng khơi động dư luận, làm ý thức dân tộc có cơ bùng dậy. Mặc dầu có một vài tờ báo đi ngược lại chiều hướng này, đa số các báo còn lại đã đóng được vai trò của mình tuy không trọn vẹn nhưng cũng khá tốt đẹp. Sự hoàn hảo trong vai trò của báo chí mang tính chất tương đối xét vì hoàn cảnh lúc đó đã không thuận lợi lại còn gây nên nhiều trở ngại. Thế mà báo chí đã can đảm chấp nhận thử thách, bền chí bước đi qua chông gai nguy hiểm để đi tới mục đích thì đó là một điều đáng thán phục. Trong một bối cảnh chính trị và lịch sử bất lợi của thời lệ thuộc, những người làm báo bất cứ xứ nào dù có tài giỏi đến đâu cũng không thể làm hay hơn được.

Bỏ qua phương diện chính trị, mọi người khảo sát báo chí đều có đồng quan điểm rằng báo chí Việt Nam đã thành công vượt bực về phương diện văn học. Trong phong trào cải tiến nền văn học quốc ngữ, báo chí đã đi tiên phong với vai trò khai phá, nuôi dưỡng, tăng cường và củng cố cuộc cách mạng văn chương, đưa tiếng Việt lên địa vị ngày nay. Công lao đó của báo chí cần phải được mọi giới của thế hệ sau tuyên dương và ghi nhớ. Ngoài ra,

báo chí cũng còn đạt được thành quả lớn là du nhập những tư tưởng mới của Tây Phương vào nền văn học cổ kính của người Việt.

3. MỘT MÙA TRĂM HOA ĐUA NỞ (1930-1945)

BÁO CHÍ ĐI VÀO GIAI ĐOẠN TRƯỞNG THÀNH ĐỂ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH XÃ HỘI.

Cùng với thời gian kể từ ngày khai của báo chí vào 1865, số độc giả tăng lên mạnh mẽ đồng thời theo đà phát triển của báo chí. Cùng theo tỉ lệ thuận với hai yếu tố này, tiếng Việt đã cải tiến qua môi trường báo chí để tới khoảng 1930 thì đã trở thành một khí cụ sắc bén của cuộc chiến tranh tư tưởng. Sau Gia Định Báo, Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí, và Phụ Nữ Tân Văn, Tiếng Việt đã vượt hết đoạn đường non yếu chập chững để đi vào giai đoạn trưởng thành vững mạnh. Ta có thể phân tích con đường đi của tiếng Việt theo sự lượng giá rằng với Gia Định Báo, tiếng Việt ở vào giai đoạn ấu trĩ, sang tới Đông Dương và Nam Phong Tạp Chí, nó bước sang giai đoạn thiếu thời, và cho tới Phụ Nữ Tân Văn, Việt ngữ mới trở thành già dặn.

Tới năm 1930, một biến cố chính trị trọng đại đã đưa báo chí đi vào một khúc quanh mới. Đó là năm mà cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân Đảng xảy ra và thất bại, các nhà cách mạng bị đàn áp dữ dội, và nhà cầm quyền Pháp tung ra nhiều cuộc khủng bố ráo riết nhằm vào các đảng phái chính trị Việt Nam. Bị áp lực quá nặng, báo chí Việt Nam đành phải tạm rời môi trường chính trị để bước sang môi trường văn hóa và xã hội.

Thêm vào biến cố chính trị Yên Bái, năm 1930 cũng là năm mở đầu cho cuộc khủng hoảng kinh tế trên toàn quốc. Tình hình kinh tế chung đã khiến mọi người lo âu, nhất là giới thương mại, chán nản vì công cuộc làm ăn và sự biến chuyển của tình hình. Do đó, báo chí ít thu hút được độc giả so với những năm trước, nhất là những tờ báo vừa nặng nề, vừa đạo mạo như kiểu Nam Phong Tạp Chí, đầy những công trình khảo cứu tuy tỉ mỉ nhưng quá khô khan. Tâm hồn con người lúc này không còn thích hợp cho lối văn

chương cổ kính, mà chỉ chờ đợi những bài viết nhẹ nhàng mang nhiều tính chất giải trí.

Đúng vào lúc mà người đọc khắp nơi mong đợi một tờ báo như thế thì Nguyễn Tường Tam, từ Pháp hồi hương, xin xuất bản tờ « Tiếng Cười » vào năm 1930 với mục đích cống hiến người đọc một món ăn mới vừa vui vừa lạ. Nhưng không hiểu sao khi nhà cầm quyền Pháp cấp giấy phép thì Nguyễn Tường Tam vẫn chưa xuất bản. Sau này lý do được tiết lộ là vì khó khăn tài chánh. Thế là « Tiếng Cười » không xuất hiện, và để thay thế nó, một tờ báo chọc cười khác lấy tên là « Duy Tân » đã được Nguyễn Đình Thân cho ra đời vào năm 1931. Cột trụ của tờ này là Trần Khánh Giu, tức Khái Hưng.

- Phong Hóa và Ngày Nay (1932-1940)

Tới năm sau nữa, Nguyễn Tường Tam mới vượt qua được các trở ngại tài chánh để cho ra đời tờ Phong Hóa cũng vẫn với mục đích chọc cười thiên hạ. Đây là tờ báo trào phúng rất tế nhị, nhẹ nhàng và sâu sắc. Nhưng mục đích chọc cười này, theo Nguyễn Tường Tam, không phải chỉ để mua vui cho người đọc mà nhằm một chủ trương cao xa hơn, đó là chủ trương « dùng cười cợt để sửa đổi phong hóa, trước vui thích sau ích lợi, lấy thiết thực làm căn bản, và lấy khôi hài trào phúng làm phương pháp ».

Tờ Phong Hóa quả xứng đáng là một cơ quan ngôn luận dẫn đầu « phong trào cười ». Nó tự hào là có « số in nhiều nhất so với các báo ở trong nước, nhờ đó mà ảnh hưởng của nó rất sâu rộng. Nguyễn Tường Tam đạt được thành tích này không phải cho riêng mình mà cho cả nhóm « cách mạng văn hóa » của ông là Nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Dù ảnh hưởng của tờ Phong Hóa sâu rộng như vậy, Nguyễn Tường Tam vẫn chưa hài lòng. Năm 1935, ông cho ra đời tờ báo mới mang tên « Ngày Nay » mang ít tính chất trào phúng hơn tờ Phong Hóa, và chú trọng nhiều vào việc diễn tả cho mọi người dân thấy rõ sinh hoạt xã hội trong buổi bấy giờ về mọi phương diện, cả hình thức lẫn tinh thần. Lời giới thiệu dưới

đây là do chính Nguyễn Tường Tam viết trên tờ Ngày Nay vào số đầu ra mắt :

« Ngày Nay, là tờ báo hiến cho các bạn ngày nay.

Phong Hóa ra đời, chú trọng về trào phúng và văn chương, được các bạn hoan nghênh, đã xô báo giới đi một bước tiến khá dài, và đã từng phá tan bớt những hủ kiến nó làm mờ mịt khối óc người ta, ta phải biết nhận việc đời bằng con mắt sáng suốt, rồi vui vẻ mà phấn đấu.

Ngày Nay là tờ báo thứ hai của Tự Lực Văn Đoàn cũng cố đạt mục đích ấy, song theo phương thức khác. Chúng tôi sẽ đưa các bạn đi từ rừng đến bể, từ thành thị đến thôn quê, xem các trạng thái hiện có ở xã hội. Hiện trạng đó, các bạn cần biết và muốn biết hơn hết. Chúng tôi sẽ đi nhận xét lấy mọi sự thực, nói lại để các bạn hay và sẽ chụp nhiều ảnh xen vào bài để cho bài ấy được rõ rệt hơn. Như thế các bạn chỉ đọc qua cũng như đã đi đến nơi.

Ngày Nay chẳng phải là cơ quan tiến thủ giật lùi, mà cũng tự liệu sức mình, không dám nhận là tờ báo của tương lai. Ngày Nay chỉ mong và chỉ muốn được là – theo nghĩa đầy đủ – tờ báo của ngày nay.

Chúng tôi muốn cho tờ Ngày Nay thành một tờ báo vừa vui vừa có ích, ai cũng cần đọc, ai cũng muốn đọc, tờ báo lan rộng, nhiều người xem, sức mạnh của tờ báo là ở đó. Dựa vào sức mạnh ấy dần dần sẽ mưu tính những công cuộc về xã hội, những việc cải cách khẩn yếu mà các bạn và chúng tôi lúc nào cũng tha thiết ».

Ngày Nay ra mắt vào ngày 30-1-1935 và được tiếp đón rầm rộ. Người đứng giám đốc là Nguyễn Tường Cẩm, chủ bút là Nguyễn Tường Lân, hai người này là anh và em của Nguyễn Tường Tam. Nhưng kể từ số 6 trở đi thì chính Nguyễn Tường Tam đứng làm giám đốc.

Với nội dung bổ ích, hay lạ, Ngày Nay là tờ báo bán mắc nhất trong nước, cũng một phần nhờ in đẹp, hình ảnh nhiều. Bài vở thì quả là phong phú, với đầy đủ các mục điều tra, phóng sự, giáo dục, tìm hiểu, văn chương. Nhưng rồi vì không chịu nổi chi phí trình bày cũng như bài vở, tờ báo này

phải tạm đình bản một thời gian khoảng 1 năm mới hồi sinh được. Lúc này, tờ Ngày Nay không còn giống hình thức ban đầu của nó mà chỉ gồm hai phần : một phần tiểu thuyết và một phần tìm hiểu, sống được cho tới năm 1940 thì bị nhà cầm quyền rút giấy phép vì lý do chính trị.

Ba năm sau, vào ngày 5-5-1943, tờ Ngày Nay lại hồi sinh lần thứ hai với một giám đốc mới : Nguyễn Tường Bách, em của Nguyễn Tường Tam. Chủ trương của tờ Ngày Nay vào lần này là hoàn toàn nhắm vào chính trị, như lời của người viết bài tái ngộ : « *Tuy tình thế có đổi thay, mà chí hướng vẫn nguyên một, như một sức mạnh vô hình, có lúc co giãn, được dịp thì nổi bùng lên, mãnh liệt, không gặp thời lại ẩn tàng trong im lặng. Ngày Nay đã tùy thời cơ mà xoay chiến lược, nhưng bao giờ cũng hoài bảo một lý tưởng, theo đuổi một nhiệm vụ* ».

Nhưng rồi cuối cùng vì cuộc cướp chính quyền của Việt Minh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn đành phải bỏ dở nhiệm vụ đó, sau khi xuất bản số báo Ngày Nay cuối cùng số 16 ra ngày 18-8-1945. Dù tờ báo Ngày Nay sống không được bao lâu, ai cũng phải nhận rằng trong vòng 100 năm hoạt động của báo chí nước nhà, thật không có nhóm người nào làm báo có ảnh hưởng sâu rộng đối với xã hội, đối với văn chương nghệ thuật như nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Nhờ có uy tín của Nhóm này, báo chí được coi là dẫn đường cho công cuộc khai thông dân trí và xây dựng xã hội.

Trong tiến trình báo chí nước ta, không phải chỉ có Nhóm Tự Lực Văn Đoàn mới chủ trương dùng tiếng cười để cải tạo xã hội. Ngoài tờ Phong Hóa, độc giả, trong khoảng thời gian tiền chiến, còn được một tờ báo khác chọc cười. Đó là tờ Loa, xuất hiện vào ngày 8-2-1932 do Bùi Xuân Học đứng làm Chủ Nhiệm. Bùi Xuân Học tuy điều khiển tờ báo này, lại phải nhờ đến tài chọc cười của Côn Sinh, một họa sĩ nổi tiếng không kém Cát Tường (Le Mur) của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Bằng những nét vẽ độc đáo và sâu sắc, Côn Sinh đã tô điểm cho tờ Loa nhiều tác phẩm hí họa mà cả nước thường thức một cách say mê nhưng cũng có dư luận cho là thiếu đứng đắn. Về phần văn học, Loa không sánh được với Phong Hóa nhưng vẫn được độc giả ba miền chuộng đãi, một phần lớn là nhờ tranh hí họa của Côn Sinh và

bài vở nhẹ nhàng, vui ích. Mặc dầu vậy, tới tháng 2 năm 1936 thì Loa chết vì bàn tay của nhà cầm quyền Pháp.

Loa chết được hai năm thì đàn em của nó ra đời. Tờ « Vịt Đực » của nhóm Tam Lang, Vũ Bằng, Thượng Sĩ, Thiết Can, ra số đầu vào 1938, sống được 1 năm rồi cũng theo Loa tạ từ làng báo. Làng trào phúng thấy Vịt Đực tự dưng lặn ra chết bèn cho « Con Ong » ra châm chọc thiên hạ được 34 số rồi cũng chết theo các báo đàn anh.

Trở lại với khuynh hướng văn chương, làng báo Việt Nam vào thời kỳ Tự Lực Văn Đoàn còn có sự góp mặt của một tờ báo nặng tinh thần quốc gia dân tộc, do Lê Tràng Kiều chủ trương, mang tên Tân Thiếu Niên, chú trọng hướng vào giới trẻ. Cây viết nòng cốt của tờ báo này là Vũ Trọng Phụng, một nhà văn tả chân từng làm dư luận sôi nổi với lối hành văn táo bạo và thực tế của ông. Tờ Tân Thiếu Niên sống không được bao lâu dù Lê Tràng Kiều là một nhà báo lão luyện đầy kinh nghiệm lại được tiếp tay bởi những cây viết cừ khôi của đất Bắc như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Nhược Pháp, và Huy Thông.

Trước khi tờ Tân Thiếu Niên ra mắt, giới phụ nữ ở Bắc cũng đã từng có một tờ báo riêng cho phái mình vào năm 1930. Đó là tờ Phụ Nữ Thời Đàm do một hoa khôi Hà Nội đứng chủ trương là cô Nguyễn Thị Xuyên tự Xuyên Đắc Mặc. Dù hướng vào phụ nữ, Phụ Nữ Thời Đàm không đạt được tầm ảnh hưởng quan trọng như tờ Phụ Nữ Tân Văn ở trong Nam, và dù được sự tiếp tay đặc lực của nhà văn lớn Phan Khôi. Sau Phụ Nữ Thời Đàm, nữ giới miền Bắc lại tìm cách lập một cơ quan ngôn luận khác để truyền bá tư tưởng và nếp sống nữ giới. Bà Thụy An cùng chồng là nhà văn Băng Dương lập ra tuần báo Đàn Bà Mới vào năm 1934 ở trong Nam, rồi lại ra Bắc lập một tờ khác lấy tên là Đàn Bà, số đầu tiên ra mắt vào năm 1939. Cả hai tờ tuần báo này chẳng gặt hái được bao nhiêu thành công dù có sự góp mặt của hầu hết các nhà nữ sĩ danh tiếng như Ngân Giang, Vân Đài. Trong khi đó, tại Miền Trung, vì muốn đuổi theo nữ giới hai miền chị em Nam, Bắc, cũng lập được tờ tuần báo Phụ Nữ Tân Tiến vào năm 1932, duy trì được một thời gian mấy số rồi cũng đình bản.

Có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam, năm 1932 có xuất hiện một tờ báo dạy tiếng Anh cho độc giả, mang tên tờ Văn Học Tạp Chí do hai nhà cựu học Dương Tự Quán và Dương Bá Trạc chủ trương. Ngoài tiếng Anh, tờ báo này còn dạy cả tiếng Quảng Đông nữa.

Và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử báo chí, độc giả khắp nước được thưởng thức một tờ báo chuyên về tiểu thuyết. Đó là tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy, ra mắt năm 1934, đăng toàn truyện ngắn, truyện dài, và phát đi cả Nam, Trung, Bắc. Nhóm chủ trương tờ báo này là Thanh Châu, Ngọc Giao, Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Lan Khai, Vũ Bằng, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, toàn những cây viết tiểu thuyết cự phách hoạt động chung thành ê kíp yểm trợ cho người sáng lập là Vũ Đình Long. Nhóm này đều có quan niệm rằng tiểu thuyết không phải chỉ có công dụng giải trí mà còn có công dụng giáo dục, có thể sử dụng tiểu thuyết làm môi trường thuận lợi cho việc giáo dục quần chúng. Mà thật vậy, Tiểu Thuyết Thứ Bảy đạt được thành tích sáng chói. Ở khắp nơi, độc giả đón đọc một cách say mê những tiểu thuyết do nhóm này viết. Chẳng những vậy, độc giả còn gửi về những truyện ngắn, truyện dài để đóng góp vào kho tàng tiểu thuyết của tờ báo.

Khi nhận ra rằng « thị trường » tiểu thuyết có cơ ăn khách, một nhóm khác bèn lật đật cho ra đời một tờ báo khác, mang tên Phổ Thông Bán Nguyệt San, mỗi kỳ đăng trọn một tiểu thuyết, hoặc một truyện ngắn của nhà văn nổi tiếng lúc đó là Nguyễn Công Hoan. Sự xuất hiện của tờ Phổ Thông Bán Nguyệt San gây ảnh hưởng lớn tại miền Nam, khi các đoàn ca kịch cải lương đều dựa theo truyện của Nguyễn Công Hoan đăng trên tờ báo này để diễn lại.

Cuối cùng trong lãnh vực này, tờ Tao Đàn xuất hiện, đóng vai trò của một tạp chí văn học, số đầu ra ngày 1-3-1939 với sự cộng tác của nhiều nhà văn nổi tiếng như Nguyễn Triệu Luật, Nguyễn Trọng Thuật, Phan Khôi, Hoài Thanh, Trương Tửu, Lan Khai, Nguyễn Tuân và nhà thơ Lưu Trọng Lư. Đặt nặng vấn đề văn học, tờ Tao Đàn đã chú trọng đặc biệt vào cuộc đời sự nghiệp của các nhà văn, nhà thơ lớn đã khuất. Nhân cái chết của nhà văn

V.T. Phụng và nhà thơ Tản Đà, tờ Tao Đàn đã xuất bản hai số đặc biệt để tưởng nhớ hai nhân vật này, mở đầu cho thông lệ mỗi khi một khuôn mặt lớn trong văn học mất đi, các báo đều ra số kỷ niệm.

Tờ Hà Nội Báo, xuất hiện vào năm 1936, do Lê Cường chủ trương và Lê Tràng Kiều trông nom, cũng là một biến cố lớn đối với lịch sử báo chí. Biến cố này thực ra không phải là thành tích của tờ báo mà là do một tiểu thuyết đăng trên đó, tựa đề « Thị Mịch » của nhà văn tả chân Vũ Trọng Phụng. Về sau, « Thị Mịch » đổi tựa đề là « Giông Tố », kể từ khi tờ Hà Nội Báo giảm bớt phần văn học để thiên hẳn về chính trị. Cũng vì lý do này mà tờ báo bị nhà cầm quyền đình bản. Liên sau đó, tờ Tinh Hoa ra mắt do Đoàn Phú Tứ và Vũ Đình Liên điều khiển. Nặng về văn chương mỹ thuật, tờ Tinh Hoa chỉ sống được 13 số. Rồi tới 1940 tờ Hà Nội Tân Văn của Vũ Đình Di và Vũ Ngọc Phan chào đời, tiếp nối con đường của tờ Tinh Hoa nhưng quá nặng nề và gò bó nên không sống được lâu.

Phải chờ cho mãi tới năm 1940 thì độc giả cả ba miền mới lại tìm được một tờ báo có uy tín không kém tờ Ngày Nay và tờ Phong Hóa. Trung Bắc Chủ Nhật, tên tờ báo mới xuất hiện, hội đủ các điều kiện làm cho tờ báo thành công là có nhiều tin tức, tranh ảnh thời sự, những bài nghiên cứu công phu, và những bài viết liên quan đến một chủ đề do tờ báo chọn lựa. Điểm đặc biệt nữa là tờ báo này biết dung hòa nền văn hóa Đông và Tây bằng cách giới thiệu các tư tưởng mới của Tây Phương song song với các bài giới thiệu những nét đặc điểm của nền văn minh Trung quốc. Tờ Trung Bắc Chủ Nhật được Nguyễn Doãn Vượng chủ trương, với sự cộng tác của Vũ Bằng và Đào Trinh Nhất.

Riêng về kỹ thuật ấn loát thì phải kể đến tờ báo hàng ngày Tin Mới của Bác Sĩ Nguyễn Văn Luyện là tờ báo đầu tiên sử dụng hệ thống in rotative Buplex mỗi giờ chạy được 50.000 số báo.

Tại miền Trung, Kim Lai Tạp Chí do Viễn Độ làm Giám đốc ra mắt vào 1931, và tờ Sông Hương ra mắt vào 1936 do nhà báo lão thành Phan Khôi chủ trương. Phan Khôi, một khuôn mặt lớn trong làng báo Việt Nam, lần đầu tiên đứng làm chủ báo. Tờ Sông Hương, nhờ tên tuổi của Phan Khôi cùng

với truyện của Vũ Trọng Phụng, đã thu hút được một số độc giả đáng kể tại địa phương nhưng không lan tràn được sang hai miền Nam và Bắc, cho đến khi Vũ Trọng Phụng tung ra một « đòn » quyết liệt là tiểu thuyết « Làm Đĩ » gây xôn xao dư luận.

Cũng tại miền Trung, lần đầu tiên một tờ báo trào phúng ra mắt độc giả. Tờ báo này lấy tên là Cười, nhưng có lẽ dân miền Trung ít chịu cười nên tờ báo Cười chỉ ra được mấy số thì chết không gây được tiếng cười nào cả.

Tại miền Nam, tờ Đồng Nai xuất hiện năm 1932, do Đoàn Quan Tấn làm giám đốc, chủ trương tách rời khỏi các vấn đề chính trị và chỉ chú trọng vào việc truyền bá các môn học. Lúc đầu, Đồng Nai xuất bản mỗi tháng 2 kỳ, sau đó trở thành tuần báo, nơi thiên về các đề tài xã hội. Tuần báo này thường xuyên mở các cuộc thi văn chương cho độc giả khắp nơi tham dự, nhằm biểu lộ quan điểm của nhiều người khác nhau về một vấn đề xã hội nào đó.

Tới năm 1934, một nhóm nhà văn tại miền Nam mệnh danh Trí Đức Học Xá do Đông Hồ Lâm Tấn Phác đứng đầu lập ra tờ báo Sống và nhà xuất bản Sống. Nhóm này, có cả Trúc Hà, Trúc Phong, Mộng Tuyết, Băng Hải, Trùng Ngâm cộng tác, chủ trương tiến lên địa vị của Tự Lực Văn Đoàn bằng cách đăng tải những tài liệu biên khảo công phu, sâu rộng, và đặc biệt chú trọng vào hình thức của tờ báo làm sao cho sáng sủa và hấp dẫn độc giả. Nhưng Sống chỉ kéo dài được tới năm sau thì chết.

Tới năm 1939, tờ Văn Lang được một nhóm thanh niên cấp tiến chủ trương cho ra mắt chuyên về phổ biến các phát minh khoa học, kỹ thuật. Người đứng điều khiển tờ này là Nguyễn Ngọc Bích, một kỹ sư trẻ cùng với sự hợp tác của một số y sĩ, chuyên viên. Năm 1940, tờ này nổi bật trong giới trí thức, khi có đăng những bài viết giá trị của các nhà chí sĩ cách mạng. Cũng vì lẽ đó tờ báo bị đình bản. Kế tiếp nó là tờ Mai của Đào Trinh Nhất và Vân Trinh, cũng được nhiều giới ham chuộng, nhất là giới tiểu tư sản. Tờ Mai chứa đựng nhiều tiết mục hay, vừa hấp dẫn vừa bổ ích cho người đọc. Về hình thức, tờ Mai được trình bày khá đẹp, thu hút được sự chú ý của độc

giả bằng màu sắc và tranh hí họa ngoài bì. Về nội dung, Mai rất phong phú, và mới lạ như tờ Ngày Nay của Nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Đó là những tờ báo tiêu biểu và khá nổi bật trong giai đoạn tiền chiến. Hầu hết những tờ báo này đã cho ta thấy một biến chuyển rõ rệt trong chiều hướng của báo chí : hầu hết đều nhằm vào cuộc đấu tranh xây dựng xã hội, ít còn chú trọng tới việc hô hào đấu tranh dành độc lập như trong thời gian trước đây. Vào những năm của thập niên 20, báo chí đóng vai trò tiên phong trong công cuộc chiến đấu chống nhà cầm quyền, còn trong thập niên 30, đối tượng của báo chí là mọi giai cấp quần chúng và xã hội Việt Nam trên đà lột xác.

Ngoài những tờ kể trên cũng còn một số báo khác đóng góp vào sinh hoạt làng báo trong thời kỳ này¹. Nhưng hầu hết đều có chung một mục tiêu là nhằm vào xã hội hơn là chính trị. Tuy vậy, không phải là không có những tờ báo tách rời khỏi mục tiêu này và thiên hẳn về mục đích đấu tranh hoặc theo dõi, thông tin thời sự mà thôi. Ngoài ra, cũng có những tờ báo đi vào khuynh hướng riêng rẽ như tờ Thể Thao Đông Dương, ra mắt năm 1941 chỉ chuyên vào việc phụng sự phong trào khỏe.

Tới năm 1940, tình hình chính trị quốc tế sôi nổi với việc Pháp đầu hàng Đức lại có ảnh hưởng tới báo chí Việt Nam. Quốc Gia Pháp chọn Thống Chế Pétain làm Quốc Trưởng. Nhật lúc bấy giờ đã tràn lên Đông Dương và sự kiện này cũng có liên hệ tới làng báo xứ ta. Bán nguyện san Tân Á ra đời, đề cao mọi nỗ lực nhằm đạt tới sự thịnh vượng của toàn vùng Đông Nam Á. Trong khi đó, chính phủ Pháp cũng tỏ ra dễ dãi đôi chút, bớt xiết chặt báo chí hơn trước, và riêng đối với Nam Kỳ, nhà cầm quyền còn bảo trợ cho nhiều nhân vật tên tuổi đứng ra xuất bản báo.

Nhờ không khí thuận lợi đó, nhiều tờ báo mới đã ra mắt phụng sự độc giả, một số đi theo chiều hướng văn học, còn một số vẫn duy trì chủ trương xã hội ban đầu. Trong những năm cuối cùng trước chiến tranh, có một số tờ báo đáng gọi là tiêu biểu cho khuynh hướng chung của những người cầm bút :

- Thứ nhất là tờ Tri Tân, xuất bản năm 1941, của Nguyễn Tường Phượng, đặc biệt chủ trương phát triển văn hóa mà thôi.
- Thứ hai là tờ Khoa Học chuyên về mặt kỹ thuật và các phát minh mới.
- Sau đó là tờ Thanh Nghị chủ trương truyền bá kiến thức tổng quát
- và cuối cùng là tờ Thanh Niên chủ trương dẫn đường tuổi trẻ hướng về tương lai và lập sự nghiệp.

Một khía cạnh đặc biệt khác của báo chí trong thời kỳ này là một số báo đã tự ý đồng hóa « xã hội » với « lao động ». Trong khi khuynh hướng chung của báo chí là đóng góp vào công cuộc xây dựng xã hội và xóa bỏ những thành kiến xã hội cũ thì một số báo khác chủ trương đi vào một đường hướng riêng là phục vụ giai cấp lao động. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là tờ La Lutte xuất hiện năm 1933, tạm đình bản rồi hồi sinh vào năm 1934 để mở đường cho cuộc tranh đấu chống thực dân và trở thành cơ quan ngôn luận của giới lao động. Tờ Lao Động, tuy mang danh nghĩa là tờ báo của thợ thuyền, nhưng cũng phong phú về văn chương. Độc giả theo dõi La Lutte có thể thưởng thức văn, thơ, truyện ngắn, truyện dài, các mục trào phúng, hí họa khá đặc sắc.

Theo gót La Lutte, tờ Le Travail ra đời vào năm 1936, cũng nhằm phục vụ giai cấp lao động. Nó sống mạnh cho tới 1938 thì bỏ tên Le Travail để đổi thành tờ Tranh Đấu viết hoàn toàn bằng tiếng Việt. Ngoài hai tờ này, còn nhiều báo khác hướng vào giai cấp lao động, như tờ Tháng Mười, và tờ Tia Sáng (1939) ra đời đúng lúc nhà cầm quyền bãi bỏ chế độ kiểm duyệt và tạo một bầu không khí thoải mái cho báo chí phát triển. Đây là thời vàng son của những tờ báo tự mệnh danh là cơ quan ngôn luận của những người nghèo, những người vô sản, giai cấp đem cần lao đi xây dựng xã hội. Hàng loạt báo mới xuất hiện, nhưng đáng tiếc rằng hầu hết những tờ báo này, trong khi hăng say đi xây dựng xã hội lao động, đã bị lợi dụng một cách rất khôn khéo. Những tờ Nhành Lúa năm 1937, tờ Hồn Trẻ năm 1935, tờ Tiến Bộ năm 1936 và tờ Cấp Tiến năm 1938 đều làm công cụ tuyên truyền cho chủ nghĩa Mác-xít.

Suốt trong thời gian này, về phương diện văn hóa và giáo dục quần chúng, có lẽ công lao của tờ Khoa Học là lớn hơn cả. Tách rời khỏi sự ràng buộc của dư luận, đứng cách xa khung cảnh chính trị, tờ báo này chuyên về công cuộc khảo cứu, truyền bá những sáng kiến mới, và đưa những phát minh mới về nền khoa học tiến bộ của Âu Châu đến gần với cuộc sống thường ngày của người Việt. Không viễn vọng, không nặng nề, cũng không cần hình thức, tờ Khoa Học trình bày rất giản dị, thô sơ ; nhưng nhờ khuynh hướng giáo dục của nó mà được độc giả bốn phương theo dõi và ca ngợi. Chủ trương của tờ Khoa Học được biểu lộ trong lời giới thiệu dưới đây : « *Chúng tôi nghĩ rằng một dân tộc mà chưa có một phần lớn người chuyên môn khoa học thì dân tộc ấy hèn về phương diện vật chất. Nếu chưa có một phần lớn người hiểu chữ khoa học một cách thâm thúy thì dân tộc ấy còn non về phương diện tinh thần. Hèn vật chất, non tinh thần, dân tộc ắt bị diệt vong. Dân tộc ta dễ che mắt đi đến bờ vực thẳm ấy. Ước mong rằng báo Khoa học là một đơn thuốc « giải mê ».*

Có nhiều người cho rằng quan điểm của người viết lời giới thiệu trên đây, ông Hoàng Xuân Hãn, người chủ trương nhóm Khoa Học, nhưng ai cũng phải nhận rằng công lao mà nhóm này đóng góp cho việc mở mang trí tuệ dân Việt ta không phải là nhỏ. Tờ Khoa Học, trong suốt thời gian nó xuất hiện, đã được nhiều người coi như một ngôi trường mở cửa giúp cho mọi tầng lớp mở mang trí tuệ và có một khái niệm rõ rệt về đà tiến bộ mà những quốc gia tân tiến đã đạt được trong khi nước ta vẫn khư khư sống trong nếp sống lạc hậu triền miên.

Cũng trong chiều hướng làm báo để mở mang trí tuệ dân tộc, chúng ta phải kể đến tờ Thanh Nghị do một nhóm thanh niên xuất thân từ trường Luật chủ trương. Nổi nhất trong nhóm này là Đặng Thái Mai và Nguyễn Thiệu Lâu, một người viết về văn học và một người viết về Sử địa trên tờ này.

Khi bước chân quân đội Nhật đặt lên giải đất Đông Dương, không khí báo chí đã thay đổi nhiều so với thời gian trước, vì những biến chuyển và nhu cầu chính trị trong thời gian này. Có thể nói rằng thái độ chung của làng báo lúc này là dè dặt, chờ đợi trong khắc khoải xem những dấu hiệu trong

hiện tại có ý nghĩa thế nào trong tương lai, dễ dàng hơn hay khó khăn hơn đối với báo chí, và đối với đất nước.

Đến khi quân đội Nhật lật Pháp tại Đông Dương thì báo chí đã thực sự giảm hoạt động để chờ đợi thời cơ mới. Tại miền Bắc lúc này chỉ còn hai tờ nhật báo là tờ Đông Pháp và tờ Tin Mới, trong khi ở trong Nam cũng vẫn còn có 3 tờ : Tin Điện, Saigon và Dân Báo. Riêng tờ Đông Pháp ngoài Bắc, vì tình hình chính trị, đã tự đổi tên ra là tờ Đông Phát. Bầu không khí chính trị quanh năm ngột ngạt và khó tiên đoán. Báo chí thu mình vào cuộc sống èo uột, bấp bênh. Nói đúng ra không riêng gì báo chí giảm sút hoạt động mà hầu như mọi ngành đều bị tình hình chi phối chung. Những biến cố dồn dập xảy ra, với nhiều hậu quả, đã khiến cho mọi người lo âu và chỉ còn biết chờ đợi.

Mãi lâu lắm bầu không khí mới giảm bớt đôi chút ngột ngạt, và báo chí mới tạm hồi phục. Những tờ báo cũ thì tăng cường hoạt động, trong khi một số báo mới ra đời, khi người Nhật đã chính thức cầm quyền và tạm ổn định chính trị. Tờ báo ra đời đầu tiên trong thời gian Nhật thuộc là tờ Ngày Nay, rồi tới tờ Kỷ Nguyên Mới do Nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương, rồi đến tờ Tiến xuất hiện vào tháng 8-1945 tại Saigon, được dùng làm cơ quan ngôn luận cho lực lượng thanh niên tiên phong nhưng chỉ ra được mấy số thì chết.

Báo chí chưa kịp hồi sinh trọn vẹn thì biến cố 19-8-1945 diễn ra. Việt Minh lên cướp chính quyền, và tình hình lại đầy bất trắc. Báo chí lúc này gần như ngưng hoạt động hoàn toàn chờ xem động tĩnh. Riêng có một số báo bí mật do các lực lượng Việt Minh trước đây từng phát hành lén trong dân chúng thì bây giờ in công khai bán đầy đường. Tờ đầu tiên xuất hiện là tờ Cứu Quốc, tiếp theo nó là một lô những báo khác hoặc là cơ quan ngôn luận chính thức, hoặc do các tổ chức Mác Xít chủ trương. Báo loại này tung hoành khắp mọi nơi, còn những tờ báo thời trước thì im hơi lặng tiếng. Nhưng không phải báo chí Mác Xít không có đối thủ. Việt Nam Quốc Dân Đảng lúc đó nhanh tay cho ra hai tờ báo đối lập với Việt Minh, đó là tờ Chính Nghĩa xuất bản hàng ngày, và tờ Việt Nam xuất bản hàng tuần.

Tại miền Nam, báo chí cũng nhất loạt bị ngưng hoạt động. Lệnh cấm này là do Tướng Anh Gracey ban ra, người được giao phó nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật. Ngày 20-9-1945, ngay khi nhậm chức đại diện quân đội Đồng Minh tại Việt Nam, Tướng Gracey cho ngưng mọi hình thức thông tin tại Saigon. Thế là mọi người làm báo phải tạm giải nghệ cho đến ngày cuối tháng 11 năm 1945, báo chí mới được phép hoạt động trở lại và chuyển ngay sang một giai đoạn mới với những khuynh hướng mới vì cuộc chiến đã mở màn.

4. BÁO CHÍ KHÁNG CHIẾN (1945-1954) VÀ THỜI KỲ THƯƠNG MẠI HÓA CỦA BÁO CHÍ (1945-1965)

Ngay trong thời gian đầu của cuộc chiến, báo chí đã mạnh dạn nêu gương trong việc đóng góp vào nỗ lực chung yểm trợ kháng chiến và chống thực dân. Mặc dầu gặp nhiều thử thách và đe dọa, báo chí vẫn hiên ngang làm tròn thiên chức của mình mà dân giao phó. Bất cứ điều gì dân chúng trông chờ, báo chí sẵn sàng nói lên một cách thật vô tư. Chính thái độ tích cực này làm cho nhà cầm quyền nổi giận và tìm cách khóa miệng báo chí.

Khi nhà cầm quyền bắt đầu gây áp lực với báo chí, sự đoàn kết trong làng báo lại bền chặt hơn bao giờ hết. Để chống lại sự đe dọa của nhà cầm quyền, báo chí cũng áp dụng một thái độ quyết liệt « ăn thua đủ ». Có lẽ một phần nhờ tinh thần ái quốc có sẵn trong người, một phần nhờ hậu thuẫn sốt sắng của dân chúng, báo chí Việt Nam sẵn sàng gánh vác mọi nhiệm vụ mặc dù nguy hiểm đang chờ. Chưa có thời gian nào trong quá khứ mà báo chí đạt được một thái độ đồng đều và cứng rắn như vậy.

Tới năm 1947 thì nhà cầm quyền buộc lòng phải áp dụng biện pháp mạnh đối với báo chí. Biện pháp mạnh đó là việc bắt buộc mọi tờ báo Tết phải có sự kiểm nhận của Bộ Thông Tin mới được phát hành. Làng báo lúc đó bắt đầu chấp nhận thái độ dè dặt để tránh né chứ không còn buông thả như trước đồng thời cùng hợp nhau lại mong tìm một đường lối dung hòa để thích ứng với tình thế nhưng cuối cùng vẫn không đạt được kết quả nào. Trong khi đó nhà cầm quyền vẫn không thay đổi quyết định cũ là bắt buộc

mọi tờ báo phải tự ghép mình vào một định chế do nhà cầm quyền đặt ra để tránh những trường hợp tự do ngôn luận bị lợi dụng gây xáo trộn xã hội.

Làng báo không còn cách phản ứng nào khác hơn là công khai lên tiếng. Báo chí lúc đó có tất cả 17 tờ, đều hợp nhau thành một « mặt trận báo chí » để yểm trợ lẫn nhau và chịu áp lực chung của chính quyền. Trong khi nhà cầm quyền cứ đe dọa áp dụng biện pháp mạnh hơn, báo chí cứ đoàn kết, lợi dụng thời cơ để tranh đấu dành độc lập tự do, chống cường quyền, và bảo vệ đất nước. Với những mục tiêu đó, báo chí đã trở thành một khối mang tên là Lực lượng Báo chí Thống Nhất Nam Bộ, và tạo được một sức mạnh vô song, đủ sức đối chọi với những miếng đòn mà nhà cầm quyền sắp sửa tung ra để dành quyền ưu thế.

Chịu không nổi sự khiêu khích của báo chí, Thủ Tướng Nam Bộ Lê văn Hoạch tung miếng đòn mạnh nhất mong quật ngã địch thủ : Ông ra lệnh đàn áp báo chí thẳng tay bằng cách đóng cửa tất cả các báo, niêm phong tất cả các nhà in, và bắt nhốt hàng loạt ký giả truy lùng được. Chẳng những thế, ông tung lính đi ruồng xét khắp mọi nơi, bắt được nhà in nào in báo lậu thì cho phá luôn máy in, xé giấy báo, đồng thời đưa mọi người liên hệ đem giam giữ hết.

Miếng đòn quá mạnh làm báo chí ngất ngư, sừng sốt. Nhưng cũng chỉ một thời gian ngắn, giới cầm bút đã hoàn hồn và tiếp tục cuộc tranh đấu. Những báo chết có báo khác ra thay thế ngay, rồi lại tiếp tục chỉ trích khiêu khích nhà cầm quyền. Tình trạng giằng co giữa nhà cầm quyền và báo chí kéo dài bất phân thắng bại.

Tới 1949, Ông Bảo Đại từ Pháp trở về VN nhậm chức Quốc Trưởng. Không biết ông có nhìn thấy rõ tình hình báo chí lúc đó hay không, nhưng vừa lập xong chính phủ thì ông ban hành chế độ kiểm duyệt báo chí, cho áp dụng thật gắt gao khiến báo chí tạm thời phải khẹp mình vào luật pháp.

Trên khắp lãnh thổ Nam Bộ trong thời gian này, cuộc kháng chiến diễn ra thật ác liệt. Tại các vùng quê, khẩu hiệu toàn dân kháng chiến được áp dụng triệt để trong khi tại thành thị, báo chí tự nguyện làm hậu thuẫn cho

cuộc đấu tranh chung. Khẩu hiệu của báo chí lúc đó là chống thực dân xâm lược, và mọi người cầm bút đều tỏ ra tích cực trong sứ mạng sát cánh cùng những người kháng chiến để đánh đuổi quân thù. Trong giai đoạn này, báo chí cũng ở trong thế đoàn kết với nhau để tồn tại. Trong số những tờ báo nổi bật, chúng ta phải kể đến tờ tuần báo Việt Tiến của Lê Thọ Xuân, tờ Thế Giới của Dương Tử Giang, cũng là một tuần báo nặng về văn chương và văn hóa mới, có sự góp mặt của những cây viết nhà nghề như Bình Nguyên Lộc và Hồ Hữu Tường.

Tới khoảng 1959, mặc dù cuộc chiến vẫn kéo dài, và tinh thần kháng chiến vẫn còn trong đầu óc người cầm bút, báo chí lúc đó lại rẽ qua một chiều hướng khác vì nhiều lý do :

- Thứ Nhất, vì thiếu tự do ngôn luận, người cầm bút không viết được hết những gì mình muốn viết.

- Thứ hai, cuộc kháng chiến kéo dài đã mấy năm, tính chất thiêng liêng của nó đã giảm sút và những huyền thoại về nó đã phai mờ dần.

- Cuối cùng, lý do làm cho báo chí đổi hướng là trình độ kỹ thuật tân tiến giúp cho báo chí đi vào kỷ nguyên « tự động hóa » để thỏa mãn nhu cầu mỗi ngày một gia tăng mạnh.

Tất cả những lý do trên đưa báo chí vào giai đoạn thương mại hóa, phục vụ nhu cầu của độc giả. Ngoài ra, lý do chính trị cũng góp phần cho sự chuyển hướng này. Tại miền Bắc, Việt Minh sau mấy năm giành chính quyền, báo chí đã nhanh lẹ tách rời ngay và hướng về chủ nghĩa quốc gia. Những tờ báo nào không đi theo đường lối đó thì chỉ còn cách tự coi mình như một cơ sở kinh doanh sản xuất món hàng nào mà độc giả ưa thích. Chính khía cạnh này đã khiến cho báo chí đạt được nhiều điều hay, mà cũng mắc phải nhiều điều dở, vì lẽ nhu cầu của độc giả không phải cái nào cũng hoàn toàn tốt đẹp.

Tiêu biểu cho báo chí trong thời gian này tại miền Bắc là tờ Thời Sự của Nghiêm Xuân Thiện, xuất hiện vào năm 1947. Còn ở miền Nam, tờ Thần Chung của Nam Đình là một trường hợp đáng chú ý. Tờ này mở

đường cho khuynh hướng thương mại hóa của báo chí, dành mọi phương tiện để phục vụ độc giả. Để thành công, Thần Chung áp dụng một kỹ thuật báo chí mới, đó là cung cấp tin tức thật nhanh, thật nhiều và thật đầy đủ. Về kỹ thuật ấn loát, tờ Thần Chung dẫn đầu bằng loại máy rotative in nhanh và đẹp. Ngoài ra, phải kể đến tờ Thế Kỷ xuất hiện tại Hà Nội vào 1950, tờ Đời Mới xuất hiện năm 1952, và tờ Mới cũng ra đời cùng một năm với Đời Mới.

Nhận xét chung về sinh hoạt báo chí trong giai đoạn thương mại hóa, đặc điểm nổi bật là sự vắng bóng của ý thức quốc gia, cũng như sự xao lãng của người cầm bút xứ này đối với công cuộc cải tiến xã hội. Trong thời gian trước, báo chí là công cụ chính của cuộc đấu tranh chống thực dân và làm phương tiện thiết yếu cho việc xây dựng xã hội mới. Bây giờ những tính chất đó đã lùi vào dĩ vãng để báo chí chỉ còn là một món hàng cung cấp cho thị trường như mọi món hàng khác. Vì lý do này, người sản xuất hàng đã phải tự nguyện chiều theo ý muốn của khách hàng để món hàng mình bán được chạy.

Định luật cung cầu của ngành thương mại đã đòi hỏi như vậy, làng báo bắt buộc phải noi theo nếu không muốn bị đào thải. Hầu hết mọi tờ báo, dù là theo khuynh hướng nào, dù là mệnh danh bằng chiêu bài tốt đẹp, hoa mỹ nào đi nữa cũng đã bắt đầu nhập cuộc chạy đua tìm kiếm, thuyết phục và chiều lòng độc giả. Và để thắng trong cuộc chạy đua đó, mỗi báo tung ra những đòn độc đáo nhất của mình hòng dành ưu thế.

Về hình thức, các báo cố cải tiến sự trình bày cho hấp dẫn hơn. Đây chính là lúc mà các báo áp dụng các kỹ thuật tân tiến để lối ấn loát làm cho tờ báo sáng sủa, dùng màu sắc để thu hút sự chú ý, trưng các tranh hí họa ra bìa hoặc trang ngoài, đúng vào phần báo nằm phơi trên xấp báo để người qua đường dễ nhìn thấy, và hơn tất cả, dùng một « manchette » chạy màu sặc sỡ để đánh át những báo đồng nghiệp. Những người làm báo trong thời kỳ này cũng chịu khó nghiên cứu mọi lối trình bày mới lạ, độc đáo, nhưng bớt phần cầu kỳ, để mặt mũi tờ báo vừa gọn gàng, bóng bẩy, vừa duyên dáng mà không có vẻ nặng nề cục mịch. Tất cả những cố gắng đó đưa tới

tình trạng báo chí thay hình đổi dạng, gần như biến thể hoàn toàn để nhằm mục đích duy nhất là làm vừa lòng người đọc.

Nếu tờ báo chỉ đẹp về hình thức không hẳn chưa phải là món hàng mà độc giả trông chờ. Phong trào thương mại hóa báo chí không những « sửa sang sắc đẹp » của tờ báo mà còn gắng làm sao cho tờ báo có nội dung phong phú, xúc tích, hấp dẫn hơn, và nói một cách thực tế, nội dung đó chiều đúng ý độc giả. Tất cả những món ăn ngon, thơm, mát, trong lành được những người cầm bút khéo nhọc dọn lên để khách hàng là độc giả thưởng thức. Thôi thì đủ mọi thứ, tin tức thời sự, nghị luận chính trị, chuyện phiếm hàng ngày, chuyện vui đô thị, chuyện lạ đồng quê, tin tức kịch trường, màn ảnh, giải đáp y học, giải đáp thắc mắc luật pháp, gỡ rối tơ lòng, văn nghệ giáo dục, các kiểu thời trang v.v... Tất cả những gì mà người làm báo tưởng rằng độc giả ưa thích đều được xếp lên trang báo, mục thì trang ngoài, mục thì trang trong, cố định một chỗ và xuất hiện thường xuyên vào một số ngày trong tuần để độc giả khỏi mất công tìm kiếm. Chiều ý độc giả đến như thế, báo chí vẫn cảm thấy chưa ổn, nhiều tờ bèn rao trên mặt báo rằng cần độc giả góp ý để cải tiến tờ báo. Thế là thư tờ tới tấp gửi về, người xin thêm mục này, kẻ xin lập thêm mục khác. Cứ như thế, trong tiến trình thương mại hóa, người làm báo nai lưng ra chiều ý khách hàng, và theo đà này, các báo mỗi ngày một thêm nhiều mục, với dụng ý thỏa mãn càng nhiều độc giả càng tốt.

Những người khảo sát báo chí trong giai đoạn này cũng nên ghi nhận một điểm : đây là lần đầu tiên các báo Việt Nam sáng chế ra một câu khách mới. Tại Saigon, tờ Thần Chung đã vượt lên trên các báo đồng nghiệp bằng cách tung ra kiểu phụ trang đầy màu sắc sặc sỡ rồi quảng cáo trên trang nhất về những gì chứa trong phụ trang đó. Các độc giả thấy lạ bèn tìm mua, số bán nhờ đó tăng vọt. Nhưng rồi phụ trang không còn là độc quyền của tờ Thần Chung, các báo khác thấy kiểu bán báo này ăn khách cũng đồng loạt cho ra phụ trang, dần dần trở thành nhàm chán không còn lôi kéo được độc giả nữa.

Ngoài những cải tiến vượt bậc về hình thức và nội dung, làng báo Việt Nam trong giai đoạn thương mại hóa còn cải tiến cả hệ thống phát hành, làm cho tờ báo tới tay nhiều độc giả hơn và tới mau hơn. Khẩu hiệu bây giờ là « tất cả cho độc giả, vì độc giả và hướng về độc giả ». Với khẩu hiệu đó, làng báo đã phải huy động đủ mọi phương tiện để phân phối báo. Đầu tiên là hệ thống cổ động nội ô thành phố được tăng cường nhân số nhờ mức hoa hồng gia tăng. Làng báo chiêu mộ cả học sinh đi bán báo kiếm tiền theo học hoặc những người muốn kiếm sống thêm trong giờ báo phát hành. Trước đây, vì tình hình làng báo bấp bênh, mức độc giả thấp nên mức hoa hồng cũng không lấy gì làm hấp dẫn. Bây giờ, vốn đã thương mại hóa, mức lời cao hơn đã gây được sự tham gia đáng kể. Cùng với hệ thống cổ động gia tăng, các phương tiện phân phối và chuyên chở cũng được tăng cường đúng mức. Hệ thống xe đò các tỉnh xa đã được sử dụng để giao báo, trong khi các đường hàng không quốc nội cũng nhận việc chuyên chở báo đi đủ các miền. Tất cả mọi phương tiện được phối hợp một cách qui mô để tờ báo mau tới tay độc giả.

Làng báo Việt Nam chưa bao giờ lại được kỹ nghệ hóa một cách cao độ như vậy. Công cuộc thương mại hóa tiến nhanh bao nhiêu thì cuộc kỹ nghệ hóa đuổi nhanh bấy nhiêu. Hướng về độc giả, báo chí chỉ muốn sản xuất cho mau, cho đẹp, cho hay để độc giả hài lòng. Tại các tòa báo, sự làm việc không còn lẻ tẻ mang tính chất thủ công nữa mà đã được tổ chức theo đường lối mới vừa hữu hiệu hơn, vừa giảm bớt chi phí. Với những máy móc mới, làng báo đi dần vào kỷ nguyên tự động nhờ kỹ thuật tinh vi để giảm bớt sức người. Phạm vi tin tức cũng nhờ kỹ thuật mà mở rộng, vượt qua làn mức địa phương để bao gồm một phạm vi rộng lớn hơn trước. Tất cả đều phát triển, về hình thức, về nội dung và về kết quả. Con đường thương mại hóa vào những năm 1952, 1953 cho thấy báo chí đã lột xác thoát ly được tình trạng chậm tiến lúc đầu.

Giữa lúc cuộc thương mại hóa báo chí diễn ra tốt đẹp thì tình hình chính trị đột biến, tiếp theo những ngày giao động bất ngờ vì tình hình quân sự khắp mọi chiến trường. Vào đầu năm 1954, những trận đánh ác liệt tại

miền Bắc đã báo trước một màn đối mới nào đó. Mặt trận Na San bùng nổ dữ dội, mặt trận Ninh Bình cũng gia tăng cường độ, trong khi tại Điện Biên Phủ, vùng lòng chảo chứa đựng « những lực lượng thiện chiến nhất của quân đội viễn chinh Pháp » bị hàng loạt đại đơn vị Việt Minh bao vây. Báo chí trên toàn quốc đều đua nhau theo dõi tình hình chiến sự tại khắp các mặt trận để tiên đoán tình hình chính trị. Trên khắp các mặt báo, tin chiến sự chạy dài đủ cỡ, và số độc giả cũng tăng vượt bậc. Ai ai cũng nóng lòng muốn tìm biết xem cuộc chiến đã tới đâu và màn kết cục sẽ ra sao. Chính tình hình sôi động này đã tạo môi trường cho báo chí đi nốt thêm quãng đường thương mại hóa.

Rồi cái gì phải đến đã đến. Điện Biên Phủ thất thủ cùng với sự đầu hàng của những lực lượng viễn chinh Pháp dưới quyền điều khiển của Tướng De Castries. Tại Genève, cuộc chiến tranh nước bọt giữa Pháp và Việt Minh đã diễn ra và những cây bút sắp được hạ xuống để ký kết bản hiệp định chia đôi đất nước. Báo chí từ giả tin chiến sự để xoay qua tình hình chính trị. Cả làng báo xôn xao, tin 8 cột chạy khắp các báo. Ngày 20 tháng 7 năm 54, Hiệp Định Genève ra đời, đưa dân tộc ta vào một khúc quanh mới của lịch sử. Trên khúc quanh đó, có làng báo Việt Nam.

NHỮNG TỜ BÁO NỔI BẬT TRONG THỜI GIAN TIỀN VÀ HẬU GENÈVE :

- **Thời gian 1950-1954 :** Thần Chung, Dân Ta, Dân Đen.

- **Thời gian 1954-1963 :** Lẽ Sống, Tiếng Chuông, Tin Điện, Saigon Mới, Trời Nam, Dân Chúng, Tiếng Dội, Cách Mạng Quốc Gia, Thời Cuộc (Chuông Mai), Buổi Sáng, Thời Luận, Thời Đại.

5. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU GENÈVE (1954-1963)

Ngày 5-4-1954, nghĩa là ngay từ trước khi Hiệp Định Genève được ký kết, nhà cầm quyền Ngô Đình Diệm đã tiên liệu được những trường hợp báo chí bị lạm dụng để thực hiện các mưu đồ chính trị cũng như làm xáo trộn an ninh xã hội nên đã ban hành một nghị định ràng buộc các cơ quan ngôn luận

vào một định chế hợp lý đối với cả phía chính quyền lẫn báo chí. Đó là Nghị Định 275/PTT/TTK ngày 5-4-1954 ấn định một chế độ chi phối sự sử dụng các cơ quan ngôn luận trong việc thông tin và hướng dẫn dư luận.

Lý do mà Nghị Định 275 ra đời được giải thích bằng sự phát triển của chính làng báo vào những ngày mà tình hình chính trị giao động tột độ. Thời gian mấy tháng trước ngày Hiệp Định Genève, làng báo xứ ta ở cả mọi miền đều đi theo một chủ trương chung là gợi ý thức dân tộc chống lại sự chia cắt đất nước. Không một tờ báo nào mà không kêu gào đoàn kết và bảo toàn sự thống nhất quốc gia trước nguy cơ phân tán. Vốn thừa hưởng tinh thần đấu tranh từ cuộc chiến chống Pháp, báo chí cố đóng vai trò của mình là nuôi dưỡng cuộc đấu tranh, và dù cho tiếng súng có ngừng nổ thì cuộc đấu tranh đó vẫn phải tiếp tục để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ cũng như tình ruột thịt. Vào thời gian này, tính tổng cộng có tất cả 196 tờ báo đủ loại góp mặt trên đường ngôn luận.

Nghị định 275 thực ra là một định chế cần thiết đối với các nhu cầu của giai đoạn đương thời. Đến ngày 15-4-1954, nhà cầm quyền lại cho ra đời một nghị định khác, số 269/NĐ/BTT ấn định rằng những người đã được cấp giấy phép mà không xuất bản báo thì không được quyền cho người khác mượn « manchette » tờ báo đã được cấp. Mục đích của Nghị Định 269 là để chấn chỉnh tình trạng làng báo lúc đó, khi nạn cho mượn « manchette » đã thực sự diễn ra. Lý do là vì sau ngày Hiệp Định Genève được ký kết, báo chí tích cực đi vào chính trường, nấp sau những phe phái để gây xáo trộn. Nhà cầm quyền thấy rằng cần phải hạn chế sự tích cực đó nên từ chối không cấp thêm giấy phép ra báo. Lợi dụng một số báo đã đình bản, những nhân vật chính trị mới xuất hiện trên chính trường bèn thương lượng để sử dụng những giấy phép đã có sẵn để ra báo yểm trợ cho sự nghiệp chính trị của mình.

Báo chí trong thời gian này đã mang một màu sắc mới với tổng số 212 tờ. Màu sắc mới này, theo sự khảo sát của Linh Mục Thanh Lãng, là việc báo chí tích cực góp phần xây dựng chế độ Cộng Hòa Nhân Vị, theo đường lối mà nhà cầm quyền vạch ra. Trong một thời gian mấy năm liên tiếp, hầu

như ít có biến cố nào lớn ảnh hưởng tới các sinh hoạt bình thường của làng báo, vốn đã tự ghép mình vào kỷ luật chung của quốc gia.

Tới năm 1956, nhà cầm quyền ban hành sắc lệnh số 23/TTP đình chỉ việc kiểm duyệt báo chí. Không khí đổi mới hoàn toàn và trở thành thuận lợi cho sự phát triển của báo chí. Một số giấy phép được cấp phát thêm và báo ngày, báo tuần mới nối gót nhau xuất hiện giúp cho đường dư luận được phong phú thêm. Thời kỳ này được coi là thuở vàng son của báo chí dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa, trong đó, chủ nghĩa Cộng Hòa Nhân Vị vẫn được phát triển mạnh mẽ.

Một điểm đáng lưu ý trong gian đoạn này là báo chí đã phải cạnh tranh ráo riết để tồn tại. Sự cạnh tranh đó đã xảy ra theo hai chiều :

- Bên trong, báo chí cạnh tranh với nhau trong làng, tự cải tiến về nội dung cũng như hình thức để đạt được sự hữu hiệu hơn.

- Bên ngoài, báo chí phải cạnh tranh với hệ thống truyền thanh đang hồi tung ra những chương trình mới hấp dẫn hơn, và nếu báo chí không vươn lên thì số độc giả sẽ giảm dần để chỉ theo dõi thời sự bằng cách nghe chương trình phát thanh mà thôi.

Tình trạng tốt đẹp đó kéo dài cho tới năm 1959, khi nhiều biến cố chính trị xảy ra, và nhà cầm quyền nhận thấy rằng báo chí đã khai thác ý nghĩa của những biến cố này vào những mục đích phe phái. Để chặn đứng sự lạm dụng đó, dụ số 13 đã được khai sinh, ấn định hình phạt tù và tiền đối với những trường hợp báo chí dùng diễn đàn ngôn luận xúi giục các hành động xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tạo những dư luận hoang mang trong quần chúng. Mặc dầu vậy, nhiều vụ vi phạm luật lệ báo chí vẫn xảy ra và nhà cầm quyền đã phải ban hành thêm Nghị Định 151/BTT/NĐ ấn định trách nhiệm của người làm báo đối với an ninh chung của đất nước.

Sau đó chưa được bao lâu, chính quyền Ngô Đình Diệm bàng hoàng về cả hai vụ Dinh Độc Lập bị ném bom và cuộc đảo chánh của Tướng Nguyễn Chánh Thi lại buộc lòng phải xiết chặt báo chí thêm nữa. Trong khi tình hình chính trị sôi động trở lại, chiến tranh cũng tái phát ở nhiều nơi, và cả hai mặt

đều tăng cường độ một cách mau chóng. Báo chí lúc này phải đối phó với hai thử thách nặng nề : nạn độc tài trên bình diện chính trị, và chiến tranh. Tuy vậy, những người cầm bút vẫn ngang nhiên tiến tới để làm tròn sứ mệnh thông tin, với ý thức cách mạng đã mạnh mẽ và mỗi ngày một thêm rõ rệt.

Tình trạng này kéo dài cho tới khoảng 1962 thì thời cơ đã chín mùi. Chính quyền Ngô Đình Diệm, với đường lối độc tài sẵn có, đã thẳng tay đàn áp các cơ quan ngôn luận một cách tàn bạo y như đàn áp các nhà chính trị đối lập đang dương mũi dùi vào chế độ. Sang tới 1963 thì báo chí công khai tạo dựng môi trường cho cuộc cách mạng cuối năm.

Nhìn chung vào tình trạng báo chí thời kỳ từ Hiệp Định Genève 1954 tới cuộc cách mạng 1963, chúng ta thấy ngay địa bàn hoạt động của nó trải ra qua hai lãnh vực chính : chính trị và xã hội. Còn một lãnh vực nữa, lãnh vực văn hóa, báo chí có góp phần sinh hoạt nhưng không mấy nổi bật. Về phương diện chính trị, báo chí làm tròn sứ mạng tùy theo nhu cầu đòi hỏi. Người làm báo trong thời gian này cũng có thể là nhà chính trị, dùng báo chí làm phương tiện hoạt động song song với những hoạt động trên chính trường. Nhưng cũng có những lúc báo chí tự dẫn thân vào môi trường chính trị khi xét thấy cần thiết. Còn về phương diện xã hội, báo chí tiếp nối truyền thống cũ là góp phần nâng cao dân trí, đả phá những thành kiến sai lầm đồng thời giới thiệu những nếp sống mới lạ và tiến bộ để xã hội có thể tiến tới một khuôn mẫu tốt đẹp hơn. Hai vai trò chính trị và xã hội trên đây báo chí không đóng cùng một lúc mà thường xen kẽ nhau một cách linh động tùy theo nhu cầu giai đoạn của từng lãnh vực.

Nhưng trong khi thực hiện những nhiệm vụ mà thời cuộc giao phó, báo chí cũng đã không tránh được những lỗi lầm và sơ sót, chẳng hạn tình trạng lạm dụng quyền ngôn luận để mưu đồ những mục đích riêng tư, hay trường hợp báo chí đã từ bỏ sứ mạng hướng dẫn dư luận của mình để chạy theo những thị hiếu thấp kém của độc giả. Có lẽ vì lý do cạnh tranh mang tính thương mại quá ráo riết nên một số báo không còn xứng đáng là những cơ quan ngôn luận mà chỉ còn là phương tiện giải trí rẻ tiền.

Nói tóm lại, báo chí trong thời kỳ hậu Genève (và tiền Cách Mạng) được chia ra làm hai giai đoạn : giai đoạn đầu báo chí sống thư thái dễ dàng nhưng ít hiệu quả, còn giai đoạn sau, báo chí đã lập công lớn bên cuộc đấu tranh chung của dân tộc.

6. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU CÁCH MẠNG

Linh Mục Thanh Lãng, trong một bài viết trên tờ Văn Bút mang tựa đề « Báo Chí Việt Nam và 100 năm xây dựng văn hóa » đã gọi thời kỳ hậu cách mạng 1963 là « thể hệ thác loạn của báo chí ».

Thật vậy, năm 1964 mở đầu cho một giai đoạn mới đối với sinh hoạt báo chí. Ngày 19-2-1964, nhà cầm quyền ban hành Sắc luật số 2/64 công nhận quyền tự do ngôn luận và ấn định thể thức truy tố các tội trạng do báo chí gây ra. Sắc luật này được coi là một biện pháp biểu lộ thiện chí của chính quyền, muốn coi báo chí là một sinh hoạt cần thiết của xã hội, đồng thời để cho người làm báo nhận thức được vai trò cao quý của mình và đừng dùng vai trò đó vào mục đích tư lợi.

Hai tháng sau, cũng vẫn trong chiều hướng đầy thiện chí đó, chính quyền lại cho ra đời Sắc luật số 10/64 ấn định quy chế xuất bản báo chí và đồng thời tổ chức nền báo chí Việt Nam. Đây là một bước tiến mới đưa tới một không khí mới trong đó báo chí có một chỗ đứng để thở hơn mọi thời gian trước. Chưa hết, tới ngày 20-7-1964, chính quyền tăng cường thiện chí của mình bằng một sắc luật mới đình chỉ sự kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông Tin trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Bằng sắc luật này, sự cố gắng của chính quyền trong chiều hướng nâng đỡ báo chí và người cầm bút được coi là trọn vẹn. Cuối cùng, bằng Nghị Định số 908 ngày 19-12-1964, nhà cầm quyền dành mọi dễ dãi cho việc xuất bản báo của các đảng phái chính trị.

Tất cả những văn kiện pháp lý trên đây đều nhằm quy tụ vào một điều : Chế độ đệ nhị Cộng Hòa muốn xóa bỏ mấy đòn mà chế độ trước đã từng dang lên để đè nén báo chí. Trong một giai đoạn lịch sử nào đó, chế độ cũ đã

từng coi báo chí là kẻ thù nghịch với mình. Chế độ mới muốn phá tan sự ám ảnh đó và làm đủ mọi thứ có thể làm được để coi báo chí, hay tất cả những người cầm bút, là những người cùng đứng trên một chiến tuyến. Người biểu lộ quan điểm này một cách rõ rệt và thành thật nhất là ông Nguyễn Khánh, người một thời cầm đầu Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, khi ông tuyên bố rằng « sức mạnh của mỗi ngòi bút tương đương với một sư đoàn ». Tự do báo chí trong thời kỳ ông Nguyễn Khánh nắm quyền cũng được coi là gần hoàn hảo, ai muốn viết gì thì viết, kể cả viết những bài chống lại Ông Nguyễn Khánh.

Nhưng trong môi trường thuận lợi đó, báo chí đã phát triển như thế nào ? Vẫn theo Linh Mục Thanh Lãng, báo chí đã đi vào một cơn lốc. Vào cuối năm 1963, tổng số có 25 tờ báo. Tới năm 1964, con số này vọt lên 91. Hàng loạt tờ nhật báo ra đời và hàng loạt tờ đóng cửa. Có tờ chỉ ra được 1 số ra mắt rồi tạ từ ngay. Sang tới 1965, rút xuống còn 47 tờ hoạt động trong hỗn loạn. Báo chí lúc đó như một khu rừng hoang, cây cối mọc lên và đổ xuống không ngừng, trong khi mặt đất đã được làm cho tốt đẹp chuẩn bị cho nhiều cây khác mọc tiếp, nhưng kết quả thu được thật chẳng có là bao. Hầu hết các báo ít nhắm vào mục đích thông tin nghị luận như trước mà chỉ chú tâm phổ biến loại văn chương sa đọa, hậu quả của một thời đại nhiễu loạn hỗn tạp không ngừng.

Về phương diện chính trị, các biến cố quan trọng vẫn liên tiếp xảy ra trong thời kỳ hậu cách mạng. Phe phái xung đột nhau, tôn giáo kình chống nhau đã là những đề tài ngon cho báo chí khai thác. Mỗi phe, mỗi tôn giáo đều có báo riêng, và những tờ báo này cứ việc lãng quên nhiệm vụ thông tin trung thực để phục vụ quyền lợi phe nhóm.

Đứng trên một phương diện khác, thời kỳ hậu cách mạng cũng còn được coi là thế hệ báo chí thương mại hóa. Tất cả đều hướng về việc kinh doanh nhằm thu hút lời, và để đạt được mục đích này, báo chí được kỹ nghệ hóa tới mức tối đa. Những kỹ thuật ấn loát mới được đem ra áp dụng để tăng số phát hành, cùng với những máy móc tối tân nhằm giảm nhân lực. Từ tình trạng này, báo chí lộn xộn với hai thay đổi lớn : hình thức mới lạ hơn, còn về

nội dung thì báo chí đánh mất gần như hầu hết giá trị của mình vì chứa đựng quá nhiều những mục vô bổ chỉ nhằm chiều theo thị hiếu thấp hèn của độc giả.

Cơ hỗn loạn của báo chí vào thời hậu cách mạng đưa lại rất nhiều hiện tượng « quái đản » chưa từng thấy xảy ra trong những thời kỳ trước hay tại bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới. Để tranh sống, báo chí đua nhau khai thác những chuyện hoang đường, hoặc theo đám ăn tàn bằng cách hòa nhau yếm trợ, cổ võ cho những phong trào xã hội vừa bất hợp pháp vừa phi luân lý. Ngoài trừ một số quá ít những tờ báo tương đối đứng đắn, số còn lại trở thành công cụ khai thác chỉ để trục lợi, không thềm đếm xỉa tới thiên chức của người cầm bút phụng sự dư luận.

Để kèm bớt sự phá sản tinh thần làng báo, và cũng để một phần nào cứu vãn đà tuột dốc của làng báo, chính quyền thời đó đã phải áp dụng một môn « thuốc đắng » : đặt ra chế độ phân phối « quota » giấy để dẹp bớt những tờ báo thiếu đứng đắn. Theo chế độ này, giấy in nhật báo sẽ được phân phối theo sự định lượng của Hội Đồng Báo Chí. Nhưng chính từ « môn thuốc đắng » này một hiện tượng « quái thai » đã khai sinh. Có những tờ báo gian manh, sau khi được cấp giấy phép, chỉ xuất bản một số cho có mặt và được phân phối giấy rồi không tiếp tục hoạt động nhưng vẫn được chia phần giấy cũ. Ngoài ra, có trường hợp hai tờ báo cùng in bài vở giống nhau, dưới hai tên báo khác nhau, để giảm bớt chi phí biên tập. Những hiện tượng này tuy hiếm nhưng đã xảy ra và được coi như là một thứ ung nhọt của làng báo.

Về phương diện văn hóa, báo chí trong thời kỳ này cũng không đạt được một kết quả nào. Trong cơ hỗn loạn sẵn có, báo chí không hề góp công lao làm cho nền văn hóa thêm phong phú. Chẳng những vậy, nhiều tờ báo còn mở đường cho phong trào đầu độc quần chúng, nhất là độc giả giới trẻ. Về phía báo ngày, các mục thông tin giáo dục càng ngày càng ít đi, trong khi các mục giải trí dơ bẩn càng ngày càng tăng, nhất là những truyện dài nhằm nhí ô uế. Phong trào này được báo chí mệnh danh là « những cải tiến mới » của báo chí nhằm phục vụ bạn đọc. Trong khi đó, tình trạng ở các báo định kỳ cũng không khá gì hơn. Hàng loạt tuần báo ra đời chỉ nhằm kích

động óc tò mò để cung cấp những kiến thức thấp hèn không cần cho trí tuệ, nhưng vẫn được mệnh danh là những tờ báo xây dựng xã hội. Dưới những chiêu bài thật đẹp thật mới, báo chí đưa ra những món ăn độc địa và tai hại cho dân tộc. Dĩ nhiên trong cơn hỗn loạn đó còn có một vài tờ báo giữ đúng cương vị và trách nhiệm của mình là khai sáng dân trí và giáo dục quần chúng nhưng số này quả là hiếm, đã thế lại không sống lâu dài.

Mãi cho tới một ngày, ngày 30-12-1969, nhà cầm quyền nhận thấy báo chí đang trên đà sụp đổ vì kiệt quệ về vật chất và băng hoại về tinh thần, bèn cho ra một sắc luật mới nhằm chấn chỉnh lại làng báo. Đó là Sắc luật 19/69 ấn định quy chế báo chí. Rồi 3 năm sau, vì tình hình đặc biệt của quốc gia, nền Đệ Nhị Cộng Hòa cho ban hành Sắc luật 007, sửa đổi một số điều khoản của Luật 19/69 và ấn định lại việc xuất bản cũng như hoạt động báo chí. Một bầu không khí mới đã mở màn.

CHƯƠNG 3 : ẢNH HƯỞNG LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI CÁC SINH HOẠT BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

Chúng ta đang sống trong một thời đại kỳ diệu, đó là thời đại nguyên tử, phản lực và điện toán. Nhưng còn quan trọng hơn nữa, chúng ta đang sống trong kỷ nguyên truyền thông đại chúng qua phương tiện thực tế, phổ quát và hữu hiệu hiện nay là báo chí.

Truyền thông đại chúng đóng một vai trò lớn lao trong đời sống hàng ngày của chúng ta hơn là nguyên tử năng hay những chuyến bay liên hành tinh. Khả năng thu nhận thế giới xung quanh chúng ta tùy thuộc vào sự phán đoán, ghi nhận các sự kiện chung quanh, đặc biệt là những tin tức mâu thuẫn nghịch lý với nhau và ở mức độ quá nhiều. Là những con người sống liên hệ tới những con người khác trong tập thể, chúng ta luôn luôn tiếp nhận sự chi phối từ bên ngoài, qua hình thức tin tức truyền đi bằng báo chí, truyền thanh, truyền hình và phim ảnh. Các phương tiện truyền thông này ngày một phát triển mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu tin tức của con người.

Tại Việt Nam Cộng Hòa, báo chí là một đặc quyền thiết yếu của người dân. Dưới chế độ dân chủ tự do, chúng ta đang sống với tự do ngôn luận hay tự do báo chí. Nhưng chính sự tự do đó đã nhiều lần bị lạm dụng và do đó, luật pháp phải đặt ra một giới hạn để ngăn chặn. Trong những năm qua, suốt tiến trình của báo chí, nhiều đạo luật, sắc luật báo chí đã ra đời để bảo vệ quyền tự do ngôn luận, cũng như ngăn chặn sự lạm dụng quyền này. Khảo sát sơ qua các đạo luật báo chí, chúng ta sẽ nhìn thấy hoàn cảnh tế nhị và khó khăn của báo chí qua những giai đoạn khác nhau, với những sắc thái thay đổi liên tục tùy nhu cầu chính trị và thời sự. Qua những đạo luật này, chúng ta sẽ tìm được một cái nhìn sâu xa và thực tế vào đời sống của báo chí.

Nhận xét một cách tổng quát, chúng ta có thể chia các văn kiện pháp lý liên quan tới báo chí Việt Nam ra thành thứ tự 3 giai đoạn liên tiếp nhau :

- Trước hết là những văn kiện mà nhà cầm quyền Pháp đặt ra để chi phối báo chí trong thời kỳ lệ thuộc. Về giai đoạn này, luật pháp tỏ ra có phần dễ dãi đối với Nam Kỳ, trong khi đối với hai miền bảo hộ Bắc và Trung Kỳ thì luật lệ khắt khe hơn.

- Sau đó là giai đoạn mà nhà cầm quyền ban hành trong cả thời kỳ kháng chiến 1943 tới cuộc cách mạng 1963 : trong 20 năm đó, báo chí vẫn phải chịu sự ràng buộc gò bó do nhà cầm quyền quy định tuy có dễ thở hơn một chút.

- Cuối cùng, kể từ 1963 cho tới ngày ban hành luật 007, báo chí đã được hưởng những quy chế khá rộng rãi trong mọi hoạt động, nhưng cũng chính sự rộng rãi này, trong thời gian đầu tiên sau cuộc cách mạng 1963, đã tạo nên một cơn thác loạn cho báo chí lao vào.

Đối với báo chí hiện đại, có lẽ chỉ có hai văn kiện pháp lý được chú trọng hơn hết : đó là Luật 19/69 ấn định quy chế báo chí, và đặt biệt là Luật 007 sửa đổi lại luật 19/69 trong hoàn cảnh đất nước năm 1972.

Sau đây là các văn kiện pháp lý chi phối báo chí và ảnh hưởng của nó trong các giai đoạn tiến triển của báo chí :

2. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ THỜI KỲ PHÁP THUỘC ĐẾN 1-7-1949

- Sắc luật ngày 29-7-1881 về tự do báo chí tại Việt Nam, tương đối dễ dãi đối với Nam Kỳ nhưng khắt khe với Bắc và Trung Việt.

- Sắc lệnh ngày 30-12-1898 buộc các báo Việt ngữ, Hoa ngữ phải xin phép trước mới được xuất bản.

- Sắc lệnh ngày 4-10-1927 liên quan đến quy chế báo chí tại Đông Dương ngoại trừ tại Nam Việt.

- Sắc lệnh ngày 30-8-1938 hủy bỏ các bản văn buộc báo chí Việt Ngữ và Hoa ngữ phải xin phép trước.

- Sắc lệnh ngày 24-8-1939 ấn định việc kiểm soát báo chí và ấn loát phẩm.

- Sắc lệnh ngày 27-8-1939 liên quan đến việc kiểm soát các loại ấn loát phẩm, vô tuyến truyền thanh và phim ảnh.

- Sắc lệnh ngày 24-8-1941 buộc phải có phép của cơ quan hành chính địa phương mới được xuất bản báo chí.

- Sắc luật ngày 13-12-1941 đình chỉ thi hành điều 5 luật ngày 29-7-1881.

3. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-7-1949 ĐẾN NGÀY CÁO CHUNG ĐỆ I CỘNG HÒA 1-11-1963

- Sắc luật số 36/TT ngày 19-9-1949 ấn định chức trưởng của Bộ Trưởng Bộ Thông Tin.

- Nghị định số 275/PTT/TTK ngày 5-4-1954 ấn định thể lệ kiểm duyệt các ấn loát phẩm xuất bản trong nước.

- Nghị định số 269/NĐ/BTT ngày 15-10-1954 cấm các chủ nhiệm báo không được cho người khác mượn hoặc khai thác giấy phép xuất bản báo chí của mình.

- Dụ số 65 ngày 17-10-1955 qui định sự kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng vào Việt Nam.

- Dụ số 7 ngày 1-12-1955 dành cho quốc gia độc quyền về vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình và xác định cho Nha Giám Đốc Đài Phát Thanh Quốc Gia quyền chuyên nhất khai thác ngành này.

- Nghị định số 266/NĐ/BTT ngày 14-12-1955 cho phép những cá nhân hoặc tổ chức nào muốn phát hành báo chí thì phải có giấy phép của Bộ Thông Tin.

- Nghị định số 1/BTT/NĐ ngày 5-1-1956 quy định thể thức kiểm soát ấn loát phẩm ngoại quốc nhập cảng.

- Sắc lệnh số 23/TTP ngày 19-2-1956 đình chỉ kiểm duyệt báo chí.
- Dụ số 13 ngày 20-2-1956 ấn định hình phạt tiền và hình phạt giam đối với những vi phạm luật lệ hiện hành về báo chí và tất cả các phương tiện xuất bản phổ biến khác.
- Nghị định số 151/BTT/NĐ ngày 29-6-1959 ấn định thể lệ nạp bản báo chí và xuất phẩm kỳ.
- Quyết định số 491/PT/NGT/QĐ ngày 25-8-1960 v/v thiết lập một Ủy Ban Liên Bộ để lựa chọn các sách cho phép nhập cảng.

4. LUẬT PHÁP HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-11-1963 ĐẾN NAY

- Sắc luật 2/64 ngày 19-2-1964 công nhận quyền tự do ngôn luận và ấn định thể thức truy tố các tội trạng do báo chí gây ra.
- Sắc luật 10/64 ngày 30-4-1964 ấn định quy chế xuất bản báo chí và tổ chức nền báo chí.
- Sắc luật ngày 20-7-1964 đình chỉ kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông Tin trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa :
 - *Nếu sau một lần bị tịch thu vì lý do an ninh quốc gia hay trật tự công cộng, dù chưa có bản án chung thẩm cho kỳ tịch thu trước, báo vẫn bị tạm thời đình bản.
 - *Nhà chức trách hành chánh sở tại sẽ đóng cửa trong thời hạn tối thiểu hai tháng nhà in nào : công khai hoặc lén lút đưa báo ra khỏi cơ sở ẩn loát trước giờ phát hành.
 - *Tiếp tục in thêm, cất dấu, tàng trữ hoặc đưa ra khỏi cơ sở ẩn loát những số báo đã bị tịch thu.
- Nghị định số 908 ngày 19-12-1964 qui định việc xuất bản báo chí của các đảng phái.

- Sắc luật 19/69 ngày 30-12-1969 ấn định quy chế báo chí.
- Sắc luật 007 (năm trong Luật Ủy Quyền ngày 28-6-72) sửa đổi lại một số điều khoản Luật 19/69.

5. NHỮNG NÉT CHÍNH CỦA SẮC LUẬT 007

a) Tóm lược sắc luật

Sắc luật 007/TT/SLU gồm có 4 điều :

- **Điều thứ I (Sắc luật)** : Sửa đổi một số điều khoản của luật số 19/69 ngày 30-12-1969, ấn định qui chế báo chí (gồm có 21 điều). Các điều khoản kể trên gồm :

*Điều 4 (mới) : quy định thể thức khai báo, điều kiện chủ nhiệm, ký quỹ.

*Điều 7 (mới) : Sau khi nhận đủ hồ sơ khai báo, Bộ Thông Tin phải cấp ngay biên nhận tạm.

*Điều 12 (mới) : Vấn đề nạp bản, phải có chữ ký và con dấu của chủ nhiệm hay quản lý ; phải khai rõ số báo phát hành.

*Điều 13 (mới) : Sau khi nạp bản 4 giờ tại Bộ Thông Tin hay cơ quan liên hệ, báo mới được phát hành.

*Điều 15 (mới) : Trước khi xuất bản 15 ngày, chủ nhiệm tờ báo phải khai rõ lý lịch của Ban Quản lý và bộ biên tập. Sự tăng vốn cũng phải được chứng minh về xuất xứ.

*Điều 19 (mới) : Tổng Trưởng Nội Vụ, Tỉnh, Thị Trưởng có thể ra lệnh tịch thu báo, trước hay sau khi phát hành và sẽ đưa ra tòa trong vòng 8 ngày. Trong khi chờ phán quyết của Tòa Án, báo vẫn có quyền tiếp tục phát hành.

*Điều 20 (mới) : Nếu được tha bổng trong điều 19 kể trên, có thể đòi bồi thường thiệt hại.

*Điều 23 (mới) : Các tin tức đăng tải sau đây không bị truy tố : Các cuộc thảo luận công khai tại diễn đàn quốc hội ; Các quan điểm chánh trị

của dân biểu, nghị sĩ ; Các tham luận thuyết trình được đọc công khai tại quốc hội. Nếu các đảng tải trên đây không phương hại đến thuần phong, mỹ tục, an ninh quốc gia, danh dự cá nhân.

*Điều 25 (mới) : Có thể trích dịch báo chí ngoại quốc, miễn là trung thực và không được phương hại đến danh dự cá nhân an ninh quốc gia và thuần phong mỹ tục.

*Điều 27 (mới) : Không được dùng báo chí để : Xúi dục người khác phạm tội an ninh ; Xúi dục quân nhân bất tuân kỷ luật ; Đề cao các tội phạm nói trên.

*Điều 31 (mới) : Cấm chỉ phi báng Tổng Thống, Phó Tổng Thống VNCH, Đại Sứ các quốc gia liên hệ ngoại giao với VNCH.

*Điều 36 (mới) : Mọi thể nhân hay pháp nhân có quyền phát hành báo chí.

*Điều 37 (mới) : Quy định hồ sơ khai nạp nếu tự phát hành báo hoặc phát hành báo do người khác xuất bản.

*Điều 42, 43, 44, 45, 46, 47, 49 (mới) : Ấn định các hình phạt pháp lý trong trường hợp vi phạm Sắc luật : Phạt tiền từ 100.000 đến 5.000.000đ ; Phạt tù từ 2 tháng đến 5 năm.

*Điều 52 (mới) : Quy định trách nhiệm xét xử cho tòa án, lên đến Tối Cao Pháp Viện.

- **Điều thứ 2 (Sắc luật)** : Ấn định thời hạn điều chỉnh tình trạng pháp lý của các báo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Sắc luật này. Nếu không, coi như báo tự ý đình bản. Quá 60 ngày, chưa điều chỉnh tình trạng pháp lý, các cơ sở báo chí sẽ không được phép hoạt động.

- **Điều thứ 3 (Sắc luật)** : Trong suốt thời gian ban bố tình trạng chiến tranh hay tình trạng thiết quân luật, nếu vi phạm các điều 27 (mới), điều 28 và 29 luật số 19/69 sẽ bị phạt cấm cố và phạt từ 1 triệu đến 5 triệu đồng. Việc xét xử các vi phạm trên thuộc thẩm quyền Tòa Án Quân Sự Mặt Trận nơi xuất bản tờ báo. Tòa án thường tụng vẫn thụ lý như thường lệ nếu nhà

chức trách quân sự không dành quyền truy tố trước Tòa án Quân Sự Mặt Trận.

- **Điều thứ 4 (Sắc luật)** : Sắc luật này được ban hành theo thủ tục khẩn cấp và đăng vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa.

b) Đặc điểm của Sắc luật

Sắc luật này có 2 đặc điểm sau đây :

1. Các nguyên tắc căn bản về quyền tự do ngôn luận báo chí và xuất bản ấn định trong điều 12 của Hiến Pháp đều được tôn trọng. Điều này có nghĩa là chúng ta vẫn chỉ áp dụng chế độ khai báo đối với việc xuất bản báo chứ không phải chế độ xin phép. Hơn nữa, chế độ kiểm duyệt cũng không được chấp nhận, mặc dù hiện nay Quốc gia đang trong tình trạng chiến tranh và thiết quân lực.

2. Nhằm mục đích bảo vệ trật tự công cộng, an ninh Quốc Gia và quyền lợi của tư nhân, những điều khoản sau đây đã được minh định trong Sắc Luật mới :

- Báo chí và các cơ sở phát hành phải đóng tiền ký quỹ để bảo đảm việc thanh toán các ngân hình án phí và tiền bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo.

- Nhật báo hay Tạp chí nào sau một lần bị tịch thu vì lý do an ninh Quốc gia hay trật tự công cộng còn bị tịch thu một lần thứ hai cũng vì những lý do này thì Tổng Trưởng Nội Vụ có quyền tạm thời đình bản. Tuy nhiên, vẫn phải tôn trọng phán quyết cuối cùng của Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền quyết định tối hậu. Hơn nữa nếu được Tòa án tha bổng. Chủ Nhiệm nhật báo hay tạp chí bị truy tố có thể ngay tại phiên tòa ấy phản tố đòi bồi thường thiệt hại.

- An toàn cá nhân được bảo vệ. Điều này nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội và có nghĩa là tư nhân nào bị báo chí phỉ báng và mạ lỵ, ngoài quyền yêu cầu Tòa truyền đăng bản án trên ba nhật báo mà lệ phí do các bị can phải liên đới chịu, còn có quyền thỉnh cầu Tòa buộc bị can phải bồi thường

thiệt hại tương xứng bằng tiền chứ không phải chỉ được bồi thường tượng trưng bằng một đồng danh dự và có quyền được lấy tiền thắng trong số tiền ký quỹ của báo chí tại Tổng Nha Ngân Khố nếu bị can không chịu thi hành án văn.

- Nhằm mục đích ngăn chặn sự lạm dụng thủ tục thượng tố để duy trì việc nộp phạt, báo chí bị tuyên phạt phải đóng tiền ký quỹ tương đương với số tiền bị phạt mới được quyền thượng tố.

- Nhằm mục đích ngăn chặn sự coi thường pháp luật này, nguyên tắc bất câu phát ngân hình được áp dụng đối với báo chí vi luật.

- Sau cùng để bảo vệ quyền lợi tư nhân và của quốc gia, việc xét xử các vi phạm của báo chí phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày tại mỗi cấp tài phán.

c) Ảnh hưởng của Sắc luật 007/TT/SLU

Theo cơ quan ngôn luận Tiền Tuyến số ra ngày 13-9-1972, ta thấy trên nguyên tắc, sắc luật 007 ra đời để đáp ứng với tình thế cuối tháng 3-1972. Sắc luật này nằm trong phạm vi luật ủy quyền của Tổng Thống ngày 28-6-1972 nhằm ngăn chặn mọi xáo trộn tại hậu phương.

Với sự ra đời của sắc luật báo chí 007, các báo đã cố gắng thích nghi để sống còn dù có rất nhiều nhật báo hay báo định kỳ lên tiếng hay tạm thời đình bản để bày tỏ thái độ.

Tuy nhiên, theo bản tin VTX ngày 16-9-72 có tất cả 29 nhật báo gồm có 17 Việt Ngữ, 11 Hoa Ngữ, 1 báo Anh Ngữ cùng 5 tạp chí định kỳ Việt Ngữ đã điều chỉnh tình trạng theo sắc luật 007 để tiếp tục xuất bản kể từ ngày 16-9-1972 :

« Tin từ Nha Báo Chí Bộ Thông Tin cho biết sau khi cứu xét hồ sơ khai nạp để điều chỉnh tình trạng pháp lý qui định ở điều 4 mới, quy chế báo chí, kể từ 16-9-72 có 17 tờ nhật báo Việt ngữ được xuất bản gồm có các tờ : Bút Thép, Cấp Tiến, Chính Luận, Độc Lập, Đông Phương, Đại Dân Tộc, Điện Tín, Sóng Thần, Hòa Bình, Quạt Cường, Trắng Đen, Thăng Tiến, Tranh Thủ,

Tin Sáng, Tin Sống, Tiền Tuyến và Công Luận ; 11 Nhật Báo Hoa Ngữ được tiếp tục xuất bản gồm các tờ : Á Châu, Kiến Quốc, Luận Đàm, Luận Đàm Mới, Tân Văn Khoái Báo, Thành Công, Tân Việt, Nhân Dân, Viễn Đông, Việt Hoa và Quang Hoa và một nhật báo anh ngữ là tờ Saigon post.

Ngoài ra, còn có 5 tạp chí định kỳ cũng đã điều chỉnh tình trạng pháp lý gồm các tờ Văn Nghệ Tiền Phong, Phụ Nữ Mới, Thăm Mỹ, Tân Tiến và Sân Khấu Mới.

Nha Báo Chí còn cho biết nhật báo Việt Nam và tuần báo Nàng vừa nộp hồ sơ khai báo (đã ký quỹ, sẽ xuất bản sau khi được cấp biên lai chính thức)

Cuối cùng, Nha Báo Chí cũng cho hay rằng các tạp chí định kỳ được miễn ký quỹ chiếu theo Sắc luật 007 được tiếp tục xuất bản kể từ ngày 16-9-72 gồm các tờ Tạp Chí Phòng Thương Mãi Hoa Kỳ, Chấn Hưng Kinh Tế, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Kinh Tế VN, Hiệp Sống, Liên Lạc, Lửa Mến, Legio Maria, Mây Hồng, Minh Đức, Nông Dân, Nguồn Sống, Nhà chúa, Nhân Dụng, Nghiên Cứu Hành Chánh, Ngàn Thông, Tuần San Phòng Thương Mại Công Kỹ Nghệ Saigon, Phát Triển Xã Hội, Quan Thuế Nguyệt San, Quản trị Xí Nghiệp, Rạng Đông, Nguyệt San Sử Địa, Sacerdof, Tin Vui, Tuổi Hoa, Thánh Tâm Chúa Giê-Su, Thành Kính, Trái Tim Đức Mẹ, Tập San Quốc Phòng, Thông Tin Lao Động, Tin Tức, Tín Hiệu, Từ Quang, Tạp Chí, Nguyệt San Tư Tưởng, Thăng Bờm, Tuổi Ngọc, Thiếu-Nhi và Nguyệt San Xã Hội ».

Qua bản tin trên đây, chúng ta thấy làng báo Việt Nam chuyển mình vào bầu không khí mới với rất ít suy giảm về số lượng. Tính chung, tất cả có khoảng 30 tờ nhật báo tiếp tục cuộc hành trình trên đường ngôn luận, và cũng chừng đó báo định kỳ, không kém hơn thời gian trước khi Luật 007 được ban hành là bao nhiêu. không những thế, chỉ trong một thời gian ngắn sau khi luật này ra đời, những tờ báo tạm ngưng hoạt động cũng lục tục hồi sinh và hoạt động đều hòa như cũ.

Nói một cách trung thực, cả hai văn kiện pháp lý chi phối sinh hoạt báo chí hiện đại. Luật 19/69 và 007 đều là những định chế cần thiết để đáp ứng

nhu cầu cấp bách của quốc gia. Sắc luật 19/69 ban hành ngày 30-12-69 nêu rõ rằng : « Quyền tự do báo chí là quyền tự do căn bản trong chính thể Cộng Hòa Việt Nam, nhưng sự hành xử quyền tự do đó không được phương hại đến danh dự cá nhân, *an ninh quốc gia*, hay thuần phong mỹ tục. Báo chí không thể bị đóng cửa nếu không có quyết định của cơ quan tư pháp ». Theo nội dung đó, luật pháp đã dành cho báo chí một môi trường sinh hoạt rất thuận lợi, miễn là báo chí không lợi dụng chính môi trường đó để thực hiện những điều phương hại trong ba lãnh vực : danh dự cá nhân, an ninh quốc gia, và thuần phong mỹ tục.

Người làm luật cũng dựa vào một căn bản chính xác khi viết văn kiện 19/69. Quan niệm đó là quyền tự do thiên nhiên của con người phải được đặt trong khung cảnh sinh hoạt xã hội chung và con người không thể lạm dụng tự do riêng để làm những hành động khiến cho cộng đồng mà chính mình đã tự sát nhập vào phải tan rã. Cũng vẫn theo quan niệm đó, báo chí là một sinh hoạt trong cộng đồng xã hội, nó phải tuân theo những giới hạn nào cần thiết để bảo tồn sự an toàn và tồn tại của cộng đồng này.

Do đó, quyền tự do báo chí phải được phân tích trên hai khía cạnh : khía cạnh thực hiện và khía cạnh hành xử.

- Về khía cạnh thực hiện, luật pháp luôn luôn chủ trương tạo và bảo vệ những quyền tự do căn bản của con người, trong đó có quyền tự do báo chí.

- Về khía cạnh thịnh xử, luật pháp chủ trương « trách nhiệm hóa » những người thụ hưởng quyền tự do báo chí để duy trì quyền lợi của tất cả cộng đồng. Khi bảo vệ cộng đồng, tất nhiên luật pháp đã gián tiếp bảo vệ các cá nhân hoặc thành phần trong cộng đồng đó, dù đôi khi có những trường hợp sự bảo vệ này không được thể hiện một cách rõ rệt.

Từ quan niệm này, người khảo sát báo chí, khi nghiên cứu về ảnh hưởng của luật pháp, có thể rút ra ở một kết luận rằng khi luật pháp giới hạn sự tự do ngôn luận vì nhu cầu an ninh quốc gia thì chính sự giới hạn đó cũng đã đương nhiên bao hàm ý nghĩa bảo vệ sinh hoạt của báo chí. Chính vì thế

mà những giới hạn của luật pháp đối với quyền tự do ngôn luận và báo chí không bao giờ được coi là phản với công lý.

Nhìn vào chi tiết, Sắc luật 19/69 và luật 007 đưa ra 4 giới hạn chính đối với các sinh hoạt báo chí ; tất cả đều đáp ứng nhu cầu của cộng đồng quốc gia và xã hội trong 3 lãnh vực đã nêu trên :

1. Bảo vệ cá nhân các công dân chống lại sự lăng mạ và vu cáo.
2. Bảo vệ xã hội chống lại sự phổ biến sách vở tà dâm.
3. Bảo vệ quốc gia chống lại sự phá hoại trong nội bộ.
4. Bảo vệ quốc gia chống lại ngoại xâm.

Chúng ta có thể nói rằng dù chế độ chính trị nào cai trị quốc gia thì luật pháp cũng đều quy định các hạn chế trên đây đối với báo chí, và dù cách hành văn của luật pháp có đổi khác, hay hình thức ban hành thay đổi qua các quy chế, sắc luật hay sắc lệnh thì nội dung của các hạn chế đó vẫn tương tự.

Muốn nhận xét một cách khách quan, chúng ta hãy tìm ra một thí dụ điển hình, qua nền báo chí của Hoa Kỳ, để thấy rằng đã có rất nhiều trường hợp nhà cầm quyền Hoa Kỳ phải thực hiện sự hạn chế quyền tự do báo chí để đáp ứng nhu cầu an ninh quốc gia và bảo vệ cộng đồng xã hội Hoa Kỳ. Hai trường hợp cụ thể nhất là trong Thế Chiến II, chính quyền Hoa Kỳ đã thành lập một chế độ kiểm duyệt thật là chặt chẽ.

Trong kỳ Thế Chiến I, Tổng Thống Hoa Kỳ lúc đó là Wilson đã ra lệnh cho Bộ Chiến Tranh thi hành sự kiểm duyệt những tin tức quân sự liên quan tới mỗi bang giao giữa Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ.

Đến năm 1917, đạo luật về vấn đề gián điệp đặt ra nhiều cách phạt trừng trị tất cả những người viết, in hay xuất bản những sách vở có tính cách bất chánh, lăng mạ và phỉ báng đối với hiến pháp Hoa Kỳ, hay đối với riêng ngành hành pháp Hoa Kỳ.

Năm 1941, với đạo luật về « các quyền tự do trong thời kỳ chiến tranh », Tổng Thống Hoa Kỳ được quyền cho hệ thống kiểm duyệt can thiệp bất cứ lúc nào vào những liên lạc giữa Hoa Kỳ và những quốc gia liên hệ với Hoa Kỳ. Quyền này bao gồm cả sự kiểm soát những tin tức chuyển vào lãnh

thổ Hoa Kỳ, hoặc từ Hoa Kỳ chuyển đi bằng tàu thủy, xe lửa, máy bay v.v... hoặc bằng hải điện tín vô tuyến điện hay bằng bất cứ phương tiện nào khác.

Tổng Thống Hoa Kỳ cũng có quyền đặt ra những luật lệ riêng biệt ấn định sự hạn chế quyền tự do ngôn luận và báo chí, ai vi phạm sẽ phải chịu những hình phạt tù hoặc phạt tiền, hoặc cả hai, và bị tịch thu gia sản. Các đạo luật như vậy tại Hoa Kỳ thường được áp dụng triệt để nghiêm khắc trong thời kỳ chiến tranh để giới báo chí Hoa Kỳ không thể vô tình hay cố ý loan truyền những tin tức làm lợi cho quân địch.

Ngoài ra, Quốc Hội Hoa Kỳ đã thông qua một sắc luật về an ninh nội bộ năm 1950 và một đạo luật khác liên quan đến sự hạn chế quyền tự do báo chí để tránh làm lợi cho đối phương. Đây là những đạo luật nhằm bảo toàn chủ quyền và nền độc lập của quốc gia Hoa Kỳ.

Nói tóm lại, trong thời chiến tại Hoa Kỳ, người ta đã quan niệm rõ rệt quyền tự do của báo chí phải nhằm phục vụ an ninh quốc gia và bảo toàn xã hội trong đó báo chí sinh hoạt. Luật lệ tại Hoa Kỳ ghi rằng « Quyền tự do báo chí là quyền tự do phát triển ý kiến, quyền bào chữa, quyền phê bình, quyền khiếu nại, chứ không phải là quyền tự do tiết lộ những tin tức xét ra có hại đến vấn đề an ninh quốc phòng ».

Tại Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia đang lâm chiến, luật lệ báo chí cũng quy định rõ rệt rằng « sự hành xử quyền tự do báo chí không được phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc gia hay thuần phong mỹ tục ». Giải thích điều căn bản đó, luật lệ báo chí ở đây cũng đòi hỏi người cầm bút : không được dùng báo chí để phổ biến các luận điệu, các tin tức thất thiệt, hoặc các tin tức có thật nhưng với dụng ý có thể gây ra một trong những tác dụng sau đây :

1. Làm phương hại nền an ninh quốc gia hay trật tự công cộng.
2. Làm phương hại nền kinh tế tài chánh quốc gia.
3. Làm suy giảm kỷ luật và tinh thần chiến đấu của quân đội.
4. Gây chia rẽ giữa các tôn giáo, địa phương, các sắc dân.

Thêm vào những điều trên, luật lệ báo chí Việt Nam còn ấn định : không được dùng báo chí để phổ biến các tin tức tài liệu và luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của đối phương hay chủ trương trung lập thân đối phương.

Xét như vậy, quyền tự do báo chí đã được điều kiện hóa bởi những nhu cầu quan thiết hơn để bảo vệ xã hội, môi trường chung trong đó có các sinh hoạt và quyền tự do nuôi dưỡng. Trên thế giới, chính quyền tại mọi quốc gia đều phải hạn chế quyền tự do báo chí, dù dưới hình thức này hay hình thức khác, vì quyền căn bản này là một con dao hai lưỡi đối với sự tồn vong của xã hội.

Ảnh hưởng nguy hại hay xây dựng của báo chí rất lớn lao vì đó là món ăn tinh thần thường nhật của con người và mang lại cho con người những phán đoán có sẵn trên mọi vấn đề. Chính vì vậy mà báo chí trở thành sức mạnh của những lực lượng xây dựng xã hội, đồng thời cũng có thể trở thành những vi khuẩn giúp ích cho những lực lượng phá hoại xã hội. Xã hội bắt buộc phải quy tắc hóa quyền tự do báo chí theo nguyên tắc tự do của người này không xâm phạm tự do của người kia, để một cộng đồng có thể dung hòa và tồn tại.

Không ai có thể nói rằng sự hạn chế quyền tự do báo chí là không cần thiết. Những ai không chấp nhận như vậy sẽ không thể giải quyết được những khó khăn chồng chất do báo chí gây ra, và không thể dung hợp được quyền lợi của báo chí với quyền lợi của cộng đồng xã hội là tập thể ở vị thế cao hơn báo chí. Nếu quyền tự do báo chí không được căn cứ trên quyền tự nhiên và căn bản của con người thì sự hạn chế tự do báo chí trong những chế độ chuyên chế là dựa vào ý chí nhân dân về phương diện lý thuyết. Trong các chế độ dân chủ, nơi mà vô số ý kiến tư tưởng được tự do phô diễn bởi từng cá nhân, vấn đề tự do báo chí rất gay go vì phải đặt ra một cái « mốc luật pháp » tại đó những hạn chế về tự do báo chí được coi là vừa đủ, không quá dễ dãi mà cũng không quá khắt khe. Thật vậy, các hạn chế không thể quá lỏng lẻo để báo chí có thể tác hại cá nhân và xã hội, trong khi đó, chúng không thể quá khắt khe để có thể làm phương hại tới tự do báo chí.

Do đó, sự nới rộng hay thu hẹp mức độ hạn chế quyền tự do báo chí phải tùy theo thời kỳ riêng biệt, loạn lạc hay thái bình, trình độ dân trí cao hay thấp, mức độ thụ cảm của con người trong cộng đồng xã hội sâu sắc hay nông cạn. Như vậy, chúng ta có thể tạm kết luận rằng chế độ báo chí có được tự do hay không KHÔNG phải là do luật pháp có ấn định tự do báo chí hay không mà ở chính việc báo chí có hành xử quyền tự do ấy một cách khôn khéo và hợp lý hay không. Tự do báo chí không phải là một nguyên tắc cố định mà là một sự điều hợp linh động giữa các quyền tự do của con người với quyền lợi của xã hội, của quốc gia, nói đúng ra là của vấn đề an ninh quốc phòng, nhất là trong thời kỳ chiến tranh bùng nổ.

Theo lý thuyết trách nhiệm xã hội của báo chí thì tự do ngôn luận phải thăng bằng với quyền tự do của kẻ khác và quyền lợi cốt yếu của xã hội. Con người chỉ có quyền lợi về tinh thần khi đảm nhận những nghĩa vụ về tinh thần, và cân cân công lý khó mà đo lường được mức độ thăng bằng về tinh thần đó. Cho nên, ảnh hưởng của luật pháp đối với báo chí chỉ là một sức chi phối ngoại hưởng, không quan trọng bằng ý thức của chính báo chí. Việc báo chí có hành xử được quyền tự do của mình một cách chính xác hay không mới là điều quan trọng, và sự hành xử như vậy chưa thể được coi là hoàn hảo trừ khi chúng ta có được một nền giáo dục khả dĩ nâng cao ý thức con người, kể cả người cầm bút, người đọc, và người điều khiển xã hội, để đạt tới một trình độ tự giác khả dĩ dung hòa được quyền lợi của cá nhân với quyền lợi của tập thể.

CHƯƠNG 4 : NHỮNG KHUÔN MẶT LỚN CỦA LÀNG BÁO

TỔNG QUÁT

Báo chí Việt Nam, suốt tiến trình hoạt động 100 năm kể từ 1965, đã có sự góp mặt của một số đông đảo những người cầm bút vừa chuyên nghiệp vừa tài tử. Từ lúc khởi thủy chào đời, báo chí Việt Nam trải qua rất nhiều biến cố lúc suy lúc thịnh nhưng bất cứ vào thời gian nào, giới cầm bút trong làng báo cũng vẫn kiên gan trung thành với lý tưởng và hàng ngũ của mình. Sự trung thành đó phát xuất từ nhiều lý do khác biệt đối với từng trường hợp riêng rẽ.

Đứng đầu hàng ngũ những người cầm bút của làng báo, theo thứ tự thời gian, là giới quan lại phục vụ chính quyền bảo hộ trong thời kỳ lệ thuộc. Giới này đi vào làng báo với rất ít ý thức quốc gia dân tộc nhưng nặng lý tưởng văn hóa. Họ muốn làm báo để quảng bá cho tiếng Việt Nam và du nhập tư tưởng phương Tây và nền văn hóa cổ truyền Đông Phương mong tạo được một sự hòa hợp tốt đẹp đưa tới tinh hoa của nghệ thuật. Mặc dù lớp người này, vì áp lực nặng nề về chính trị của chính phủ Pháp, không đi đúng được đường lối của dân tộc ta trong công cuộc đấu tranh chung dành quyền độc lập, nhưng không ai có thể phủ nhận công lao to lớn của họ trong công cuộc xây dựng nền văn hóa nước nhà. Chính nhờ công lao đó mà Việt Ngữ có được con đường tiến nhanh để đạt tới địa vị ưu thế sau này.

Sau ngày khai sinh của tờ báo đầu tiên ở nước ta, các nhà cách mạng đã nhìn thấy ngay sức mạnh của báo chí và ảnh hưởng của nó đối với lối sống quần chúng cũng như cuộc chiến đấu chống thực dân. Những nhà chí sĩ Việt Nam đã mau lẹ nhập vào làng báo, hoặc bằng các phương tiện riêng, hoặc lợi dụng ngay những tờ báo đã do chính phủ thực dân ấn hành, để sử dụng báo chí làm một thứ khí giới hỗ trợ cho việc tranh đấu. Đây là nhóm người cầm bút thứ hai trong hàng ngũ báo chí xứ ta. Họ không phải là những nhà báo chuyên nghiệp, không làm báo vì báo chí nhưng làm báo vì chính

trị. Công lao của họ đối với nền văn hóa Việt Nam tuy nhỏ, nhưng trên phương diện ý thức dân tộc và nền độc lập xứ sở, họ đã xây dựng được những thành tích vĩ đại, những con đường vinh quang đưa người dân Việt Nam tới những chiến thắng chống lại nhà cầm quyền thuộc địa.

Xen trong hàng ngũ báo chí, đứng giữa những người cầm bút chiến đấu cho văn hóa và những người cầm bút chiến đấu cho tự do là một số không ít những cây viết mang nặng lý tưởng xã hội. Điển hình cho giới này là Nhóm Tự Lực Văn Đoàn và những đi theo ảnh hưởng của nhóm này cùng chung lưng đấu tranh cho một xã hội Việt Nam tốt đẹp hơn trong thời kỳ dân chúng Việt Nam còn sống trong cảnh khốn cực phát xuất từ chính sách thực dân của người Pháp. Những « chiến sĩ xã hội » trong làng báo Việt Nam là những người làm báo bán chuyên nghiệp, dùng báo chí làm một phương tiện xây dựng xã hội mới, đấu tranh nhằm xóa bỏ một xã hội cũ bất công, bị kềm kẹp và bóc lột.

Nhìn qua những khuôn mặt lớn đã mở đường và đóng góp công lao vào làng báo Việt Nam, chúng ta phải nhận rằng, không phân biệt khuynh hướng của họ, tất cả những người này đều có ảnh hưởng rất lớn đối với phương diện giáo dục, truyền bá văn hóa, chính trị và thông tin.

Thật vậy, những người cầm bút trong thời gian phôi thai của báo chí khoảng cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục quần chúng và truyền bá tư tưởng. Về phương diện này, họ là những người khai thông dân trí, ảnh hưởng của họ trong nhiều trường hợp mạnh hơn cả ảnh hưởng của những ngôi trường dạy chữ do chính phủ thuộc địa thành lập. Sự giáo dục phổ quát mà những người cầm bút cung cấp không những nhằm vào giới trẻ đang cầm sách tới trường mà còn giúp ích cho cả những người lớn đã vào đời, miễn là họ chỉ đọc được chữ quốc ngữ. Những người làm báo trong giai đoạn này có thể tự hào đã đóng vai trò một người hướng dẫn hay « sứ đồ » của thánh hiền để giáo dục quần chúng.

Không ai có thể phủ nhận vai trò của những người làm báo Việt Nam trên bình diện văn học. Văn học của chúng ta chỉ xuất hiện từ sau khi báo chí ra đời, với công lao của những người đã khai sinh ra nó. Những người

này đều là những tác giả đầu tiên của các tác phẩm tiếng Việt. Huỳnh Tịnh Của, Phạm Quỳnh, Trương Vĩnh Ký chẳng hạn, những người đã từng viết trên Gia Định Báo, Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong, đã có ảnh hưởng rất mạnh đối với nền văn hóa Việt Nam, điều mà các nhà khảo sát về sau không ai chối cãi. Họ là những kẻ tiên phong đối với nền văn chương chữ nôm, đưa tiếng Việt lên vị thế trọng yếu vào thời cận đại.

Xét chung về bình diện văn hóa, những người làm báo trong giai đoạn khởi thủy đều là những chiến sĩ văn hóa xả thân xây dựng xứ sở, nhất là những người hăng say chỉ trích lối học từ chương cũ và đề cao lối học mới. Trong khi đó, cũng chính họ là những người đóng vai trò chiến sĩ xã hội, có ảnh hưởng sâu rộng đối với quần chúng Việt Nam, mặc dù ảnh hưởng này luôn luôn bị chính quyền thực dân kèm kẹp để giảm bớt.

Đứng trên quan điểm lịch sử, chúng ta thấy vai trò của những người dùng ngòi bút để hướng dẫn quần chúng đi theo chiều hướng cách mạng quốc gia và ý thức dân tộc nổi bật hơn hết cả. Họ không phải là những người cầm bút chuyên nghiệp, nhưng ảnh hưởng của họ vượt hẳn lên trên mọi giới khác trong làng báo. Họ xuất hiện giữa một khung cảnh đặc biệt, với những biến cố đặc biệt, và do đó việc làm báo của họ mang một tính chất rất đặc thù. Mang lý tưởng cao xa là dành lại độc lập từ trong tay người Pháp, những người cầm bút đồng thời là các nhà cách mạng Việt Nam đã sử dụng báo chí một cách thật hữu hiệu để kích động quần chúng toàn quốc dẫn thân vào cuộc đấu tranh chung chống Pháp. Tất cả những bài viết của họ đều kêu gọi lòng ái quốc, ý chí căm thù ngoại bang, đề cao việc coi thường cái chết, thúc đẩy giới trẻ trở thành những người hùng để đưa tinh thần dân tộc sống dậy. Mọi tác phẩm của họ cũng đề cao sức mạnh của quốc gia, khi toàn dân đoàn kết dành lấy quyền sống từ những kẻ đô hộ. Hơn tất cả những nhà cầm bút chuyên nghiệp, họ là những sĩ phu cương quyết cho những nhà cách mạng làm báo là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, tác giả của những bài viết táo bạo gây ảnh hưởng vừa mạnh vừa lâu dài trong quần chúng.

Trong phần sau đây, chúng ta hãy nhận diện một số khuôn mặt lớn thuộc các khuynh hướng khác nhau nhưng đã cùng đóng góp công lao cho

nền báo chí Việt Nam.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Sinh năm 1832 tại Vĩnh Long, ngay từ hồi 5 tuổi, ông đã bắt đầu học chữ Hán. Năm 1845, bỏ chữ Hán và bắt đầu học chữ quốc ngữ, ông được gửi vào một trường Công Giáo. Tới năm 1859, ông được nhà trường cấp nhiều học bổng để học các sinh ngữ khác nhau như Hy Lạp, Pháp, Anh, Nhật, Tây Ban Nha.

Sau khi ông Trương Vĩnh Ký tốt nghiệp và sau khi Gia Định Thành thất thủ, người Pháp đã giao phó cho một Giám Mục tìm một người Việt Nam nói giỏi tiếng Pháp để thông dịch trong những cuộc thương thuyết giữa hai chính phủ Pháp và Việt. Chính ông Trương Vĩnh Ký đã được cắt cử vào chức vụ này. Sau khi ký kết Hiệp Ước 1862, ông đã được cử giữ chức vụ thông dịch viên trong phái đoàn do Phan Thanh Giản cầm đầu sang Pháp. Trong dịp này, ông Trương Vĩnh Ký đã viếng thăm khắp nước Pháp và một vài nước khác ở Âu Châu như Tây Ban Nha, Ý, đồng thời có dịp làm quen với các danh nhân Pháp như Victor Hugo, Paul Bert, Renan.

Sau chuyến đi này, khi về nước, ông được chính phủ thuộc địa mời dạy học tại trường Collège des Administrateurs stagiaires và trường Collège des Interprètes. Cuối cùng năm 1869, ông được giao phó đảm trách tờ Gia Định Báo với chức vụ Giám Đốc, tờ báo này chính ông đã hợp tác viết kể từ ngày báo ra mắt vào năm 1865. Ông mất vào năm 1898.

HUỲNH TỊNH CỬA

Sinh năm 1834 tại Bà Rịa và mất năm 1907, ông Huỳnh Tịnh Cử nổi tiếng tinh thông cả hai nền Hán Học và Tây Học. Năm 1861, ông được cử giữ chức vụ Đốc Phủ Sứ và Giám Đốc Phòng Phiên Dịch Tư Pháp của chính phủ. Chính ông đã đề nghị dùng chữ quốc ngữ thay chữ Hán. Trong một bản điều trần gửi cho vua Tự Đức, ông đã yêu cầu nhà vua cho xuất bản báo chí bằng chữ quốc ngữ để giáo dục quần chúng nhưng ông bị thất bại trong việc

này. Ông là một trong những người Việt Nam đầu tiên có sáng kiến thành lập nền báo chí Việt Nam và một trong những cột trụ của tờ Gia Định Báo. Trong ban biên tập, ông chuyên viết về những bài kể chuyện cổ tích Việt Nam. Văn của ông thuộc loại giản dị và bình dân dễ hiểu.

Ngoài công việc của một nhà báo, ông Huỳnh Tịnh Của là người đầu tiên soạn ra một quyển tự điển để chỉ rõ nghĩa và cách viết chữ quốc ngữ khi tiếng nước ta còn trong tình trạng phôi thai. Đó là một tài liệu rất quý được xem như là một cuốn sách căn bản vững chắc để cho các nhà văn Việt Nam lúc bấy giờ dùng để viết cho đúng và chính nó cũng đã giữ một vai trò quan trọng trong văn học sử cận đại cũng như trong đời sống nền báo chí nước nhà.

NGUYỄN VĂN VĨNH

Ông Nguyễn Văn Vĩnh sinh năm 1882, theo học Trường Thông Ngôn và sau khi tốt nghiệp, ông làm việc cho chính phủ bảo hộ Pháp ở Bắc Kỳ. Sau chuyến đi của ông ở Pháp về ông xin từ chức và bắt đầu làm thương mại. Lúc đầu ông hợp tác với một người Pháp tên Dufour để mở nhà in.

Là một người rất thông minh và say mê văn hóa Tây Phương, Nguyễn Văn Vĩnh ngay từ lúc đầu đã nhận thấy các vai trò quan trọng của báo chí. Trong chuyến đi đầu tiên của ông sang Pháp năm 1906 ông đã học hỏi về ngành báo chí. Đọc tờ Tin Văn số 1 ra ngày 28-7-1935 chúng ta thấy ngay giấc mơ của ông đối với việc làm báo : *« Năm 1906 tôi được cử vào phái bộ sang dự cuộc đấu xảo ở Marseille. Gian hàng của Bắc Kỳ dựng liền với gian hàng của tờ báo Le Petit Marseillais. Ông chủ của tờ báo ấy muốn làm quảng cáo cho báo mình đã khuân cả cái tòa báo vào trong trường đấu xảo : xưởng máy, tòa soạn, trị đủ cả. Hằng ngày tôi thấy cái cảnh hoạt động trong tờ báo ấy mà thèm, máy chạy ầm ầm, phóng viên đi lấy tin tới tấp. Tôi thấy như đam mê cái nghề làm báo. Cả ngày tôi sang học hỏi hết cái này, cái nọ, ông chủ báo ôn tồn giảng dạy cho tôi rất tử tế ».*

Sau đó lúc trở về Việt Nam, Nguyễn Văn Vĩnh cộng tác với ông Đỗ Thuận giữ phần chữ quốc ngữ của tờ Đăng Cổ Tùng Báo. Ngoài ra ông còn chịu khó nghiên cứu học hỏi về kỹ thuật ngành in nữa.

Sau khi tờ Đăng Cổ Tùng Báo đình bản, Nguyễn Văn Vĩnh đảm nhiệm hai tờ báo khác bằng tiếng Pháp : tờ Notre Journal (1908) và tờ Notre Revue (1910) và một tờ báo bằng tiếng Việt xuất bản ở Saigon, tờ Lục Tỉnh Tân Văn. Năm 1913, với tư cách là chủ bút, Nguyễn Văn Vĩnh quản nhiệm tờ Đông Dương Tạp Chí xuất bản ở Hà Nội năm 1913, rồi lại quản nhiệm thêm một tờ báo khác là tờ Trung Bắc Tân Văn của FHF Schneider. Năm 1919, vì sức khỏe yếu kém, ông Schneider rút lui và giao cho Nguyễn Văn Vĩnh trông coi, khi đó ông Vĩnh đổi tờ báo này thành một nhật báo, đồng thời ông mua lại luôn tất cả dụng cụ của nhà in Trung Bắc Tân Văn. Cũng vào năm 1919, tờ Đông Dương Tạp Chí trở thành « Học Báo » tức là tờ báo có tính cách sư phạm do chính Nguyễn Văn Vĩnh điều khiển. Ông Nguyễn Văn Vĩnh còn thành lập cùng với ông Emile Veyrac, nhờ vào nhà in mua lại của Ông Schneider, một ban tứ thư lấy tên là « Tư Tưởng Tây Phương » chuyên việc xuất bản những tác phẩm văn dịch từ Pháp ngữ.

Năm 1931, với tư cách là Giám Đốc và Chủ Bút, Nguyễn Văn Vĩnh còn điều khiển một tờ báo khác lấy tên là L'Annam Nouveau tức là tờ báo mà ông Vĩnh cho ra đời trong dịp bút chiến giữa ông Phạm Quỳnh chủ bút tờ Nam Phong về vấn đề « chế độ trực trị và chế độ quân chủ lập hiến ».

Có một điều đặc biệt là Nguyễn Văn Vĩnh chẳng những điều khiển và trông nom rất nhiều tờ báo nhưng ông cũng viết rất nhiều. Ông viết hầu hết những bài báo từ xã luận đến tiểu thuyết, dịch thuật, dưới rất nhiều tên ký khác nhau. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng Nguyễn Văn Vĩnh là người đầu tiên đã biết lợi dụng và phát triển ngành báo chí cũng như ngành ấn loát tại Việt Nam.

Ngoài những hoạt động trong làng báo, Nguyễn Văn Vĩnh cũng rất thích bước chân vào sự nghiệp chính trị. Năm 1907, ông là người Việt đầu tiên được bầu làm Hội viên của Hội Nhân Quyền và cũng vào năm này ông vào giảng dạy ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục do các nhà ái quốc Việt

Nam tổ chức. Sau đó, ông đăc cử vào Hội Đồng Tư Vấn Bắc Kỳ. Năm 1932, Nguyễn Văn Vĩnh được cử lần thứ hai vào phái bộ Việt Nam cùng với vua Khải Định sang Pháp dự cuộc đău xảo quốc tế tại Marseille.

Từ năm 1931, Nguyễn Văn Vĩnh đề ra chủ thuyết trực trị cho Việt Nam, một chủ thuyết trái ngược với chế độ quân chủ lập hiến do Phạm Quỳnh đề xướng. Ngoài ra, với những bút hiệu khác như Tân Nam Tử, Trần Thị Loan, Nguyễn Văn Vĩnh đă viết nhiều bài sống động, thú vị, dí dỏm. Tuy mang một tinh thần hoàn toàn thân Pháp, Nguyễn Văn Vĩnh đă góp phần rất lớn vào việc thành lập nền văn học nước nhà.

Sau khi đă dành hầu như hết cả cuộc đời cho báo chí mà vẫn không có được cuộc sống đầy đủ, Nguyễn Văn Vĩnh thực hiện chuyến đi cuối cùng của đời ông : Ông sang Lào cùng với một người bạn Pháp tên Clément với hy vọng tìm được vàng, nhưng vàng không thấy, ông lâm trọng bệnh rồi mất vào ngày 2-5-1936.

PHAN KẾ BÍNH

Sinh năm 1875 ở Hà Đông, Ông Phan Kế Bính đỗ cử nhân Hán Học và phụ trách phần Hán văn của tờ Đăng Cổ Tùng Báo vào năm 1907. Ông cũng viết cho tờ Đông Dương Tạp Chí và trở thành biên tập viên đăc lực nhất của tờ báo này.

Một thời gian rời Bắc Việt, Ông Phan Kế Bính cộng tác với Lục Tỉnh Tân Văn ở Nam Kỳ. Năm 1914, ông trở về Bắc viết cho Đông Dương Tạp Chí. Đến năm 1918 khi tờ Đông Dương Tạp Chí đổi thành Học Báo, ông chuyên viết những bài xã luận cho tờ này. Ngoài tài học uyên bác về Hán Văn, Phan Kế Bính còn nghiên cứu thâm sâu về môn văn chương quốc âm và các phong tục nước nhà. Ông là một nhà báo kỳ cựu từng nổi bật trong thời gian cộng tác với Đông Dương Tạp Chí, Trung Bắc Tân Văn, Học Báo.

Phan Kế Bính cũng đă từng đạt được một văn nghiệp đăng kể. Ông viết nhiều về đủ mọi bộ môn : trước tác, dịch thuật, nghị luận, khảo cứu. Các tác phẩm của ông trong thời gian làm báo gồm những thiên truyện dài như Nam

Hải Dị Nhân liệt truyện, Hưng Đạo Đại Vương truyện, những thiên khảo cứu như Việt Nam Phong Tục, Việt Hán văn khảo, và các tác phẩm dịch thuật như Tam Quốc Chí diễn nghĩa, Việt Nam nhất thống chí, và Đại Nam diễn lễ toát yếu.

Phan Kế Bính có một lối văn rất đanh thép, nhất là trong những bài nghị luận, nhưng trong các tác phẩm dịch thuật, lối văn của ông rất tự nhiên, lột hết được tinh thần của nguyên bản.

Ngoài tên thật, Phan Kế Bính còn có bút hiệu là Bưu Văn. Ông mất vào ngày 30-5-1921 tại quê nhà ở Hà Đông.

PHẠM QUỲNH

Phạm Quỳnh sinh năm 1892, lấy biệt hiệu là Thượng Chi, Hồng Nhân, người làng Thượng Hồng tỉnh Hải Dương. Sau khi đậu bằng Cao đẳng Tiểu Học, và tốt nghiệp Trường Thông Ngôn, ông được cử làm thư ký cho viện Viễn Đông Bác Cổ. Trong thời kỳ này, ông có dịp tham khảo những tài liệu quý giá và nhờ vậy mà kiến thức của ông rất rộng rãi. Ông bắt đầu cuộc đời làm báo năm 1913 bằng tờ Đông Dương Tạp Chí và rồi làm chủ bút cho tờ Nam Phong Tạp Chí. Trong suốt mười năm làm báo, ông đã xây đắp cho nền quốc văn một nền móng vững chắc và đã thấm thậ tư tưởng văn hóa Âu Tây để làm giàu, bổ khuyết cho nền văn hóa cổ truyền. Từ năm 1932, ông từ giã cuộc đời làm báo để bước chân vào chính trường, lần lượt nắm giữ những chức vụ Thượng Thư Bộ Học, Thượng Thư Bộ Lại kiêm Ngự Tiền văn phòng cho Hoàng Đế Bảo Đại. Năm 1942, sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền, ông bị kết án là thân Pháp và bị hạ sát.

Văn nghiệp của Phạm Quỳnh rất lớn, gồm rất nhiều tác phẩm chia ra làm nhiều thể loại : loại dịch thuật với những tác phẩm Phương Pháp Luận, Đời Đạo Lý, Lời cách ngôn của Marc Aurèle, Tuồng Lô Sích và Tuồng Hoà Lạc. Về trước tác phẩm, ông đã viết Mười Ngày ở Huế, Một Tháng ở Nam Kỳ, Pháp Du Hành Nhật Ký và một số tác phẩm về tục ngữ, ca dao Việt Nam. Ngoài hai loại trên đây, Phạm Quỳnh viết nhiều thiên khảo cứu và

nghị luận như Văn Học Nước Pháp, Khảo về Tiểu Thuyết, Bàn về quốc học, Văn Minh Luận, cùng với một số tác phẩm về xã hội và tôn giáo. Những tác phẩm trên có tính cách văn chương, chính trị và triết học. Những bài khảo cứu của ông rất công phu. Văn Phạm Quỳnh, dù diễn tả trên mặt báo hay trên sách, cũng rất hùng hồn, thường thường có giọng thiết tha. Tuy vậy, cũng có những bài viết quá nặng nề vì dùng nhiều danh từ Hán Việt quá.

Phạm Quỳnh mất năm 1945 sau khi đã đóng góp một di sản quý giá cho làng báo và làng văn Việt Nam.

NGUYỄN BÁ HỌC

Nguyễn Bá Học sinh năm 1857 tại làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Ông theo học Hán văn từ hồi nhỏ nên rất uyên thâm Hán Học, sau lại đậu bằng Cao đẳng Tiểu Học Pháp nên rất giỏi Pháp văn và chữ quốc ngữ. Ông dạy học hơn 20 năm và là một nhà mô phạm gương mẫu. Đi vào làng báo, ông cũng trở thành một nhân vật nổi bật, với những chuyện sáng tác, trú thuật.

Văn nghiệp của Nguyễn Bá Học được giới làm báo tại Việt Nam cho là quan trọng ở tính chất khai phá vì ông là người đầu tiên viết truyện ngắn theo lối mới. Các truyện ngắn của ông được đăng trên Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí rất nổi tiếng lúc bấy giờ. Một số truyện tiêu biểu khuynh hướng của Nguyễn Bá Học là Câu Chuyện gia đình, Câu Chuyện Nhà Sư. Tuy ngày nay các truyện ngắn của ông đã trở nên cổ nhưng vẫn còn chứa đựng tính chất luân lý đạo đức, giáo dục. Lối văn của Nguyễn Bá Học bình dị, ít vẻ hoa mỹ nhưng ý tứ thâm trầm. Ông mất vào năm 1921.

PHAN KHÔI

Phan Khôi biệt hiệu Chương Dân, sinh năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông đỗ Tú Tài Hán Học, từng cộng tác với rất nhiều báo. Các văn phẩm của Phan Khôi phần nhiều là các bài nghị luận hoặc phê bình, hay khảo cứu đăng trong tờ Lục Tỉnh Tân Văn, Đông

Pháp Thời Báo, Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn, Phụ Nữ Thời Đàm, Nam Phong, Tràng An, Sông Hương.

Phan Khôi xuất thân từ dòng dõi nổi tiếng. Thân sinh của ông là Phan Trân, trước làm Tri Phủ phủ Điện Khánh nhưng sau từ quan về nhà dạy học. Thân mẫu ông là con gái cụ Hoàng Diệu. Năm 1907, Phan Khôi rời quê ra Hà Nội tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Trong cuộc biểu tình đòi giảm thuế xảy ra ở Quảng Nam vào năm 1908, ông bị bắt giam cho đến năm 1914 mới được thả. Thoát khỏi nhà tù thực dân, ông lăn xả vào cuộc đời làm báo, viết cho rất nhiều tờ tại cả miền Trung, Nam và Bắc. Năm 1945, ông đi theo Việt Minh.

Ngoài các bài viết báo, Phan Khôi còn sáng tác rất nhiều tác phẩm. Ông còn nổi tiếng là nhà thơ Việt Nam đầu tiên mở đường cho phong trào thơ mới, với bài thơ bất hủ « **Tình Già** » :

*Hai mươi năm xưa
Một đêm vừa gió lại vừa mưa
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ
Đôi mái đầu xanh, kề nhau than thở
« Ôi đôi ta thương nhau thì vẫn nặng
Mà lấy nhau hẵn là không nặng
Để đến nỗi tình trước phụ sau
Chi bằng sớm liệu mà buông nhau »...*

Nhận xét chung về Phan Khôi, các nhà phê bình văn học cho rằng ông tuy là một nhà cựu học nhưng tư tưởng của ông rất mới mẻ. Ông phê bình rất táo bạo với lời văn hoạt bát, tự nhiên pha lẫn dí dỏm khiến những bài báo của ông luôn luôn có đủ sức thu hút độc giả. Ngoài ra, văn chương của Phan Khôi luôn luôn biểu lộ một sức sống mãnh liệt và một tinh thần bất khuất gắn liền vào lương tri của con người cầm bút chỉ biết sống theo lý tưởng của mình. Dù trong hoàn cảnh khó khăn đến mấy, Phan Khôi cũng xứng đáng tiêu biểu cho người làm báo, làm văn chân chính, không hề run sợ trước bạo lực và cường quyền, cũng như không thể bị tư lợi làm cho mất nhân cách. Tác phẩm luận đề mang tên « **Nặng Chiều** » của ông, nội dung chứa đựng

những lập luận vững chắc, nhưng không được nhà cầm quyền Hà Nội cho phép xuất bản.

Những năm cuối cùng trong đời, Phan Khôi đã chứng tỏ lối sống bất khuất của ông bằng cách tự do viết những cảm nghĩ thực của ông trong tờ Nhân Văn Giai Phẩm tại Hà Nội. Vụ này đã gây sôi nổi một thời gian trong giới báo chí Việt Nam ở cả hai miền, và cũng đã khiến cho mọi người cảm bút tỏ lòng thán phục ông như một nhà văn còn giữ được những tình cảm chân thực của con người giữa xã hội máy móc tàn bạo. Câu nói nổi tiếng của ông dưới đây đã khiến ông phải đi vào cuộc sống tù đày sau khi gây nên vụ án « Nhân Văn Giai Phẩm » :

*« Khi ghét cứ nói rằng ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không đổi ghét thành yêu
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không đổi yêu thành ghét ».*

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

Nguyễn Trọng Thuật sinh năm 1882, lấy hiệu là Đồ Nam Tử, người xã Mạn Nhuế, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Ông tinh thông Hán học, trước đi dạy học sau viết cho khá nhiều tờ báo đặc biệt là Nam Phong Tạp Chí và Đuốc Tuệ. Riêng trong tờ Đuốc Tuệ, ông ký tên là Tràng Thiệt cư sĩ.

Những tác phẩm của Nguyễn Trọng Thuật gồm đủ mọi bộ môn : tiểu thuyết, khảo cứu, nghị luận và thơ. Năm 1925, cuốn tiểu thuyết mang nặng tính chất giáo dục của ông, tựa đề « Quả Dưa Đỏ » đã được giải thưởng của Hội Khai Trí Tiến Đức. Đây là một tiểu thuyết luận đề đặc sắc, đề cao sự chịu đựng của con người và thuyết duy linh, tin vào quyền năng của thượng đế. Ngoài ra, ông viết cuốn « Thơ Ngụ Ngôn » gồm hai quyển, một do chính ông soạn, còn một cuốn do ông diễn giải những bài thơ ngụ ngôn cổ của Trung Hoa. Trong khi hoạt động về báo chí, Nguyễn Trọng Thuật vẫn ôm

mộng phát triển tiếng quốc ngữ, do đó ông đã sáng tác cuốn « Việt Văn Tinh Nghĩa » nói về nguồn gốc tiếng Việt và bàn việc đặt văn phạm tiếng Việt theo tiếng Pháp cho được chính xác và khoa học.

Nguyễn Trọng Thuật cũng được ca ngợi là một nhà báo tài ba khi ông viết cho tờ Nam Phong Tạp Chí. Một thời gian, tên tuổi ông vang dội trong làng báo nhờ cuộc bút chiến với Phan Khôi trên tờ Phụ Nữ liên quan đến việc thẩm định nền quốc học vào năm 1931, theo đó Ông Phan Khôi cho rằng nước ta chưa có được một nền quốc học.

Nguyễn Trọng Thuật, để đối chọi lại Phan Khôi, đã viết rằng dân tộc nào cũng có những sáng tạo riêng nên dù có chịu ảnh hưởng ngoại lai chẳng nữa thì Việt Nam vẫn có một nền quốc học. Quan điểm của ông cho thấy ông là một chiến sĩ văn hóa nặng lòng với việc phát huy nền văn hóa cổ.

Vai trò của Nguyễn Trọng Thuật trong làng báo Việt Nam còn quan trọng ở chỗ ông là người đầu tiên viết một cuốn tiểu thuyết phiêu lưu (Quả Dưa Đỏ) khiến ông trở thành người tiên phong trong trào lưu sáng tác. Trong khi đó, những bài khảo luận của ông, tuy không xuất sắc bằng Phan Kế Bính nhưng cũng có công làm cho nền văn học Việt Nam thêm phần phong phú.

Nguyễn Trọng Thuật mất năm 1940 sau gần hai chục năm hoạt động trong làng báo kể từ Nam Phong Tạp Chí.

NGUYỄN VĂN TỐ

Sinh năm 1889, Nguyễn Văn Tố lấy biệt hiệu là Ứng Hoà, xuất thân từ trường Thông Ngôn và Trường Luật Hà Nội. Ông phục vụ cho Viện Bác Cổ Viễn Đông một thời gian rồi gia nhập phong trào kháng chiến chống Pháp.

Gia nhập hàng ngũ những người làm báo, Nguyễn Văn Tố khởi hành bằng tờ Đông Dương Tạp Chí, rồi tới Tri Tân Tạp Chí và Đồng Thanh tạp chí. Ngoài ra, ông còn viết bài cho tập kỷ yếu của Trường Viễn Đông Bác Cổ và tập kỷ yếu của Hội Trí Tri Bắc Kỳ.

Công lao của Nguyễn Văn Tố đối với nền văn học Việt Nam cũng xuất phát từ những ngày ông viết báo. Ông chuyên dịch những tài liệu hay từ Pháp ngữ sang Việt ngữ, cùng với rất nhiều bài phê bình, khảo cứu, đính chính các tác phẩm văn học và lịch sử Việt Nam. Ông cũng từng viết nhiều tác phẩm khảo cứu quan trọng như Đại Nam Dật Sử và Những Ông Nghè Triều Lê.

Nhận định tổng quát về Nguyễn Văn Tố, giới phê bình văn học cho rằng ông là một người làm báo vì lý tưởng văn hóa, đồng thời là một học giả uyên thâm, một nhà khảo cứu tận trọng, một người thiết tha với nền văn hóa dân tộc. Ông đã thực hiện được một việc rất cần thiết mà nhiều nhà văn học chờ đợi là đính chính những sai lầm trong các tác phẩm văn chương và lịch sử Việt Nam. Lỗi văn của ông nhẹ nhàng, lưu loát, ít dùng chữ Hán nên rất bình dị.

Nguyễn Văn Tố mất năm 1947 khi đang hoạt động tại chiến khu chống Pháp.

NGUYỄN AN NINH

Ra đời năm 1900, Nguyễn An Ninh dành suốt cả cuộc đời mình cho cách mạng và mất năm 1943 tại Côn Đảo.

Nếu như những người khác sẵn sàng chấp nhận một cuộc sống do thực dân sắp đặt, chắc chắn Nguyễn An Ninh có thể vinh thân phì gia trong cuộc đời nhung lụa... Nhưng ông đã từ bỏ tất cả mọi đặc ân do người Pháp ban phát để chấp nhận một cuộc sống đầy gian nan thiếu thốn.

Nguyễn An Ninh nguyên quê quán tại ấp Mỹ Hoà, Hóc Môn, Gia Định. Ngày đi học, ông được cấp hai học bổng để theo học Trường Đại Học Hà Nội rồi qua Pháp đậu bằng Cử Nhân Luật. Trong thời gian ở Pháp, ông đã du lịch sang Ý, Áo, Đức, Hoà Lan và Bỉ.

Ngày đi vào làng báo, Nguyễn An Ninh còn rất trẻ, lạc quan và nổi danh về trí thông minh. Ông từng diễn thuyết ở nhiều nơi về những cao trọng của thanh niên và được nhiều người hâm mộ về tài hùng biện. Ngày

24-3-1925, Nguyễn An Ninh cầm đầu cuộc biểu tình ở Saigon và bị bắt, truy tố ra toà. Tính tổng cộng, Nguyễn An Ninh đã phải vào tù tất cả 5 lần nhưng vẫn không hề nản chí. Mỗi khi được thả ra, ông lại tiếp tục tranh đấu cho cách mạng qua phương tiện báo chí của ông là tờ La Cloche Felée, một tờ báo có sinh khí vũ bão tranh đấu chống nhà cầm quyền Pháp. Trong thời gian đầu, tờ La Cloche Felée được phát hành mỗi tuần một lần, nhưng từ số 20 trở đi, tờ báo này được đổi thành mỗi tuần 2 lần và trở thành cơ quan tuyên truyền dân chủ với chủ trương ghi ngay trên mặt báo « Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh ».

Lịch sử báo chí Việt Nam ghi nhận Nguyễn An Ninh là người đầu tiên bị nhà cầm quyền Pháp kết án nặng nề. Lần đầu ra toà, ông bị 18 tháng tù. Lần sau 3 năm tù ở. Lúc đó chính là lúc ông điều khiển tờ La Cloche Felée ở vào thời kỳ có ảnh hưởng mạnh nhất. Lần thứ ba, Nguyễn An Ninh cũng lại vào tù vì tờ báo của ông, rồi đến lần thứ tư bị 5 năm biệt xứ vì hành động chính trị. Lần cuối cùng, ông bị lưu đầy ra Côn Đảo cho tới ngày bị bệnh mà chết.

Cuộc đời của Nguyễn An Ninh là cuộc đời của một chiến sĩ. Trong suốt những ngày làm báo, ông chỉ mong truyền bá những tư tưởng ái quốc và đề cao tinh thần bất khuất của người trí thức trước sự tồn vong của đất nước. Ngoài tờ La Cloche, Nguyễn An Ninh cũng còn cộng tác với một vài tờ báo tiếng Pháp theo cùng đường lối như tờ La Cloche nhưng ít ảnh hưởng hơn. Rồi tới khi ông vào tù, tờ báo được giao lại cho Phan Văn Trường điều khiển nhưng chỉ được một thời gian thì tờ báo đình bản.

Đối với quần chúng Việt Nam, và nhất là giới trẻ, Nguyễn An Ninh là một thần tượng của cuộc đấu tranh chống Pháp. Ông được ca tụng là người có một lý tưởng không thể lay chuyển được, và lúc nào cũng sống với lý tưởng đó. Ngoài việc làm báo, Nguyễn An Ninh còn đi về các tỉnh xa và các vùng nông thôn để sống với quần chúng, diễn thuyết, khơi động tinh thần dân tộc. Ngay từ ngày còn đi học tại Pháp, ông cũng đã từng diễn thuyết cho các sinh viên Việt Nam nghe và ông đã công khai đá kích chính sách thực dân của người Pháp tại Đông Dương.

Một điểm đặc biệt khác về Nguyễn An Ninh là ông sống thật liêm khiết và thiếu thốn từ ngày còn nhỏ cho tới lúc lìa đời.

BÙI QUANG CHIÊU

Cộng tác với tờ Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu không nổi tiếng được như Phạm Quỳnh nhưng cũng đã đóng một vai trò quan trọng về những vấn đề văn học, nghệ thuật, triết học. Ở miền Nam, nhà báo Bùi Quang Chiêu được nhiều người biết tới là nhờ ông có chân trong Đảng Lập Hiến Đông Dương và là Giám Đốc của tờ La Tribune Indochinoise.

Sanh quán tại Bến Tre, chào đời năm 1873, Ông Bùi Quang Chiêu du học tại Algérie, bạn với Van Vollenhoven là người sau này được cử làm Toàn Quyền tại Đông Dương. Sau khi thi đậu Tú Tài tại Alger, Bùi Quang Chiêu vào học Trường Canh Nông tại Paris, ra trường năm 1897 với bằng Kỹ Sư Canh Nông.

Về Saigon, ông làm việc cho Viện Khảo Cứu Saigon, khi trường Canh Nông Huế thành lập, triều đình Huế mời ông ra dạy. Năm năm sau, chính phủ Pháp bổ nhiệm ông làm Phó Giám Đốc Nha Canh Nông ở Hà Nội. Năm 1907, ông được nhà nước giao phó chăm sóc thí điểm nuôi tằm và dệt lụa ở Tân Châu. Năm 1913, ông trở lại Hà Nội để nghiên cứu vấn đề tơ lụa. Tất cả những công việc này, dù đưa lại cho ông nhiều lợi lộc và danh vọng, nhưng vẫn không lôi cuốn ông bằng nghề viết báo.

Bùi Quang Chiêu sống một cuộc đời rất đa dạng : làm báo, làm chính trị, làm kinh thương, và tương đối thành công trong cả mọi ngành hoạt động. Riêng trong ngành báo chí, ông luôn luôn đi theo chiều hướng dung hoà giữa những ảnh hưởng tương phản và chủ xướng chính sách « Pháp Việt đề huề ». Theo ông : « người Pháp đã góp phần thắt chặt tình thân hữu Việt Pháp tạo nền móng vững chắc để từ đó Đông Dương sẽ vươn lên đẹp đẽ và vững mạnh. Người Việt Nam đã từng yêu mến nhiều người Pháp có thiện

chí, mà họ xem như là bạn thân, là anh cả. Những người anh cả này sẵn sàng đền đáp lại, giúp đỡ đàn em... »

HOÀNG TÍCH CHU

Hoàng Tích Chu là người tiêu biểu cho phái làm báo chuyên nghiệp. Ông sinh năm 1897 và chết yếu vào năm 1932 nhưng đã giúp ích rất nhiều cho làng báo Việt Nam.

Sau khi du học ở Pháp về, Hoàng Tích Chu chủ trương tờ Đông Tây, nhờ đó ông có đất đứng để làm đảo lộn tất cả kỹ thuật làm báo cũng như phương pháp hành văn báo chí. Thời bấy giờ, văn xuôi trên báo thường rất dài dòng, nặng về điển tích và dùng quá nhiều chữ Nho không cần thiết. Hoàng Tích Chu đã giới thiệu lối hành văn đơn giản, sáng sủa, khiến người đọc dễ lãnh hội hơn theo kiểu hành văn của báo chí Pháp. Thoạt tiên các bạn đồng nghiệp của ông không mấy tán thành nhưng rồi họ bắt chước theo. Quả là Hoàng Tích Chu đã mở một phong trào mới, cải tiến lối hành văn không riêng gì cho báo chí mà còn giúp ích cho cả tiểu thuyết và truyện ngắn.

Năm 1927, Hoàng Tích Chu, với sự cộng tác của Đỗ Văn Phối, đã điều khiển tờ Hà Thành Ngọ Báo, đánh dấu một bước tiến mới so với các báo đã ra mắt trước đó. Cũng trên tờ báo này, Hoàng Tích Chu đã phá lối văn mang nặng dấu vết biên ngẫu, chứa đựng toàn điển tích Trung Hoa, và áp dụng lối văn mới gọn gàng, sáng sủa. Bằng lối văn này, ông đã viết những bài xã luận thật sắc bén và hữu hiệu. Ngoài ra ông còn « cách mạng » cả bộ mặt của tờ báo bằng cách thay đổi vị trí của các mục tin tức và xã luận để làm nổi bật tính cách thời sự sốt dẻo của nội dung tờ báo.

Quả thật Hoàng Tích Chu đã thực hiện một cuộc cách mạng trong làng báo Việt Nam. Lúc ban đầu, ông đã gặp phản ứng dữ dội vì độc giả chưa quen với lối hành văn tắt, ngắn gọn mà họ chê là quá văn tắt, văn lai Tây, lập dị, khô hàn. Hậu quả là báo bán không được, thiệt hại rất nhiều về phương diện tài chánh. Nhưng về sau, với trình độ dân trí cao thêm, lối hành văn của ông đã được các báo khác khai thác một cách mỹ mãn. Tuy vậy, trong cuộc

đời làm báo, Hoàng Tích Chu đã mắc phải một khuyết điểm lớn : đó là ông đã đề cao quá lối sống buông thả của Tây Phương và áp dụng ngay lối sống đó cho chính mình. Cả nhóm người viết báo của ông sống rất phóng túng, rượu chè, khiêu vũ, hút thuốc phiện và nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, trong khi làng báo Việt Nam sống rất đạo mạo và khép mình vào trong các khuôn phép cổ. Chính nhóm Hoàng Tích Chu đã thúc đẩy thanh thiếu niên Việt Nam vào con đường trác táng qua ảnh hưởng của tiểu thuyết và thơ.

Các nhà khảo sát lịch sử Báo Chí Việt Nam cũng nhận định rằng, Hoàng Tích Chu, xuất thân từ tầng lớp trí thức tư sản và sau một thời gian học tập về báo chí tại Pháp, khi trở về nước, đã sống theo nền văn minh mới của Pháp nhiều hơn tập tục Việt Nam. Về cá nhân, ông muốn mô phỏng nếp sinh hoạt Âu Châu, trong khi về nghề nghiệp, ông mô phỏng kỹ thuật của Pháp. Khi làm báo, ông đặt nặng vai trò thông tin hơn vai trò giáo dục quần chúng, và dĩ nhiên coi nhẹ khía cạnh luân lý, triết học và truyền thống dân tộc. Kể từ thời Hoàng Tích Chu, các ký giả Việt Nam từ bỏ y phục lối cổ mà mặc Âu Phục, đi đâu thì xách máy ảnh bên người cho thiên hạ biết ngay mình là « thầy ký giả ». Hình ảnh một ký giả Việt Nam ngay từ ngày đó cũng đã không khác một ký giả ngoại quốc.

Về phương diện văn học, ảnh hưởng của Hoàng Tích Chu tuy có nhưng yếu ớt. Ông thường bị nhiều luồng dư luận chỉ trích nặng nề về việc đề cao lối sống phóng túng, hưởng lạc cá nhân và thói quen của ông là « thách đấu súng hay đấu kiếm » mỗi khi muốn kết thúc một cuộc bút chiến trên mặt báo. Thói quen này ông cũng bắt chước theo các ký giả Tây Phương vào cuối thế kỷ 19. Sự chỉ trích nặng nề nhất dành cho ông là việc phổ biến tư tưởng lãng mạn của Tây Phương để chi phối giới trẻ Việt Nam làm va chạm mạnh tới nền luân lý phong kiến Khổng Mạnh.

SƯƠNG NGUYỆT ANH

Các tài liệu văn học ghi nhận quá ít về một nhân vật có tầm vóc quá lớn trong lịch sử báo chí : đó là Bà Sương Nguyệt Anh, người chủ trương tờ báo

dành cho nữ giới ra mắt lần đầu tiên vào năm 1918, tờ « Nữ Giới Chung » (Tiếng Chuông của phái nữ).

Nữ sĩ Sương Nguyệt Anh là con gái cụ Đồ Chiểu, lúc còn nhỏ theo cha học Hán văn nhưng sớm chuyển qua Âu học cho tới ngày đỗ Cao Đẳng Tiểu Học thì nhập vào hàng ngũ làng báo bằng tờ Nữ Giới Chung với mục đích giải phóng chị em phụ nữ khỏi bao nhiêu trói buộc của luân lý phong kiến. Nữ sĩ Sương đã nuôi giấc mộng xã hội này ngay từ khi còn nhỏ nhưng chưa có cơ hội thực hiện. Mãi cho đến khi phong trào báo chí nổi lên rầm rộ và ảnh hưởng đời sống Tây Phương bắt đầu thấm vào xã hội Việt Nam qua ảnh hưởng của những người làm báo cấp tiến như nhóm Hoàng Tích Chu, Sương Nguyệt Anh mới quyết đứng dậy thực hiện lý tưởng xã hội của mình, và mở đầu cho phong trào báo chí phụ nữ.

Nhưng trong cuộc đời làm báo, Sương Nguyệt Anh không gặp được con đường bằng phẳng dễ dàng. Tờ Nữ Giới Chung do bà chủ trương tuy có gặt hái được chút ít thành công nhưng đã gặp phản ứng dữ dội vì lý do lúc đó phái yếu ở xứ ta vẫn còn thờ ơ với thời cuộc và thường không ưa thích những cải tiến quá táo bạo dù những cải tiến này có lợi cho họ. Tờ báo do đó phải đình bản nhiều lần, sau những số báo đầu tiên cố động cho việc phái yếu thoát ly gia đình để tham gia các công tác xã hội bị đả kích, bị chê cười mỉa mai. Thiếu sự ủng hộ của đồng bào, tờ báo không có độc giả trong phái yếu và chỉ lần hồi phát triển được trong những năm sau 1930. Tuy vậy, Sương Nguyệt Anh vẫn không nản lòng và vẫn tiếp tục sống chết với nghề làm báo. Trong lịch sử báo chí Việt Nam, nữ sĩ Sương Nguyệt Anh là người đầu tiên của phái nữ góp mặt vào hàng ngũ những người cầm bút chuyên nghiệp.

ĐÀO TRINH NHẤT

Đào Trinh Nhất, một người làm báo nhà nghề, gia nhập hàng ngũ những người làm báo vào năm 1929 với tờ « Phụ Nữ Tân Văn » tại Saigon, do bà Chủ Nhiệm Nguyễn Đức Nhuận trông coi. Ngay sau khi bắt tay cộng tác, Đào Trinh Nhất đã trở thành nổi tiếng hơn cả bà Chủ Nhiệm. Năm 1942,

Đào Trinh Nhất cộng tác với tờ Trung Bắc Chủ Nhật và viết nhiều bài khảo cứu giá trị trên tờ này.

Công lao của Đào Trinh Nhất đối với làng báo Việt Nam rất lớn. Tuy không là người đầu tiên khai sáng phong trào báo phụ nữ, Đào Trinh Nhất là một chiến sĩ xã hội luôn luôn hướng về đại chúng. Trong khi giữ chức chủ bút cho tờ Phụ Nữ Tân Văn, Đào Trinh Nhất đã chú trọng tới các mục thường xuyên về ý kiến đối với thời sự, vấn đề giải phóng phụ nữ Việt Nam, vấn đề tổ chức gia chánh, vệ sinh, khoa học và đặc biệt hơn hết là mục dành cho nhi đồng.

Một điểm khác đã giúp cho Đào Trinh Nhất thành công trong nghề làm báo là việc dùng tờ Phụ Nữ Tân Văn vào khuynh hướng chính trị. Mặc dù tờ báo này, như danh nghĩa của nó, chỉ nhằm vào đối tượng chính là lối sống nữ giới, nó đã được sử dụng để khơi động ý thức dân tộc trong đám quần chúng đông đảo và thành công vượt bậc. Cũng trong khi trông coi tờ báo này, Đào Trinh Nhất đã kết hợp được những người cầm bút có thành tích cách mạng để dễ dàng kích động dư luận.

Đào Trinh Nhất cũng được coi là người làm báo nặng tinh thần xã hội.

NHẤT LINH (1906-1963)

Nhất Linh, một khuôn mặt nổi bật trong làng báo Việt Nam và cột trụ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, sinh tại làng Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương, Quảng Nam. Tên thật của ông là Nguyễn Tường Tam, và ngoài bút hiệu Nhất Linh, ông còn dùng bút hiệu Nhị Linh, Bách Linh.

Ông học Trường Bưởi Hà Nội, đậu bằng Thanh Chung năm 1920 và làm thơ ký sở Tài Chánh. 6 năm sau, ông cho ra đời cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông là cuốn « Nho Phong », sau đó sang Pháp du học, đậu bằng Cử Nhân Khoa Học và trở về nước năm 1930. Kể từ đó ông lăn xả vào nghề làm báo.

Bước đầu tiên của Nhất Linh là điều khiển tờ Phong Hóa, do ông Phạm Hữu Ninh trao lại vào năm 1932. Tới năm 1935, ông sáng lập tờ « Ngày

Nay » gây một tiếng vang lớn. Năm 1945, ông từ Trung Hoa trở về và chủ trương tờ Việt Nam để chống lại Việt Minh. Sau Hội Nghị Genève, ông lập nhà xuất bản Phương Giang và chủ trương giai phẩm « Văn Hóa Ngày Nay ».

Song song với nghề làm báo, Nhất Linh hoạt động chính trị chống Pháp, chống Việt Minh, chống mọi hình thức thực dân, độc tài, và năm 1960, ông thành lập Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết chống chế độ Ngô Đình Diệm. Ngày 7-7-1963, ông dùng độc dược tự tử trước ngày bị chế độ Ngô Đình Diệm đưa ra Tòa án xét xử. Cái chết của ông đã gây xúc động mãnh liệt ở trong nước cũng như trên quốc tế. Trên cả hai phương diện chính trị và văn hóa, Nhất Linh có một tầm vóc ít nhà văn khác sánh kịp.

Về phương diện văn hóa, Nhất Linh là người có công lớn nhất trong thời tiền chiến, nhờ sự nghiệp của ông trong ngành báo chí. Chính ông đã đưa tờ Phong Hóa từ chỗ không ai biết đến chỗ có ảnh hưởng sâu rộng trong mọi giới Tự Lực Văn Đoàn. Và tờ Ngày Nay sở dĩ có uy thế trội hẳn đối với các tạp chí khác một phần lớn cũng là nhờ tài tổ chức của ông. Những tác phẩm ông viết nhất là loại luận đề không những đã mở một chân trời mới cho cả một khuynh hướng văn chương mà còn gây được những thành quả vĩ đại về phương diện xã hội.

Về phương diện chính trị, Nhất Linh cũng được xưng tụng là nhà đại cách mạng có đủ thành tích chống thực dân, chống độc tài vừa bằng tư tưởng, bằng hành động, qua báo chí và qua các tác phẩm của ông. Cái chết đúng lúc của ông vào năm 1963 đã làm sáng thêm một gương phấn đấu bất khuất. Sau khi ông mất, nhiều nhà bình luận cho rằng chính cái chết của ông đã làm sống lại sự nghiệp chính trị và văn hóa của ông.

KHÁI HƯNG (1896-1947)

Tên thật là Trần Khánh Giu, Khái Hưng sinh tại làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, con ông Tuần Phủ Trần Mỹ.

Sau khi thi đỗ Tú Tài Pháp, Khái Hưng làm giáo sư Trường Tư Thục Thăng Long và đi ngay vào làng báo bằng tờ Phong Hóa, trên đó ông chuyên viết bài nghị luận. Năm 1932, khi tờ báo này được trao cho Ông Nguyễn Tường Tam điều khiển, Khái Hưng chuyển hướng sang địa hạt tiểu thuyết và dùng các tác phẩm của ông hỗ trợ cho lý tưởng xây dựng một xã hội mới, đả phá nếp sống cổ hủ và chậm tiến.

Trong những năm hoạt động chính trị, Khái Hưng vẫn không rời bỏ sáng tác. Năm 1941, ông và Hoàng Đạo bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam. Khi được thả ra, ông cộng tác với Nguyễn Tường Bách xuất bản tờ báo mới lấy tên là « Ngày Nay Kỷ Nguyên Mới ».

Năm 1945, Khái Hưng cộng tác với Nhất Linh làm tờ « Việt Nam » và viết những bài nghị luận chống đối Việt Minh thay cho Tú Mỡ. Năm 1947, khi tản cư ra khỏi Hà Nội, ông bị bí mật thủ tiêu.

Công nghiệp của Khái Hưng trong địa hạt báo chí và văn chương rất lớn cả về lượng và phẩm. Ông viết nhiều, và hầu như tác phẩm nào của ông cũng đạt được ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng. Ông viết đủ các bộ môn tiểu thuyết, kịch, truyện ngắn, truyện nhi đồng. Trên địa hạt văn chương, ông là cây bút cừ khôi nhất trong Nhóm Tự Lực Văn Đoàn và là một nhà văn tiên chiến. Tuy một số tiểu thuyết của Khái Hưng ít gây được dư luận sôi nổi nhất thời nhưng thường có giá trị vĩnh cửu và cho tới ngày nay, khi đọc lại những tiểu thuyết của ông, độc giả vẫn cảm thấy say mê và thấy rằng ông có một khả năng nhận định xác thực, tâm lý sắc bén với cách hành văn rất nhẹ nhàng nhưng tinh tế.

NGUYỄN TUÂN

Sinh năm 1913 tại Thanh Hóa, Nguyễn Tuân là một nhà văn, một nhà báo tiên chiến, nổi tiếng là con người hào hoa và khinh bạc. Con người ông bộc lộ rõ rệt trong văn chương của ông qua rất nhiều tác phẩm gồm tiểu thuyết, truyện ngắn và phóng sự thời đại.

Về phương diện báo chí, Nguyễn Tuân không phải là người làm báo mà chỉ dùng báo chí làm môi trường sáng tác. Ông viết trên các báo « Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tao Đàn, Hà Nội Tân Văn, Trung Bắc Chủ Nhật ».

Nhận xét tổng quát, Nguyễn Tuân thường có khuynh hướng mô tả một cách thơ mộng đời sống của giai tầng trí thức Việt Nam vào cuối thế kỷ trước. Ông không nổi tiếng bằng các nhân vật cột trụ của Tự Lực Văn Đoàn, nhưng có một bút pháp chải chuốt rất độc đáo, bay bướm, đầy nghệ thuật.

THẾ LỬ

Tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, Thế Lữ sinh năm 1907 tại Hà Nội. Ông theo học và tốt nghiệp ngành mỹ thuật. Cũng giống như Nguyễn Tuân, Thế Lữ dùng báo chí để sáng tác truyện và thơ, dưới bút hiệu Thế Lữ và Lê Ta. Ông cộng tác với các báo Phong Hóa, Ngày Nay, và Tinh Hoa.

Thế Lữ ít có công nghiệp đối với làng báo Việt Nam nhưng về phương diện văn chương, ông là người mở đường cho phong trào thơ mới nên địa vị của ông thật nổi bật trên văn đàn.

Về tiểu thuyết, Thế Lữ viết cũng khá nhiều, hầu hết đều có tính cách mạo hiểm, trinh thám rất hấp dẫn.

HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)

Hồ Biểu Chánh là một nhà văn lớn của miền Nam, đồng thời là một nhà báo tên tuổi. Ông sinh tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công. Ngay trong thời kỳ phôi thai của báo chí Việt Nam, Hồ Biểu Chánh đã có mặt. Ông cộng tác với 6, 7 tờ báo ban đầu như Đông Pháp Thời Báo, Nam Kỳ Tuần Báo, Phụ Nữ Tân Văn.

Văn nghiệp mà Hồ Biểu Chánh để lại gồm 60 bộ truyện dài, 2 tập thơ và nhiều sách biên khảo. Các tiểu thuyết của ông có tính cách tình cảm xã hội. Lối hành văn của ông giản dị, chân thực, biểu lộ lối sống bình dị của người miền Nam.

PHI VÂN

Tên thật là Lâm Thế Nhơn, Phi Vân sinh năm 1917 tại An Xuyên. Ông là một nhà văn và nhà báo kỳ cựu miền Nam, từng cộng tác với hầu hết các nhật báo ở Thủ Đô kể từ 1938 tới nay.

Là người nặng ý thức dân tộc, tranh đấu cho nền độc lập của đất nước, Phi Vân là một nhà báo có lý tưởng, muốn dùng báo chí làm phương tiện hữu hiệu yểm trợ cho cuộc tranh đấu. Các tác phẩm của ông đều đánh dấu từng giai đoạn đời sống dân quê miền Nam từ thời Pháp thuộc cho đến ngày cuộc cách mạng 1963 bùng nổ. Nổi bật nhất trong số tác phẩm này, cuốn « Đồng Quê » của ông đã được giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến Học Cần Thơ năm 1943.

Cùng với Hồ Biểu Chánh, Phi Vân tiêu biểu cho những nhà báo và nhà văn lớn của miền Nam.

TẢN ĐÀ (1888-1939)

Tản Đà tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, sinh tại làng Khê Thượng huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây.

Thời còn nhỏ, Tản Đà được người anh là Nguyễn Tái Tích nuôi cho đi học chữ Hán, đỗ Phó Bảng nhưng sau chuyển qua Âu học. Tại Hà Nội, ngày còn đi học, Tản Đà say mê một cô hàng sách tên Đỗ Thị Ái Khanh nhưng mối tình này tan vỡ vì mấy lần ông thi trượt. Sự kiện này đã ảnh hưởng sâu xa đến cuộc đời và nguồn cảm hứng của ông trong thi văn.

Nhập vào làng báo, Tản Đà viết cho Đông Dương Tạp Chí, Đông Pháp Thời Báo, giữ mục Thi Đàn cho Tiểu Thuyết Tuần Báo và tờ Ngày Nay. Không những viết báo, Tản Đà còn làm báo, ông điều khiển tờ Hữu Thanh và An Nam Tạp Chí nhưng cả hai tờ báo này không sống được lâu vì thiếu thốn về tài chính cũng như tính tình nghệ sĩ của người điều khiển. Cũng vì vậy mà nghề làm báo của Tản Đà không mấy khá, ông quay sang viết văn viết thơ mượn, cuối cùng phải đi viết tuồng cho những gánh hát để mưu sinh.

Về phương diện văn học, Tản Đà là một nhà thơ có sắc thái rất đặc biệt. Tư tưởng ông dù bị nền cựu học chi phối, vẫn có tính chất tiến bộ nên thi ca của ông phản ánh được ảnh hưởng Nho Lão đồng thời biểu lộ sự tiến bộ của nền văn minh Tây Phương. Đó là một sự dung hòa kỳ diệu mà ít nhà văn, nhà thơ khác tạo được, và đưa ông lên hàng thi sĩ thiên tài. Trong làng báo, ông ít lừng danh như các đồng nghiệp đương thời vì tính tình ông lãng mạn, ít chú trọng tới thực tế. Khi chủ trương tờ An Nam Tạp Chí, ông lâm vào một hoàn cảnh rất bi đát phải xoay sở vất vả để cho tờ báo tồn tại nhưng mặc dù vậy, ông vẫn tỏ ra khinh bạc và sống với những giấc mơ riêng của mình.

Ông mất tại Hà Nội, trong cảnh túng thiếu cùng cực. Báo chí Việt Nam chưa bao giờ có một nhà báo có lý tưởng cao xa và nghèo khổ vất vả như ông. Trường hợp của Tản Đà là một hiện tượng lạ ít thấy xuất hiện. Cũng chính nhờ vậy mà Tản Đà ghi được những nét sâu đậm trong lịch sử báo chí Việt Nam.

NAM CAO (1914-1951)

Nam Cao tên thật là Trần Văn Trí, sinh năm 1914 tại làng Đại Hoàng thuộc tỉnh Hà Nam. Sống thời thơ ấu trong sự nghèo nàn, Nam Cao lớn lên phải ra đời tự lập sớm lại hay bệnh hoạn. Ông có gia đình và đông con. Bản tính Nam Cao hiền hậu, thật thà và khiêm tốn. Đời sống khổ cực của chính bản thân và sự bất công của xã hội lúc đó đã khiến ông bi quan về cuộc đời. Sau ông đi theo phong trào kháng chiến chống Pháp và bị đạn chết tại Ninh Bình năm mới có 37 tuổi.

Nam Cao vào làng văn không gặp nhiều may mắn. Ông viết đủ các loại như tin tức, tiểu thuyết, thơ, kịch. Vào làng báo, Nam Cao cộng tác với Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Phổ Thông Bán nguyệt san và tạp chí Văn Nghệ của phong trào kháng chiến. Các tác phẩm của ông khá nhiều nhưng nay đã thất lạc và chỉ còn lại rất ít.

Làm báo cũng như làm văn, Nam Cao là một con người đặc biệt được kể như một nhà văn hiện thực xã hội. Lúc viết báo, ông muốn dùng các tác phẩm của ông để phơi bày những sa đọa của chế độ đương thời. Vì nhằm mục đích trên nên văn của Nam Cao thiếu bóng bẩy, chỉ nhẹ nhàng, tự nhiên, và vô cùng chính xác.

BÌNH NGUYÊN LỘC

Bình Nguyên Lộc, hay Tô Văn Tuấn, sinh năm 1915 ở làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Bình Nguyên Lộc đi vào làng báo rất sớm và cộng tác với các tờ Tiếng Chuông, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Nhân Loại, Bách Khoa v.v... Ông cũng đã từng chủ trương một tạp chí riêng của ông và một nhà xuất bản.

Bình Nguyên Lộc từng được giới báo chí mệnh danh là một người có óc sáng tạo phong phú và viết không biết mệt. Ông sở trường về loại chuyện dài, các tiểu thuyết tình cảm xã hội và tỏ ra tha thiết yêu quê hương và văn hóa dân tộc. Văn ông giản dị, tự nhiên, linh động và duyên dáng.

MỘNG SƠN

Mộng Sơn, một ngôi bút phái nữ từng nổi bật trong làng báo trước đây, còn có bút hiệu khác là Sơn Tiên, tên thật là Vũ Thị Mai Hương, sinh năm 1920 tại Trung Lao tỉnh Nam Định. Bà thông minh, đọc sách nhiều, có một tầm kiến thức rộng rãi và từng tham gia hoạt động chính trị chống lại phe Đệ Tam Quốc Tế.

Trong làng báo, Mộng Sơn nổi danh ngay từ 1936 khi bà hợp tác với Nguyễn Vỹ để thành lập nhóm Tao Đàn Bạch Nga, rồi sau đó liên tiếp đứng ra chủ trương nhiều tờ báo phụ nữ văn học. Bà là chủ bút tờ Việt Nữ, rồi hợp tác làm tờ Đông Phương, và cộng tác với Phụ Nữ Thời Đàm, Tri Tân, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Phổ Thông Bán Nguyệt San, Thanh Nghị, và Văn Học Tạp Chí. Trong suốt những năm làm báo và viết báo, Mộng Sơn chú trọng vào chủ đề phụ nữ Việt Nam và cải tiến xã hội. Bà viết riêng một tập khảo cứu

nổi tiếng mang tựa đề « Lược luận về Phụ Nữ Việt Nam » với chủ đích đặt lại vai trò của nữ giới.

Trong số các khuôn mặt nữ thuộc hàng ngũ báo chí, ít có người nào viết nhiều và cộng tác với nhiều báo như Mộng Sơn. Ngoài ra, Mộng Sơn là một con người đa dạng : một nhà báo, một nhà văn, một chính trị gia và nhà xã hội học. Tài năng của bà đã được chứng tỏ trong những tác phẩm triết học và văn học sử do bà biên soạn.

THU VÂN

Thu Vân, tên thật là Lê Thị Anh, sinh năm 1925 tại làng Long Hậu, quận Lai Vung tỉnh Sa Đéc. Theo học tại ngoại quốc trong một thời gian dài, bà trở về nước và bắt tay ngay vào việc viết cho các báo Văn Hóa Ngày Nay, Tân Phong và Văn Đàn. Trong khi đó bà cũng sáng tác một số truyện dài, nổi tiếng nhất là cuốn Đất Mẹ.

Trong số những nhà văn nữ, Thu Vân ít nổi tiếng hơn các đồng nghiệp của làng báo, lý do là vì các tác phẩm của bà chuyên về phân tích tình cảm và tâm lý ở trình độ cao. Lối hành văn của bà tương đối giản dị nhẹ nhàng.

CHƯƠNG 5 : BÁO CHÍ HÔM NAY

Con đường hoạt động của báo chí Việt Nam, nếu kể đúng 100 năm, sẽ kéo dài từ 1865 tới 1965 là thời gian mà nền báo chí xứ ta đã trải qua đủ mọi biến cố thăng trầm để thoát cảnh phôi thai mà trở thành già dặn. Trong khoảng thời gian đó, những người cầm bút, chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp, đã đóng góp không biết bao nhiêu công lao để nền báo chí có được chỗ đứng vững mạnh ngày nay. Họ đã sống với lý tưởng, đã tranh đấu, đã hy sinh, và có những người đã hy sinh cả mạng sống của mình cho báo chí. Cuộc tranh đấu của họ lúc bộc phát, lúc âm ỷ, nhưng liên tục và kiên trì.

Nhìn lại đoạn đường mà nền báo chí Việt Nam đã trải qua, những kẻ hậu sinh đang sống với nghề cầm bút không thể không thán phục những người đi trước, những đàn anh đã mở con đường bằng phẳng cho đàn em nối gót theo sau. Nhìn về quá khứ, những ai trong hàng ngũ báo chí hôm nay phải lấy làm hãnh diện rằng làng báo Việt Nam đã có những vị tiền bối can trường xả thân dùng cây bút làm lợi khí cho cuộc đấu tranh giành độc lập cho xứ sở, xây dựng một nền văn hóa mới cho dân tộc, và kiến tạo một xã hội mới cho các thế hệ sau. Chúng ta hãy kính cẩn nghiêng mình tỏ lòng ngưỡng mộ những chiến sĩ đã đấu tranh trên mặt trận chính trị, mặt trận văn hóa cũng như mặt trận xã hội.

Sang thời hiện đại, những người cầm bút hôm nay có xứng đáng với những ước mơ của người quá cố hay không, và nền báo chí Việt Nam ngày nay có được những lý tưởng cao đẹp như trong thời gian 100 năm quá khứ thăng trầm của nó hay không.

Xin hãy nhìn vào thực trạng của báo chí để trả lời. Thực trạng đó, thay vì giới hạn vào năm 1965 cho tới ngày nay, cần phải được lui lại năm 1963 là năm có biến cố lịch sử trọng đại là Cuộc Cách Mạng tháng 11. Cũng như trong quá khứ, các biến cố lịch sử thường được dùng làm mốc thời gian đánh dấu những biến chuyển lớn trong làng báo, Cuộc Cách Mạng tháng 11-1963 là một tấm bảng lớn đánh dấu sự chuyển tiếp của báo chí từ một thế hệ

bị kèm kẹp dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa sang thể hệ buông thả của những chế độ hậu Cách Mạng. Thực trạng của báo chí, kể từ ngày đó cho đến nay chứa đựng đầy rẫy những tính chất bi hài nổi bật, những màu sắc đặc biệt mà ít có nền báo chí nước nào có được.

Khi nhận định các sắc thái của nền báo chí Việt Nam hiện đại, các nhà khảo sát đã đưa ra nhiều kết quả khác nhau, người thì quá khắt khe lên án báo xứ ta đi vào cơn thác loạn sau những ngày sôi động của lịch sử, người khác lại quá dễ dãi kết luận rằng khu rừng báo chí sau ngày Cách Mạng năm 63 là một dấu hiệu đầy khích lệ của một nền báo chí phát triển vượt bậc. Có lẽ cả hai lời nhận xét trên đây đều có hơi mang màu sắc chủ quan, muốn tô màu cho các sinh hoạt báo chí theo ý riêng của mình. Chúng ta hãy thử nhận định các sinh hoạt báo chí Việt Nam theo một lăng kính khách quan, qua nhiều phương diện.

Đầu tiên là phương diện **LỊCH SỬ**. Trong quá khứ, vào thời kỳ khởi thủy, báo chí xứ ta đã đóng một vai trò lịch sử tích cực, và sự hiện diện của báo chí trong khung cảnh lịch sử của quốc gia thật là cần thiết, hầu như không thể thiếu. Ngày đó, để chống lại chế độ thuộc địa, báo chí Việt Nam đã nhất loạt đứng thành một hàng ngũ kiên cố để cùng nhau tạo thành một lực lượng đáng kể làm cho nhà cầm quyền thuộc địa phải e ngại. Đây cũng là tình trạng của báo chí Việt Nam vào thời gian trước và sau Cách Mạng 1963.

Thật vậy, ngay từ khi các phong trào quần chúng chưa được ồ ạt tung ra, và nhà cầm quyền tiền Cách Mạng chưa kịp diễn những ngón đòn ác liệt để phản ứng thì báo chí đã « ngửi » thấy bước chân của lịch sử. Cho đến khi các lực lượng quần chúng nhất tề đứng dậy, thì báo chí đã sẵn sàng tiếp ứng không hề chậm trễ. Trong cuộc Cách Mạng 1963, sự đóng góp của báo chí phải được kể là ngang hàng với sự đóng góp của mọi lực lượng khác đã có công triệt hạ chế độ đương thời.

Nhưng vai trò lịch sử của báo chí không phải chỉ chấm dứt sau ngày Cách Mạng đã thành tựu. Trong giai đoạn sau Cách Mạng, báo chí Việt Nam vẫn nuôi dưỡng ý chí đấu tranh, kiên trì hoàn thành sứ mạng và kiên nhẫn

chờ đợi những biến chuyển mới để khi cần có thể xuất đầu lộ diện ngay và nhập cuộc. Những ai chỉ trích sự xô bồ của báo chí trong thời gian này cũng có vẻ quá khe khắt, vì sau bao nhiêu năm bị gò bó, bây giờ gặp một bầu không khí tốt để nảy nở, nó có trở thành ô ạt cũng là lẽ đương nhiên. Xin hãy nhìn vào nền báo chí Hoa Kỳ sau cuộc Cách Mạng 1774 để tìm thấy một điểm tương đồng. Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập của người Mỹ đã thành tựu, báo chí Mỹ cũng xô bồ như vậy nhưng chính trong sự xô bồ này có sự lớn mạnh phi thường.

Sau phương diện lịch sử phải kể tới phương diện **KINH TẾ** và **XÃ HỘI**. Sau ngày Cách Mạng thành công, báo chí đã trở thành một « chất xúc tác » giúp cho mọi ngành hoạt động kinh tế phát triển khả quan, vượt hẳn thời gian trước. Báo Chí đi vào giai đoạn thương mại hóa triệt để và biến thành một môi trường thuận lợi cho công cuộc doanh thương. Về phương diện này, chúng ta phải nhìn vào con số nhật báo xuất hiện, cùng với khối lượng quảng cáo khổng lồ mới thấy được tầm vóc của báo chí đối với đà phát triển kinh tế. Trong thời kỳ tiền Cách Mạng 1963, về mức độ quảng cáo thì không một tờ báo nào chiếm nổi 1 phần 3 diện tích 8 trang giấy, và phải chờ tới thời kỳ sau Cách Mạng, dịch vụ quảng cáo thương mại mới « thừa thắng xông lên » đạt tới địa vị thiết yếu của nó trong khung cảnh thịnh vượng chung của mọi ngành hoạt động.

Khía cạnh *xã hội* của nền báo chí Việt Nam cũng đã được biểu lộ một cách trung thực trong thời kỳ hậu Cách Mạng. Báo chí hiện đại, như một tấm gương soi, đã phản chiếu rất chính xác nếp sinh hoạt, khuôn mẫu, tình cảm và chiều hướng của dân chúng trên mọi ngã đường mà vẫn không quên pha lẫn vào đó những truyền thống cố hữu của dân tộc. Trước đây, báo chí ít phản ánh những nếp sinh hoạt trung thực của quần chúng nhưng sau Cách Mạng 1963, mọi nếp sống của đủ các giai tầng xã hội đã được phơi bày trên mặt báo, qua sự diễn tả của những người cầm bút chung sống với họ, và bằng những thiên phóng sự linh động và chân thực. Chỉ tiếc một điều mà báo chí trong quá khứ cũng đã từng mắc phải, đó là một thiếu số ký giả thiếu lương tâm đã cố ý phơi bày những lối sống thác loạn ngoại lai để đầu độc

giới trẻ mới bước chân vào đời, chưa kịp có một nhận định chín chắn để tránh né. Thiếu số này không phải là những người cầm bút có lý tưởng xây dựng xã hội như lớp đàn anh trong thời gian trước.

Việc phổ biến lối sống thác loạn của những lớp người hưởng thụ trong xã hội cũng đã khiến cho báo chí bị chỉ trích nặng nề về phương diện **VĂN HÓA**. Người cầm bút trong thế hệ trước đã dùng báo chí để phát huy văn hóa theo chiều hướng truyền thống dân tộc, nhưng từ ngày Cách Mạng thành công cho đến nay, hầu hết báo chí trở thành một môi trường thuận lợi biến nền văn hóa cổ của chúng ta thành lai căng, xa lạ. Hầu hết những tờ nhật báo xuất hiện và tồn tại sau ngày 1-1-63 đã tự biến thành những khu đất tốt trên đó mọc đủ những thứ cỏ dại mà chủ vườn không hề mong mỏi nhưng đành phải chấp nhận. Văn chương báo chí trong những năm gần đây, nhất là những năm tiếp giáp biến cố lịch sử 1963, đã để lộ tính chất sa đọa của nó.

Muốn giải thích được hiện tượng này, cần phải nhìn vào con số đông đảo các nhật báo ồ ạt xuất hiện sau ngày Cách Mạng. Làng báo lúc đó như một tập thể đặt nặng tính chất lượng nhưng nhẹ tính chất phẩm. Với một số đông góp mặt trong làng như vậy, định luật đào thải được áp dụng triệt để và tàn bạo hơn bao giờ hết. Để sinh tồn, các báo phải đua nhau khai thác đủ mọi khía cạnh mong tạo được tính chất giật gân và câu độc giả. Từ tình trạng đó, văn chương không còn là một phương tiện văn hóa mà trở thành phương tiện thương mại giúp các nhật báo tìm ra sinh lộ giữa một cuộc chạy đua ác liệt và dài hạn.

Riêng về phương diện này, mọi nhà khảo sát báo chí đều đồng quan điểm rằng báo chí đã không giữ nổi vai trò của mình trong đời sống văn hóa dân tộc một cách hoàn hảo. Bỏ rời môi trường phát huy văn hóa, báo chí tự hạ mình xuống thành một món hàng buôn mà người bán phải cố chiều theo ý khách để còn sống được mà tiếp tục cuộc hành trình. Trong những năm của thập niên 40, báo chí cũng đã từng đi vào con đường thương mại hóa nhưng chưa hề nhập cuộc một cách hết mình như vậy. Thời đó, nền báo chí Việt cũng đã đặt nặng vấn đề kinh doanh để tồn tại và gần như xóa bỏ cả

quãng đời đấu tranh oanh liệt trước kia. Sau Cách Mạng 1963, cái chu kỳ thương mại hóa lại tiếp diễn, ác liệt hơn, trợn vện hơn và làm nản lòng những người cầm bút trong hàng ngũ ký giả có lý tưởng.

Nhưng nếu đặt khía cạnh văn hóa của báo chí vào trong khung cảnh xã hội chung của dân tộc, chúng ta không thể quá khắt khe để kết tội rằng văn chương sa đọa trên báo chí sau ngày Cách Mạng 1963 là một sản phẩm do báo chí đơn phương tạo nên. Phải nhận rằng nó là một sản phẩm chung do rất nhiều yếu tố góp phần cấu tạo, trong đó bối cảnh xã hội là tác giả chính. Xã hội chúng ta, trong những năm tháng tiếp giáp cuộc Cách Mạng 1963, là một sân khấu vĩ đại với đủ các diễn viên và đủ các màn thác loạn tiếp diễn một cách khá ngoạn mục. Các diễn viên cũng có thể là những kẻ đã từng xuất hiện trước đây, nhưng sau 1963, họ tái xuất giang hồ với những hia mào mới và bối cảnh mới. Báo chí trong những ngày này chỉ làm công việc mà nền báo chí bất cứ quốc gia nào cũng phải làm, đó là phản ánh một cách hoàn toàn trung thực những hoạt cảnh xã hội đang diễn ra trên thực tế. Nó không hề bóp méo sự thực, không hề gạn lọc chi tiết, và cũng không hề tô màu thêm cho những bức phong đã có sẵn màu.

Một nhà báo quốc tế khi nhận định về nền báo chí Việt Nam sau thời Cách Mạng 1963 đã viết rằng « báo chí Việt Nam tương đối ít có ảnh hưởng, chỉ thiên về mục đích ủng hộ phe nhóm và thường tạo tính chất giết gân ». Điều này quả thật có đúng trên thực tế. Sau Cách Mạng 1963, báo chí Việt Nam gần như trở thành khí cụ tranh đấu hay cơ quan ngôn luận của những lực lượng chính trị, tôn giáo, hay quần chúng. Hiện trạng báo chí ngày nay cho chúng ta thấy rõ điều đó. Trong số những nhật báo còn góp mặt trên thị trường, có lẽ không có tờ báo nào mà không có một lực lượng chính trị làm hậu thuẫn ở sau lưng. Tất cả báo chí Việt Nam sau Cách Mạng 1963 đều đã trở thành phương tiện phục vụ cho những quyền lợi riêng biệt. Cũng vì vậy mà ảnh hưởng của báo chí trong thời hiện đại đã giảm sút rất nhiều, chỉ vì các quyền lợi không thể dung hòa với nhau, và báo chí không còn là một phương tiện chung của toàn dân, tranh đấu cho một lý tưởng chung của toàn đất nước, và hướng về một mục tiêu chung của mọi người cầm bút.

Muốn có một cái nhìn vừa tổng quát, vừa chính xác về nền báo chí hiện tại, chúng ta cần khảo sát tất cả những nhật báo hiện đang phục vụ dư luận tại Việt Nam. Những nhật báo này dù không phản ánh hết những đặc tính của nền báo chí hậu Cách Mạng nhưng cũng cho thấy những khía cạnh đặc biệt kết tinh từ một thời « báo chí trăm hoa đua nở » sau ngày toàn dân hoàn thành Cách Mạng.

Nói về tầm ảnh hưởng của báo chí hiện đại, chúng ta cần phải có một nhận định toán học hóa, nghĩa là dựa vào các con số thống kê hoặc ước lượng tương đối chính xác để tìm ra chỉ số ảnh hưởng. Vào một thời gian sau cuộc Cách Mạng 1963, làng báo Việt Nam có tất cả khoảng 35 tờ nhật báo đủ mọi khuynh hướng phục vụ dư luận với số độc giả ước lượng 700.000 rải rác trên toàn quốc nhưng đa số quy tụ vào đô thành và các thị trấn. Với con số độc giả đó, tính trung bình mỗi tờ nhật báo phục vụ cho dư luận của khoảng 20.000 người.

Thời kỳ trên đây được coi là mức hoạt động lý tưởng của làng nhật báo. Đối với một quốc gia với 17 triệu dân như Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 700 ngàn người đọc nhật báo là một điều lạc hậu và bất cứ một nhà khảo sát báo chí ngoại quốc nào cũng phải lấy làm ngạc nhiên. Nhưng tại xứ này, báo chí vẫn còn phải chịu đựng tình trạng chậm tiến chung, và nếu lúc nào cũng có 700 ngàn độc giả như thời kỳ 1964-1965 cũng đã là một tình trạng khả quan. Số dân còn lại của 17 triệu người, nếu không đọc nhật báo, có thể theo dõi các chương trình truyền thanh, truyền hình, hoặc là các độc giả của các tạp chí định kỳ.

Nhưng rồi những biến chuyển về chính trị, kinh tế và xã hội trong những năm tiếp theo sau 1965 đã đưa mức ảnh hưởng của báo chí hạ thấp xuống. Trước hết là số độc giả giảm sút, một phần vì người dân đã cảm thấy chán theo dõi những biến cố xảy ra đều đều, và một phần vì tình hình khó khăn về kinh tế. Vào những năm cuối của thập niên 60, con số độc giả khắp trên toàn quốc ước lượng chỉ còn lại phân nửa. Trong khi đó, cuộc cạnh tranh trong làng báo cũng đã trở nên ác liệt, và một số lớn nhật báo đã bị luật đào thải chi phối. Từ 35 báo năm 1965, làng báo rút xuống khoảng 20 tờ vào

năm 1969. Một đảng vì độc giả giám sát, một đảng vì báo giám sát, chỉ số ảnh hưởng giữa tỉ lệ báo và độc giả đã khác đi nhiều, để rồi tới khoảng năm 1972, nền báo chí Việt Nam đi vào một tình trạng cực kỳ khó khăn, khi 16 tờ nhật báo tranh nhau khoảng 200 ngàn độc giả.

Ngoài khía cạnh ảnh hưởng, nền báo chí hiện đại tại Việt Nam được nhận xét là mang quá nhiều tính chất giật gân mà ít chú trọng vào phẩm chất tin tức. Nhìn vào bất cứ tờ báo nào ngày hôm nay chúng ta cũng nhận ra điểm giật gân đó. Những tin tức trên mặt báo thường đều do cùng một xuất xứ, nhưng tựa đề là sản phẩm riêng của mỗi tờ báo. Tính chất giật gân nằm trong việc đặt tíu tùy óc sáng tạo của người viết. Trong tất cả các trường hợp, tựa đề của bài tin là một sự thổi phồng quá lớn trong khi chính bài tin chẳng chứa đựng được bao nhiêu. Đây là một tình trạng mà có lẽ chỉ riêng báo chí Việt Nam mới có, bắt nguồn tự cuộc tranh sống gay cấn hàng ngày. Tin tức giống nhau, các báo chỉ còn cách chiếm độc giả bằng những hàng tíu giật gân trải đầy trên trang báo.

Đó là những đặc điểm chính giúp chúng ta nhận diện nền báo chí Việt Nam hôm nay. Sau 100 năm được tôi luyện trong hoàn cảnh lịch sử của đất nước, báo chí Việt Nam đã hoàn toàn trưởng thành và đủ sức đảm nhiệm vai trò đối với dân tộc và thế giới. Những thăng trầm liên tiếp trong thời gian 100 năm qua đã giúp báo chí Việt Nam mau lớn mạnh, dù nó phát sinh sau nền báo chí của nhiều quốc gia khác. Nhìn vào lịch sử báo chí thế giới, chúng ta thấy vào năm 1865, khi tờ báo Việt Nam đầu tiên xuất hiện, thì báo chí Pháp đã sống được 200 năm, báo chí Anh đã ở vào thời hưng thịnh, và báo chí Mỹ đã trải qua gần 100 năm hoạt động. Tới ngày nay, nếu đừng nói tới những thiếu thốn về kỹ thuật thì chúng ta phải nhận định rằng báo chí Việt Nam đã thành công, đã thực hiện được nhiệm vụ của mình trong những thời kỳ khó khăn gay cấn nhất. Những người làm báo chân chính tại Việt Nam cũng có thể nghĩ như vậy để tìm thấy niềm hãnh diện.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lịch sử Báo Chí Việt Nam của Huỳnh Văn Tòng
- Tạp Chí Bách Khoa (bài của Nguyễn Ngu Í. số 25 ngày 15-1-1966)
- 41 năm làm báo của Hồ Hữu Tường
- Giảng Văn của Vũ Quế Viên
- Giảng Văn của Trần Bằng Phong
- Văn hóa Nguyệt San (số 4-9-1964)
- Nghề Viết Báo của Tế Xuyên
- Đặc San Truyền Thông Đại Chúng (Số 1, 1974)

**PHỤ BẢN SƠ ĐỒ : CÁC GIAI ĐOẠN TRONG TIẾN TRÌNH BÁO
CHÍ V.N.**

	Tiêu chuẩn phân chia	1865	1875	1885	1895	1905
A.	Sinh hoạt báo chí				(1)	
B.	Y thức chính trị			(1)	Giai đoạn vô thức	
C.	Biến cố thời sự				(1)	
D.	Biến cố Lịch sử quốc gia và quốc tế		(1)		1884 Hỏa Uớc Patenôtre	(11)
E.	Văn hóa và kỹ thuật báo chí				(1)	
F.	Con số độc giả				(1)	

	1915 Phát triển văn hóa	1914 Thế chiến 1	1918 Báo chí đấu tranh chính trị		1913 (Báo chí do người Việt làm)	1915
	(III)	(III)	(III)		(III)	1925
1929 Thần chung Phụ nữ T.V	1930 Cách mạng báo chí		1930 Phát triển	Báo chí có ý thức	1930 Phát triển	1935
	(III)	1938 Thế chiến 2	(III)	(III)	(III)	1945
	1945 Phát triển và ý thức	1945 Thương mại hóa	1945 Thương mại hóa		1940 Phân hóa	1955
	(IV)	(IV)	(IV)		(IV)	1965

Đón đọc cùng một tác giả

VĂN PHẠM ANH VĂN

CÔNG THỨC HÓA

Một quan niệm mới về phương pháp dạy và học Văn Phạm Anh Văn, biến chế từ phương pháp của Đại Học MSU, Hoa Kỳ. Phương pháp công thức hóa được coi là dễ hiểu, dễ nhớ và dễ áp dụng cho học sinh mọi trình độ.

*

ÔNG CHỦ NHIỆM

Cấm nang dành cho những người sắp đi vào làng báo, nhất là sinh viên các Phân Khoa Truyền Thông sắp nắm giữ các chức vụ điều hành tòa soạn.

NAM-SƠN XUẤT BẢN

IN TẠI NHÀ IN NAM SƠN 36, NGUYỄN AN NINH SAIGON. SỐ
LƯỢNG ẤN BẢN 3000 CUỐN. GIẤY PHÉP SỐ 4509
BDVCH/PHBCNT/ALP/TP SAIGON NGÀY 13-8-74. PHÁT HÀNH
NGÀY 15-9-74.

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[\[←1\]](#)

Các báo không mấy nổi tiếng :

1930 La Revue Caodaïsto

1930 Khoa Học Tạp Chí

1932 Chớp Bóng

1932 Từ Bi Âm

1932 Hoàn Cầu Tân Văn

1933 Dân Báo

1933 Niết Bàn Tạp Chí

1935 Kịch Bóng

1935 Diển Tín

1936 Đại Đạo

1936 Nữ Công Tạp Chí

1936 Vì Chúa

1937 Nay

1937 Thế Giới Tân Văn

1937 Y Học Tạp Chí

1938 Lao Động

1938 Người Mới

1938 Tự Do

1938 Đuốc Công Lý

1938 Phóng Sự

1939 Áo Thuật Tạp Chí

1941 Bạn Đường

1941 Đồng Thịnh

1941 Nghệ Thuật Việt Nam

1941 Ngòi Bút

1941 Tri Tân

1942 Khoa Học

1943 Thanh Niên

1945 Kỷ Nguyên Mới

1945 Phục Hưng

Table of Contents

CHƯƠNG I : PHÂN CHIA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

2. PHẢI CHỌN NHỮNG TIÊU CHUẨN NÀO ĐỂ PHÂN CHIA CÁC GIAI ĐOẠN

- a) Tiêu chuẩn hoạt động của báo chí
- b) Tiêu chuẩn ý thức chính trị
- c) Tiêu chuẩn các biến cố thời sự (chính trị, xã hội, văn hóa và phát triển báo chí)
- d) Tiêu chuẩn lịch sử
- e) Tiêu chuẩn văn hóa và kỹ thuật
- f) Tiêu chuẩn độc giả
- g) Tiêu chuẩn thể hệ

3. NHẬN XÉT

4. KẾT LUẬN

CHƯƠNG 2 : NHỮNG GÌ ĐÃ XẢY RA TRONG TIẾN TRÌNH 100 NĂM CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

- a) Cảnh lệ thuộc của báo chí
- b) Những tờ báo mới xuất hiện
 - Gia Định Báo (1865-1897)
 - Đông Dương Tạp Chí (1913-1916)
 - Nam Phong Tạp Chí (1917-1934)
 - Các tờ báo khác (xuất bản trong thời gian từ 1865 tới 1917)

2. THỜI KỲ BÁO CHÍ ĐI VÀO Ý THỨC QUỐC GIA (1918-1929)

- Báo Đông Tây (1929 tới 1932)

- Phụ nữ Tân Văn (1929-1934)

3. MỘT MÙA TRĂM HOA ĐUÀ NỞ (1930-1945)

- Phong Hóa và Ngày Nay (1932-1940)

4. BÁO CHÍ KHÁNG CHIẾN (1945-1954) VÀ THỜI KỲ THƯƠNG MẠI HÓA CỦA BÁO CHÍ (1945-1965)

5. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU GENÈVE (1954-1963)

6. BÁO CHÍ THỜI KỲ HẬU CÁCH MẠNG

CHƯƠNG 3 : ẢNH HƯỞNG LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI CÁC SINH HOẠT BÁO CHÍ VIỆT NAM

1. TỔNG QUÁT

2. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ THỜI KỲ PHÁP THUỘC ĐẾN 1-7-1949

3. LUẬT PHÁP ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-7-1949 ĐẾN NGÀY CÁO CHUNG ĐỆ I CỘNG HÒA 1-11-1963

4. LUẬT PHÁP HIỆN ĐẠI ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TỪ 1-11-1963 ĐẾN NAY

5. NHỮNG NÉT CHÍNH CỦA SẮC LUẬT 007

a) Tóm lược sắc luật

b) Đặc điểm của Sắc luật

c) Ảnh hưởng của Sắc luật 007/TT/SLU

CHƯƠNG 4 : NHỮNG KHUÔN MẶT LỚN CỦA LÀNG BÁO

TỔNG QUÁT

TRƯƠNG VĨNH KÝ

HUYỀN TỊNH CỦA

NGUYỄN VĂN VĨNH

PHAN KẾ BÌNH

PHẠM QUỲNH

NGUYỄN BÁ HỌC

PHAN KHÔI

NGUYỄN TRỌNG THUẬT

NGUYỄN VĂN TỐ

NGUYỄN AN NINH

BÙI QUANG CHIÊU

HOÀNG TÍCH CHU

SƯƠNG NGUYỆT ANH

ĐÀO TRINH NHẤT

NHẤT LINH (1906-1963)

KHÁI HƯNG (1896-1947)

NGUYỄN TUÂN

THẾ LŨ

HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)

PHI VÂN

TẢN ĐÀ (1888-1939)

NAM CAO (1914-1951)

BÌNH NGUYỄN LỘC

MỘNG SƠN

THU VÂN

CHƯƠNG 5 : BÁO CHÍ HÔM NAY

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ BẢN SƠ ĐỒ : CÁC GIAI ĐOẠN TRONG TIẾN TRÌNH
BÁO CHÍ V.N.